

VIÊN GIÁC



BỘ MỚI
SỐ

14 THÁNG TƯ NĂM 1983
APRIL 1983

AUSGABE IN VIETNAMESESISCH UND DEUTSCH



TẠP CHÍ CỦA KIỀU BÀO VÀ PHẬT TỬ VIỆT NAM TẠI CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC
ZEITSCHRIFT DER VIETNAMESEN UND VIETNAMESISCHEN BUDDHISTEN
IN DER BUNDESREPUBLIK DEUTSCHLAND

Chương trình Đại lễ Phật Đản 2527

Tại HANNOVER trong những ngày 6,7 và 8.5.1983

Thứ sáu ngày 6 tháng 5 năm 1983:

- 15:00 Ban văn nghệ và Ban Trai Soạn tập trung tại Jugendzentrum Hannover-Badenstedterstr. 41.Tel.0511-445 835 và tại chùa Viên Giác - Eichelkampstr. 35A, 3000 Hannover 81.Tel.0511-864638
- 18:00 Cơm tối
- 20:00 - Thuyết pháp (do Thượng Tọa Thích Minh Tâm đến từ Paris thuyết giảng - đề tài: "Đạo Phật với con người").
- Chiếu phim về lễ Phật Đản 2526 tại Pháp (Cả 2 phần trên đều tổ chức tại chùa).
- 24:00 Chi tịnh
- Thứ bảy ngày 7 tháng 5 năm 1983:

- 07:00 Công phu tại chùa
- 08:00 Điềm tâm
- 09:00 Đồng bào Phật Tử từ các địa phương xa về chùa và Jugendzentrum.
- 10:00 - Lễ cầu an tại chùa
- Họp Hội Phật Tử tại Jugendzentrum
- 12:00 Ngọ trai
- 14:00 - Thuyết pháp tại chùa do Thượng Tọa Thích Minh Tâm thuyết giảng (đề tài: ý nghĩa sứ Đản Sinh của Đức Phật)
- và tại Jugendzentrum do Đại Đức Thích Như Điền thuyết giảng về đề tài: "Phật Giáo khắp 5 châu"; vào lúc 15:00 tổng dợt tại rạp hát "Theater am Aegi"
- 17:00 - Cơm chiều
- Di chuyển từ Jugendzentrum và từ chùa sang rạp hát "Theater am Aegi".
- 19:00 Đêm văn nghệ bắt đầu với sự cộng tác của Ban Văn Nghệ Hội Phật Tử Tây Đức và một số những nghệ sĩ cải lương trong tuồng "TIẾNG HẠC TRÔNG TRẮNG" với các vai như sau: Phương Thanh vai Thi Đăng, Chí Tâm vai Bình Thiếu Quân, Hoàng Long vai Tô Diên, Ngọc Lưu vai Lý Trang chủ, Minh Đức vai Lương y (Thần y Đông Trạch) Minh Tâm vai Thúc võ sư, Hương Lan vai Xuyên Lan, Hà Mỹ Liên vai Lý phu nhân, Kim Chi vai Lý Tiểu Thủ, Tài Lương, góp phần vào tiết mục tân cổ giao duyên. Phần nhạc đệm cổ Minh Thanh và Thiếu Phong phụ trách.
- 23:30 Đêm văn nghệ chấm dứt.
- Chủ nhật ngày 8 tháng 5 năm 1983:

- 07:00 Công phu tại chùa
- 08:00 Điềm tâm
- 09:00 Di chuyển từ Jugendzentrum về chùa
- 10:00 - Cử hành nghi lễ chính thức Đại Lễ Phật Đản 2527.
- Lời tác bạch của chư Phật Tử
- Đạo tử của Thượng Tọa Thích Minh Tâm và Đại Đức Thích Như Điền
- Tung kính Khánh Đản
- 12:00 Lễ Trai Tăng
- 12:30 Ngọ trai
- 14:00 Lễ quy y Tam Bảo
- 15:00 Chấm dứt buổi lễ.

Những điều cần lưu ý:

Đề có phương tiện cho Ban Trai Soạn lo về vấn đề ăn thực cho quý vị trong 2 ngày lễ. Xin Quý vị đóng góp 20DM cho mỗi người, tham dự. Ngoài ra, năm nay chùa phải thuê riêng một đoàn hát cải lương từ Paris qua rất tốn kém, nên mong Quý vị đóng góp thêm 10DM cho mỗi người để có vé vào cửa.

- Xin thông báo số người về tham dự lễ, hoặc bằng thư hoặc bằng điện thoại trước ngày 01 tháng 5 năm 83.
- Những vị nào muốn quy y Tam Bảo xin gởi tên tuổi, ngày và nơi sinh về chùa trước để tiện việc viết phái quy y.
- Nên mang theo túi ngủ về chùa, phòng khi trời trở tiết.

Xin cảm ơn quý vị.

Trong số này
In dieser Ausgabe

Thư Toà Soạn	trang 01
Tinh thần và hình thái	
Giáo Dục của Thiên Học	02
Cảnh giới Hoa Nghiêm	05
Lá Thờ Tịnh Độ	07
Đạo Phật trong lãnh vực	
văn hóa nghệ thuật	10
Việt Nam Phong Su'	13
Quốc Su' tập lục	14
Truyện Hưng Đạo Vương	17
Thơ	20
Allgemeine Buddhalehre	21
Gefangener des Vietcong	23
Die illustrierte Gesch.	
Buddhas	27
Das Wunder, wach zu sein	30
Bereichern unseren buddh.	
Wortschatz	35
Thơ	37
Những ngày đi đăng ký	38
Đường không biên giới	41
Thuyết thời gian	44
Hạnh phúc của Thi	48
Trang Giáo Lý GĐPT	51
Ông Thân và ông Su'	56
Gia chánh chay	59
Tin tức	60
Tin Xã Hội của Hội PT	61
Bài giải đáp câu hỏi	62
Thông cáo	63
Phùng danh Quý ĐH PT	64

Chủ trương Thích Như Điện
Herausgeber
Kỹ thuật Thị Chơn
lay out

Cùng sự cộng tác của
Mitwirkung der
Hội Sinh viên và Kiều bào
Phật tử Việt nam
tại Cộng hòa Liên bang Đức
Vereinigung d. vietn. buddh.
Stud. u. Vietn. in d. BRD e. v.
Tòa soạn Pagode VIÊN GIÁC
Redaktion
Trung tâm Văn Hoá Phật Giáo VN
Vietnam. buddh. Kulturzentrum
Eichelkampstr 35a, 3000 Hannover 81
Tel. 0511. 864638



Thư tòa soạn

Trong thế gian này không có gì vinh cửu bằng chân lý của Đạo, không có gì cao thượng hơn giáo lý giải thoát của Đức Thế Tôn và không có bút mực nào để tả hết được những sự cứu người giúp đời của các vị Phật, các vị Bồ Tát trong quá khứ, hiện tại hay nhân đến trong tương lai. Các vị Bồ Tát, các vị Phật xuất hiện trong đời này là vì chúng sanh còn đau khổ, vì thế các Ngài có hạnh nguyện thị hiện vào giữa chốn uế trước này để cứu khổ độ mê. Khi chúng sanh thấm nhuần được hương vị giải thoát của Đạo và khi chính tự thân mình hiểu được, thực hành được giáo lý ấy thì cuộc đời của chính mình được thăng hoa ở mọi phương diện và cũng chính những chúng sanh nhiều khổ đau tục lụy ấy ca tụng, cúng dường các NGÀI suốt tư trong vô thí kiếp cho đến ngày nay.

Mặc dầu trong hơn 25 thế kỷ trôi qua nhưng nhân loại vẫn sùng kính NGÀI - Đức Bồn Sư Thích Ca - như là một bậc thầy vương, biết chữa bệnh và cho thuốc cho bất kỳ lúc nào và bệnh gì. Vì thế dầu thời gian có trôi đi, không gian có biến đổi lòng nhân thế vẫn một mực tôn sùng NGÀI như là một bậc CHA LÀNH của nhân loại và của những loài chúng sanh khác. Và cứ mỗi năm đến ngày ĐẢN SANH của Ngài, loài người lại có dịp kỷ niệm, cúng dường sự xuất hiện ra đời và vì đời có tính cách cao cả đó. Trong mọi sự tôn sùng có một vài sự sùng bái được hát lên như sau:

"Mừng ngày rằm đến Đản Sanh tháng tư này,
Ngày ta vui đón Bồn Sư Thích Ca về,
Ngài về trần gian vui hân hoan thành tâm đốn,
Đầy đó vui mừng reo,
Thề nguyện noi theo ơn NGÀI đem cứu vớt,
Những phút sống lâm than, phá cuộc đời si mê,
Đón NGÀI về vinh quang.
Và đây ta nhớ tình ta thắm dâng tràn,
Búng lên sức sống điểm tô lấy sen vàng,
Mùa Xuân còn đó lòng ta vẫn ghi hoài,
Nhớ ngày rằm đến ĐẢN SANH tháng tư này."

Trước sự ĐẢN SANH cao thượng đó, chúng con xin chấp tay nguyện cầu cho nhân loại được bớt khổ đau, thế giới được hòa bình và mọi người, mọi loài đều coi nhau như thể anh em thân thuộc, đừng ganh ghét, tị hiềm với nhau để gây ra chiến tranh và khổ nạn.

— VIÊN GIÁC —

TINH THẦN và HÌNH THÁI GIÁO DỤC của THIÊN HỌC

THÍCH HẠNH TUẤN

Trong những loại hình thái giáo dục, từ những triết thuyết của thế gian cho đến những triết thuyết của các tôn giáo trên thế giới, mỗi lãnh vực đã có những tinh thần và hình thức khác nhau. Riêng Phật Giáo tuy cùng một mục đích duy nhất: Kiến tánh thành Phật "những trên phương diện hóa độ cũng phải mang nhiều hình thái riêng biệt. Chúng ta nhận biết điều này một cách rõ ràng nhất khi Đạo Phật được truyền sang Đông Độ đã chia thành 10 tôn phái. Mỗi tôn phái lại có một giáo điều riêng biệt và một số kinh điển làm sở y cũng khác nhau. Dĩ nhiên tôn phái nào cũng đều có những nét đặc sắc của nó.

Trong giới hạn của bài này chúng tôi chỉ tìm hiểu về "Tinh thần và hình thái giáo dục của Thiên học". Như vậy khi thiết lập một tôn riêng cho mình là Thiên tôn, các vị Tổ sư cũng đã tạo cho mình một đường lối tu tập không giống với các tôn phái khác. Vì thế trên phương diện này, Thiên học đã có những đóng góp gì cho nền văn hóa chung của Phật Giáo, cho cộng đồng nhân loại, cho con người?

Đối tượng giáo dục của Thiên luôn luôn lấy con người làm căn bản. "Trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật" đó là ngữ nghĩa của Thiên. Cho nên khi sang Đông Độ truyền pháp, Sơ Tổ Bồ Đề Đạt Ma (Bodhidharma) không tuyên bố gì khác hơn là làm giác ngộ nhữn hạng mê mờ: "Ngộ bốn lai tự độ, truyền pháp cứu mê tỉnh!..."

Vấn biết rằng con người sẵn có Phật tánh nhưng từ vô thủy kiếp đến nay đã bị nhiễm ô bởi phiền não dục vọng. Muốn tránh vòng xiềng xích nô lệ của si mê tham dục, hãy đến với Thiên, con người sẽ được thủ đắc tính trong mọi hành động: Hành, trụ, tọa, ngọa - đi

đứng, nằm, ngồi. Hình ảnh ngộ đạo của những vị Thiên sư đã chứng minh được điều này. Khi vừa bước đến cửa Thiên, người học đạo cũng mang theo nhiều thứ phiền muộn khác nhau. Vì vậy, ở đó, để thích ứng với mọi trình độ, mọi khả năng, Thiên cũng có nhiều hình thái giáo dục con người khác nhau. Trước hết chúng ta hãy tìm hiểu về mặt tinh thần của Thiên học.

A. Tinh thần giáo dục của Thiên học

I/ Tinh thần lợi tha vô ngã:

Đề cập đến tinh thần lợi tha vô ngã của Phật Giáo qua cửa ngõ của Thiên tông chúng ta phải biết rằng chỉ có hàng Đại Thừa Bồ Tát mới làm nên sự nghiệp cao cả đó. Hàng Bồ Tát khi phát tâm cầu quả vị Vô Thượng Bồ Đề, trước hết phải vô ngã hoàn toàn. Phát tâm Bồ Đề như thế mới làm nên lợi ích cho chúng sanh đúng nghĩa lợi tha của nó. Hàng Bồ Tát làm tất cả mọi công đức để thành tựu Phật quả, để trang nghiêm Phật độ mà thật raphải không còn thấy mình có chút quả, có trang nghiêm. Trong kinh Kim Cang; Ngài Tu Bồ Đề được Đức Phật hỏi: "Tu Bồ Đề! ư ý vân hà? Bồ Tát trang nghiêm Phật độ phủ? Phát dã, Thế Tôn! Hà dĩ cố? Trang nghiêm Phật độ giả, tức phi trang nghiêm, thị danh trang nghiêm" - (Hàng Bồ Tát có trang nghiêm coi Phật chẳng Thừa không, bạch Thế Tôn. Vì sao vậy? Vì trang nghiêm Phật độ tức chẳng phải trang nghiêm mới gọi là trang nghiêm). Vì rằng một vị Bồ Tát có ý thức rằng mình đang làm những việc tốt đẹp, đang độ sanh, hành đạo, giáo hóa bố thí... hay không bố thí...? Chính những công việc đó làm đẹp cuộc đời, làm cho cõi chúng sanh biến thành cõi Phật. Có làm những việc ấy mới gọi là Bồ Tát, nhưng nếu làm mà còn thấy mình làm, là còn ngã tướng, nhữn tướng... tức là còn bị lôi cuốn trong vòng

ngũ dục, thì người ấy chưa phải là Bồ Tát mà vẫn còn là chúng sanh, và việc làm đó cũng không thể gọi là "Phật sự" và chỉ đáng gọi là "Chúng sanh sự". Chò nên Ngài Tu Bồ Đề, mới đáp rằng: "Trạng nghiệm Phật độ là chẳng phải trạng nghiệm mới gọi là trạng nghiệm". Đó mới chính là tinh nghĩa vô ngã của nó.

Thiền cũng dựa trên tinh thần vô ngã này để lập nên những nguyên tắc, để thành tựu các quả vị chúng ngộ qua tiến trình tu tập của mình. Đạo Nguyên Thiền Sư, Tồ khai sáng Tào Động Tôn Nhật Bản đã khuyến giáo trong Đạo Tâm tập như sau: "Dục cầu Phật đạo, tiên phát đạo tâm" (Muốn cầu Phật đạo trước phải phát đạo tâm) phát đạo tâm ở đây tức phát Bồ Đề tâm. Nói đến phát Bồ Đề Tâm là nói đến tinh thần tu đạo của Bồ Tát thừa tiến lên viên mãn Phật quả. Trong Vĩnh Bình quang lục có ghi: "Tiên tu phát Bồ Đề Tâm đã, phát Bồ Đề Tâm đã nãi độ chúng sanh tâm đã" (Trước tiên nên phát Tâm Bồ Đề, phát tâm Bồ Đề mới có thể độ cho chúng sanh vậy); hay nói: "Phàm Phật Phật Tổ Tổ tiên tu phát Bồ Đề tâm" (Phàm chư Phật chư Tổ trước phải phát tâm Bồ Đề).

"Phát Bồ Đề Tâm cũng có nhiều hình thức khác nhau, vì người phát tâm không ham danh lợi, không màng vui thú, chỉ vì mục đích tối thượng là chúng đác quả vị vô thượng Bồ Đề. Chúng sanh giới hết nguyên, ta mới hết, Bồ Đề đạo thành, nguyên ta mới thành. Nếu biết tự tánh là chúng sanh nên nguyên độ thoát, tự tánh là Phật đạo nên nguyên thành tựu, không thấy một pháp nào ngoài tâm mà có, đem cái tâm vô tướng, phát cái nguyên vô tướng, làm cái hạnh vô tướng chúng cái quả vô tướng, cái tướng vô tướng cũng không thấy có được, phát tâm như vậy mới gọi là Phát Bồ Đề Tâm (Khuyến phát Bồ Đề Tâm của Thật Hiền Đại Sư, Trì Quang dịch trang 23, 24, 25, xuất bản Phật lịch 2.516)

Khi phát tâm như vậy, hàng Bồ Tát thấy mình và chúng sanh là hai thực thể riêng biệt mà chỉ là một thực thể duy nhất. Có như thế việc tự lợi và lợi tha của Bồ Tát Đại Thừa mới mang trọn ý nghĩa của nó (Tự lợi, lợi tha nhất thể) vì rằng: "Chư vị Bồ Tát lên đường vì hạnh phúc cho trần gian, các vị thượng tướng trần gian. Chư vị Bồ Tát sẽ là nơi ẩn náu của trần gian, là hải đảo của trần gian, là ngọn đuốc soi đường cho trần gian." Với sự mạng làm cho loài hữu

tình thầy đều giác ngộ trong sự nghiệp :
Thượng cầu Phật đạo hạ hóa chúng sanh"
(trên cầu Phật đạo dưới hóa độ chúng sanh)
Qua trình tu, chúng của Bồ Tát là không ngừng cứu tế hóa độ chúng sanh trong khi chưa chúng quả, cho nên sự học hỏi của họ cũng vô bờ bến, vừa tu, vừa học, vừa hóa độ chúng sanh. Hàng Bồ Tát muốn thành tựu Phật Đạo phải phát tâm dũng mãnh vô biên vô cùng tận, phát tâm diệt trừ phiền não cho mình cùng với tha nhân, phát tâm thành tựu quả vị vô thượng Bồ Đề. Trong Tứ Hoàng Thệ nguyện đã chuyên chở được hết ý nghĩa này "Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ, phiền não vô tận thệ nguyện đoạn, Pháp môn vô lượng thệ nguyện học, Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành" Chúng sanh thành Phật trước rồi Bồ Tát mới thành Phật sau: "Tiên độ chúng sanh hậu thành Phật đạo". Với tinh thần tương tức tương nhập của giáo lý Hoa Nghiêm cũng đã được các Thiền sư áp dụng một cách triệt để và đi đến đồng hóa với tha nhân là một: "Tự tha tức nhất". Thệ nguyện lớn nhất mà Bồ Tát thường ưu tư đó là muốn cho thế giới đa nguyên này, thành một khối đại đồng. Do đó Bồ Tát thường tu sáu pháp Ba La Mật để thành tựu nguyện này. Trong tinh thần của Bồ Tát Đạo Đại Thừa, lục độ phải được thực hiện dưới nhiều hình thức như: "Bố thí Bồ Tát không thấy có mình bố thí, không thấy có vật bố thí, không thấy có đối tượng để nhận vật thí. Trì giới Bồ Tát không thấy có mình đang trì giới, không thấy có giới nào để trì, không thấy có lỗi nào để ngăn ngừa vì tội tánh vốn không. Tinh Tấn Bồ Tát không thấy có mình đang tu tập một cách tinh tấn, không thấy có pháp để tinh tấn. Cho đến Nhân Nhục Thiền Định và Trí Tuệ cũng đều như vậy. Chỉ một ý niệm duy nhất là thực hiện cho kỳ được quả vị tối thượng Niết Bàn. Nguyên cho ta và tất cả chúng sanh cùng một lần thành Phật (Nguyện dù pháp giới chúng sanh nhứt thời đồng đác A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề - Anuttarasamyaksambodhi).

II. Ý chí cứu độ vô hạn:

Thiền đã lấy tinh thần lợi tha của Đại Thừa Bồ Tát đạo cho việc giáo hóa và tu tập của mình. Đạo Nguyên Thiền Sư đã áp dụng một cách linh động tôn chỉ ấy: "Tự vị đác độ, tiên độ tha" (Tự mình chưa được độ, nhưng trước hết phải độ người. Đây là tinh thần không còn ngã chấp của Bồ Tát. Với tinh thần giáo hóa vô hạn này, chúng ta sẽ

thấy trong kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài Đồng Tử đã tán thân trụ xứ của Bồ Tát Di Lặc như sau:

... "Đại lâu các này là trụ xứ của những ai đã hiểu ý nghĩa Không, Vô tướng và Vô Nguyên, của những ai đã hiểu rằng hết thảy các pháp là vô Phân biệt, rằng pháp giới vốn là bất khả đắc, rằng hết thảy pháp vốn vô sanh. Đây là trụ xứ của những ai không ràng buộc vào thế gian nào, coi tất cả thế giới như là không nhà để ở, những ai không dính thân cận nương tựa thọ phụng, những ai đã trừ khử những tham dục xấu xa. Đây là trụ xứ của những ai thích ở, khi biết rằng tất cả các pháp đều không tự tánh, những ai không phân biệt pháp theo bất cứ lo ngại tưởng nào, những ai đã liả hết thảy những tâm tưởng ý thức, những ai không bị dính mắc cũng không rời bỏ hết thảy tâm tưởng. Đây là trụ xứ thường được ưa thích với những ai thâm nhập Bát Nhã Ba La Mật Đa. (Prajñāpāramitā), những ai khéo dùng phương tiện trụ nơi pháp giới mở rộng mọi chiều kích, những ai đã dập tắt hết thảy ngọn lửa phiền não, những ai dùng Tăng thượng huệ để đoạn trừ hết thảy Kiến, Ai và Mạn, những ai đã sống một cuộc đời vui thú do Thiền Định (Dhyāna) Giải Thoát (Vimukṣa) Tam Muội (Samādhi) Chánh Thọ (Samāpti); những ai cởi mở hết thảy cảnh giới Tam Muội của Bồ Tát, những ai đang bước theo con đường của hết thảy chư Phật....."

Đây là trụ xứ của tất cả những ai dù đã tự mình giải thoát mà vẫn hiện thân vào thế gian này để giáo hóa hết thảy chúng sanh, những ai không bị ràng buộc vào một quốc độ nào. Nhưng vì để cúng dường hết thảy các đấng Như Lai nên du hành hết thảy các quốc độ, những ai không động bản vị mà du hành khắp nơi để trang nghiêm làm đẹp cho hết thảy cõi Phật (Thiền Luận quyển hạ trang 172...175 của Suzuki, An Tiêm xuất bản, 1973, Bản dịch Tuệ Sĩ.) Nếu hàng Bồ Tát khi làm Phật sự mà còn thấy có mình, có việc làm, có chúng sanh, có quốc độ, đó là tâm niệm còn hạn định. Như thế không thể nào vượt ra ngoài vòng ngã chấp. Hễ còn ngã chấp thì Ngã Kiến, Ngã Mạn, Ngã Ai cũng một lúc sẽ sanh khởi. Muốn thực hiện được lý tưởng này hàng Bồ Tát phải không còn thấy gì cả ngay đến cái "không còn thấy gì" cũng không luôn. Thánh Đức - Thái Tử trong Duy Ma Nghĩa số có ghi: "Nhược tổn thân tâm tác tính tấn bấ t

thành" (Thành tựu tính tấn Ba La Mật mà còn thấy có thân có tâm để thành tựu thì việc ấy không thể nào thành tựu được). Vì rằng Hành vi chân thật là hành vi không còn ngã chấp, hành vi đó chỉ có thể phát xuất từ tâm Bồ Đề, Tâm Vô Ngã, từ Tất Cảnh Không, từ không tâm đó mới phát xuất ý chí hóa độ chúng sanh vô hạn.

III Vô Ngã ái:

Muốn có được tinh thần cứu độ vô hạn như vậy hàng Bồ Tát phải có tinh thần vô ngã ái - Ta chưa được độ trước tiên phải độ người, đó là tinh thần vô ngã ái của Bồ Tát. Bồ Tát phải yêu mến tinh thần vô ngã, khác với tinh thần từ bi là còn Ai kiến. Khi làm Phật sự Bồ Tát phải thấy mình và chúng sanh đồng một thể (Tự tha nhất như) vì rằng hễ còn ái kiến tức còn bị nhiễm ô, ngược lại với ngã ái tức ngã tăng, hai tinh thần yêu và ghét phản nghịch nhau, như vậy là còn vọng động, Bồ Tát không thể nào thể nhập thiền định để thành tựu Thiền Định Ba La Mật. Tinh thần đó phải được liên tục phần đầu để duy trì Bồ Tát Đạo. Tinh thần tự tha nhất như khác với tinh thần phiền não dục nhiễm. Nhờ có tinh thần vô ngã ái Bồ Tát sẽ không bị vọng thân như anh chàng Marcis trong thần thoại Hy Lạp, chàng ta đã vì quá say mê sắc đẹp của mình để rồi phải chìm mình xuống nước mất mạng.

Hàng Bồ Tát khi phát tâm Bồ Đề vì không thấy mình phát tâm cho nên được xứng hợp với tinh thần vô ngã ái. Họ phát tâm hoàn toàn không có tự kỷ, vượt trên cái ta thấp hèn. Có như thế mới kiến lập được đại hạnh vô lậu, đem thế giới hữu vi hòa nhập với thế giới vô vi. Qua Tứ Nhiếp Pháp chúng ta đã thấy được tinh thần đó. Trong Tứ Nhiếp Pháp: Bồ Thí, Ai Ngủ, Lợi Hành, Đồng Sự. Đồng Sự nhiếp là một pháp đã làm lật ngược ngũ tứ tướng vụ không cho Phật Giáo là yếm thế bị quan, xuất thế gian, đưa đến mở hồ. Chính đồng sự nhiếp này đã nâng cao giá trị của thế gian làm cho tinh thần hóa độ của Bồ Tát được thể hiện rất cụ thể. Trong Mười Đại Nguyên của Ngài Phổ Hiền Bồ Tát. Nguyên thứ chín "Cứu giả hàng thuận chúng sanh" - (Chín là luôn luôn thuận ứng với chúng sanh) đó là hành động sống động nhất để biểu dương tinh thần này. Hay khác hơn nữa trong Kinh Pháp Hoa phẩm Phổ Môn, Đức Quan Thế Âm Bồ Tát với 32 ứng thân sẽ thực hiện được trọn vẹn Đồng sự nhiếp, hòa nhập với

xem tiếp trang 9

CẢNH GIỚI HOA NGHIÊM

Cực vi như huyền - thời gian như huyền

— TINH LIÊN NGHIÊM XUÂN HỒNG —

(tiếp theo)

II) THỜI GIAN NHƯ HUYỀN:

Do những đoạn kinh trên đây, chúng ta có thể suy diễn ra những điểm sau:

- Mỗi cõi có một thứ tâm tướng về thời gian khác biệt. Tùy theo tâm thức của loài chúng sinh ở cõi đó, thời gian xuất hiện như trôi nhanh hơn, hoặc chậm hơn.
- Nếu mỗi cõi có một thời gian riêng biệt thì mỗi VI TRẦN cũng có thể có một thời gian riêng biệt.

Những điểm trên đây không có gì là trái nghịch với lối lập luận của Einstein. Vì mỗi cõi, hay mỗi hành tinh đều có thể coi như 1 hệ thống tiêu chuẩn... Có điều 1 à quan niệm của giáo lý Phật uyển chuyển, vi diệu và cao sâu hơn nhiều.

- Mỗi chúng sanh, do Biệt Nghiệp, đều có một thời gian riêng biệt.

- Mỗi LOÀI chúng sanh, do công nghiệp tương đồng xen lẫn lồng nhau, nên có một tâm tướng tương tự về thời gian. Tỷ dụ như loài người chúng ta ở cõi Ta Bà này chẳng hạn... Hơn nữa, chúng ta lại đem mốc cái tâm tướng tương tự đó vào sự ẩn hiện chấp chôn của ánh sáng mặt trời. Rồi lại chế tạo thêm những thứ dụng cụ, để đo lường diễn tả cái diễn trình biến hiện của tâm tướng ấy, tức là những chiếc đồng hồ.... Rồi rồi, chúng ta định ninh rằng thời gian là thực có.

Ngoài ra còn có thể suy diễn được một điều tạm gọi là LUẬT TÁC: Đối với tâm thức một chúng sanh hay một loài chúng sanh, Thời-Gian xuất hiện dài hay ngắn. Trôi lệ làng hay TRÔI lê thê, THỌ MẠNG dài, hay ngắn... cũng đều là tùy thuộc ở THỂ TỐC chuyển

động của những quang minh tâm thức của chúng sanh ấy hay của loài chúng sanh ấy. Và thể tốc thì tùy thuộc ở mức độ THANH TINH, mức độ ĐẠO LỰC của tâm thức.

Thực ra thì theo thiên ý của kẻ viết, mục đích của con đường tu hành xiển dương bởi chư Phật chỉ là như vậy. Chỉ là gạt bỏ mọi tình nhiễm chấp trước, thanh tịnh hóa thân tâm đến cực độ, để có thể khỏa một thân hào quang diệu-sắc và vô-số-ý, để có thể tiếp nhận cũng làm phát hiện mọi thứ quang minh, rồi thuận theo tánh thể khởi diêu dụng vô cùng để độ duyên và ôm trọn pháp giới vào thân tâm mình mà thôi. Để chứng minh điểm thời gian trên đây, thiết tưởng có thể lấy vài trường hợp chúng sanh làm ví dụ:

- Tỷ dụ lấy một con côn trùng nhỏ như nhện như con ruồi hoặc con chuồn chuồn. Loài súc sanh này rất thấp kém, nên có thể ước đoán rằng bản năng hay tâm thức của chúng hết sức sơ khai, nhưng không phải là không có.

Những tia sáng tâm thức của chúng rất lù mù lờ mờ, le lói như một ngọn đèn nhỏ. Giòng biến hiện cũng rời rạc - đứt nối - mờ mịt-kém miên tục, nên chắc rằng những quang minh phát xuất cũng thô kệch và chậm động rất chậm so với quang minh tâm thức của con người.

Do đó, đối với chúng, có lẽ thời gian cũng xuất hiện rất lù mù, TRÔI RẤT CHẬM và dài lê thê... Bởi vậy, khoảng thời gian chung một ngày của người, đối với chúng, đã trở thành một khoảng thời gian rất dài rồi. Nên THỌ MẠNG của chúng chỉ kéo dài chúng

vài ngày hoặc 5,7 ngày thôi.
Thọ mạng ngắn ngủi, chừng 5,7 ngày của người thôi. Nhưng cũng đủ để chúng kính qua mọi giai đoạn sanh thành rồi tàn lụi trong kiếp sống của chúng.

- Tiên lên vài nấc thang tâm thức nữa, và lấy tỷ dụ con chó hay con ngựa chẳng hạn. Vẫn là súc sanh, nhưng tâm thức khá cao rồi, vì chúng có thể hiểu được người. Quang minh tâm thức của chúng chắc là chuyển động khá nhanh và khá miên tục rồi: Nhanh cũng gần được như của người... Do đó, đối với chúng, thời gian cũng xuất hiện trôi nhanh hơn đối với loài côn trùng nhiều, trôi nhanh cũng gần như đối với người.

Bởi vậy, thọ mạng của chúng cũng dài hơn, chừng 15 hay hơn 20 năm. Trong khi thọ mạng trung bình của người hiện nay là chừng độ 50 hay 60 tuổi.

- Nay đến người, thì chúng ta đều biết cái tâm tưởng đó cộng nghiệp tương đồng về thời gian rồi... Nhưng tâm tưởng về thời gian còn tùy thuộc những biệt nghiệp nữa. Tỷ dụ như khi nào chúng ta vui, thì tâm tư nhẹ nhàng sáng khoái, nên những quang minh tâm thức chuyển động mau lẹ hơn. Và thời gian trôi nhanh hơn. Khi buồn thì những tâm tưởng nặng trĩu tình nhiễm dứt nối kéo dài lê thê. Và thời gian thường trôi chậm hơn.

Một kẻ hành giả tu Thiền quán, khi vào được một cơn định nhỏ rồi, thì quang minh tâm thức chuyển động rất nhanh. Nên thời gian cũng trôi rất nhanh.

- Lên đến chư Thiên.
Chư Thiên ở tầng trời Đao Lợi, vì tu Thập Thiện nhiều rồi, nên tâm thức rất thanh tịnh so với người. Nhất là ít tình nhiễm, ít dục. Nên quang minh tâm thức chuyển động rất nhanh so với người. Nên thời gian ở Đao Lợi cũng trôi rất nhanh, và một ngày ở trời Đao Lợi tương xứng với 5,7 chục năm ở nhân thế.

Do đó, nên thọ mạng cũng rất dài so với người.

Lên đến những chư Thiên ở cõi Sắc, thì các vị ấy quanh năm chỉ ngồi thiền quán thôi và hưởng niềm an lạc của Tam Muội. Nên quang minh tâm thức chuyển động càng lẹ hơn, và thời gian cũng trôi nhanh hơn nữa. Thọ mạng cũng dài hơn rất nhiều.

- Đến các bậc Đại Bồ Tát ở bậc Bất Động

thì hết nói rồi. Các Ngài gần như vô khước lại, quang minh cực kỳ mau lẹ, có thể là p tức ứng hiện. Các Ngài cũng thường trụ trong những cơn đại tam muội. Nên thời gian xuất hiện, trôi nhanh đến mức gần như bị hóa giải.

Nhưng cái hay của các Ngài là vừa có thể rút ngắn thời gian, lại vừa có thể kéo dài ra được. Có thể thu một kiếp vào một sát na, cũng như kéo dài một sát na thành một kiếp... Nên thọ mạng của các Ngài cũng thủng là vô hạn lượng. Nếu cần để phải độ sanh, các Ngài có thể trụ thân bao nhiêu kiếp cũng được...

Và cái hay hơn nữa của các Ngài là không những có thể thay đổi cái tâm tưởng về thời gian cho chính mình, mà lại còn có thể thay đổi tâm tưởng ấy cho một kẻ khác, hoặc cho một chúng hội, hoặc cho vô lượng chúng sanh khác nữa...

Những ý kiến trên đây, kẻ viết không dám nghĩ là chắc đúng... Viết ra chỉ là để góp ý với bạn đọc, để cố tìm một lối lý giải và gây niềm tin giải mã thôi.





(Cư-sĩ nhân gặp hỏa tai, nhà cửa vật dụng bị cháy sạch, vợ kinh hải đầu nặng, nêntâm thân mê-muội như điên cuồng. Ấn Quang pháp sư gởi bức thơ này khuyên dạy...)

Kinh Pháp-Hoa nói: "Ba cõi không an, dường như nhà lửa, sự khổ đầy đầy, rất đáng sợ hãi. "Tuy nhiên, nhiều khi cảnh ngộ cũng làm nên cho người bằng những giai đoạn : họa, phúc, nghịch, thuận, khổ, vui... không nhứt định. Với bậc có trí, biết quyền biến khéo an theo số phận, thì cảnh họa, nghịch khổ nào không hóa thành phúc, thuận, vui?

Cho nên người quân-tử thường vui theo phần, biết số mạng, khê oán trời trách nê, dù gặp cảnh ngộ nào cũng vẫn an nhàn, bình thản! Người xưa có câu: "Cảnh giàu sang an theo giàu sang, cảnh nghèo hèn an theo cảnh nghèo hèn, cảnh man-rợ an theo man-rợ, cảnh hoạn-nạn an theo hoạn-nạn". "Cư-sĩ tuy có lòng ưa thích điều lành, nhưng chưa rõ chỗ chỉ lý của đạo Nho và Phật, nên mới một phen gặp cảnh nghịch đã bối-rối kinh cuồng. Tôi xin đưa những điều sau đây để cư-sĩ nhận rõ:

Trong đời, rất rộng dày, cao sáng, khê hơn chi trời đất và hai vầng nhứt-nguyệt. Nhưng mặt trời đứng bóng rồi thì xế, mặt trăng đầy rồi lại với, cho nên gò cao thành vực thẳm, biển cả hóa nương-dâu, cuộc đời vẫn thế, thanh suy thay đổi là lẽ thường. Xưa nay đạo-đức ai hơn Không-Tử, mà Ngài còn phải bị vây nói đất Khuôn tuyệt lương ở nước Trần, đi châu-du liệt

Lá thơ Tịnh Độ

ẤN QUANG ĐẠI SƯ

THƠ PHÚC ĐÁP CƯ SĨ

Vệ Cầm Châu

quốc kết cuộc không được gì, chỉ có một người con được năm mười tuổi lại chết, may còn đứa cháu để nối tổ-tông. Thấp hơn một bậc, như thầy Nhan-Uyên, Nhiễm-bá-Ngưu thì mạng vẫn; thầy Tử-Hà, Tả-Kỳ-Minh lại mù-lòa; ông Khuất-Nguyên chết chìm, thầy Tử-Lộ bị bầm mắt. Như các ngài ấy lênh lênh bậc đại-thánh, đại-hiền mà cũng khê tránh được nghịch cảnh, nhưng vì biết th u ậ n theo số mạng, nên vận tùy phận an vui. Mấy điều này đối với thời ấy, tợ hồ như không phúc, nhưng tâm gương đạo-đức của các ngài trăm năm về sau, từ vua đến dân ai không kính ngưỡng? Thế thì phúc còn chi hơn? Trong đời sống, con người tính đ ứ điều, làm đủ việc, xét lại chẳng qua vớ vẩn để ăn mặc và để sự nghiệp cho con cháu mà thôi. Nhưng, ăn thì canh rau có thể qua bữa, cần gì hai-vị sơn-hào; mặc thì bộ vải cũng đủ che thân, lụa là nhiều hàng g ấ m vóc: còn con cháu hoặc làm ruộng hoặc bán buôn, đều tự nuôi sống được, hà tất phải giàu có trăm vạn? Và lại, xưa nay nhê kẻ vì con cháu mưu cuộc vinh hiển muôn đời, có ai bằng Tần-thĩ-Hoàng? Vì bạo c h ú a này đẹp trừ sáu nước, đốt sách chôn h ọ c trò, thâu góp hết binh-khí trong thiên hạ để đúc chuông, bản ý muốn cho dân ngu yếu đặng không thể làm loạn. Đầu dè, khi Trần-Thiếp đứng lên, anh-hùng đều nổi dậy, cơ đồ nhứt thống không đầy mười ba năm bỗng tiêu tan, cho đến con cháu cũng bị diệt tuyệt. Ấy là muốn cho con cháu vinh hiển, trở lại thành cảnh bại vong. Đời Hiên-đế nhà Hôn, Tào-Tháo mượn chúc Thừa-T ứ ở ng chuyên oai quyền lấn ép vua, muốn cho con cháu mình làm chúa trong nước, không ngờ

đến khi chết, thì hài chưa kịp liệm, Tào-Phi đã oán nghịch, bắt tẩn-thiếp của cha làm cung-phi của mình. Tháo chết rồi dọa vào ác đạo, trải hơn một ngàn bốn trăm năm đến đời Càn-Long nhà Thanh ở Tô-Châu có người giết heo khi mổ ra thấy trên 1 á phổi có hai chữ "Tào-Tháo". Một người láng giềng mục-kích cảnh tượng ấy, rất sợ hãi, liền xuất-gia pháp-danh là Phật-An, chuyên tâm niệm Phật được sanh về Tây-phương. Việc này có ghi trong "Tịnh-Đồ thánh-hiền lục". Như Tào-Tháo một đời phí hết tâm cơ lo cho con cháu, tuy được làm hoàng-đế nhưng chỉ trong vòng bốn mươi lăm năm thì mất nước. Và lại khi còn ở ngôi, mỗi năm thường cùng các nước Đông-Ngô, Tây-Thục đánh nhau, có mấy lúc được an nhàn? Từ đó về sau trải qua các triều : Tần, Tống, Tề, Lương, Trần, Tùy, và Ngũ-đại ; Lương, Đường, Tần, Hôn, Châu đều khế lâu dài Tự trung duy có đời Đông-Tần là b ề n nhứt, nhưng cũng chỉ được một trăm lẻ ba năm, ngoài ra thì hoặc hai ba năm, t á m chín năm, hoặc một đời mười năm, liền tiêu diệt. Đây là chỉ kể mấy đời chánh-thống, nếu nói đến những nguy-triều tiếm cướp, thời gian lại còn ngắn hơn nữa. Bao nhiêu vua chúa của các triều ấy, buổi sơ tâm đều muốn để sự vinh-hoa cho tông tộc, s o ng tìm đến sự thật, trái lại khiến cho c o n cháu mang họa cướp giết, mất tuyệt giống giòng.

Cư-sĩ nên suy nghĩ: sang như thiên-tử, giàu có bốn biển, còn không thể báo-đảm cho tông-tộc hưởng phúc lâu dài; huống nữa là kẻ phàm thường, từ vô lượng k i ếp đến nay tạo nghiệp ác dày như đất liền, sâu như biển cả, mà muốn cho nhà cửa thế hưng thịnh, có phúc không họa ư? P h á i biết sự vật giữa đời đều giả dối n h ư mộng, huyền, bóng, bọt, sương, chớp, như trăng đáy nước, hoa trong gương, như ánh c h ả p chơn lúc trời nắng và như thành của thần Càn-thát-Bà (nhạc-thần của thiên-đế, thành-quách đều là huyền hiện) không có chi là ch ậ n thật. Duy có một niệm tâm t ả nh của ta vẫn hằng còn, trùm suốt xưa nay, không biến đổi, hư hoại. Tuy khế biến hoại mà thường tùy duyên: theo duyên ngộ tịnh thì làm Thanh-văn, Duyên-giác, Bồ-tát, Phật vì công đức sâu can, nên phẩm vị có cao, thấp; theo duyên mê nhiễm thì lạc vào cõi Trời, Người, Tu La, Súc sanh, Nga-qui, Địa-ngục, do tội phúc nặng nhẹ, nên sự khổ,

vui có ngắn, dài. Nếu người không biết Phật pháp thì đã đành, cư-sĩ đã sùng tín d ả o Phật, sao chẳng nhận cảnh nghịch ấy mà nhìn rõ cuộc đời, bỏ mê theo ngộ, một lòng niệm Phật cầu sanh về Tây-phương, vượt nẻo luân hồi, lên ngôi tứ-thánh; đó có phải là nhân họa nhỏ mà hưởng phúc to chăng? Đ ườ ng lối thoát ra là thế, cư-sĩ lại cứ bối-rối m ờ-màng như ngầy như dại; thảng hoặc lo buồn quá độ đến mất thân mạng, thì chẳng những chính mình nhiều kiếp bị trầm-luân, mà vợ yếu con cô cũng bỏ-vô, làm sao tự lập? Như thế là cư-sĩ muốn hại mình và làm liên lụy cho người. Sao lại tối tâm đến thế?

Kinh nói: "Bồ-tát sợ nhân, chúng-sanh s ở quả." Vì tránh quả khổ nên Bồ-tát dứt trước những nhân ác, do đó tội-chướng tiêu trừ, công-dec dày đủ, cho đến khi thành Phật mới thôi. Chúng-sanh thường gây nhân ác, l a i muốn khỏi quả khổ, có khác nào kẻ sợ bóng mình mà cứ chạy trốn dưới ánh-mặt trời ? Nhiều người mới làm lành chút ít đã mong được phúc lớn, khi gặp cảnh nghịch liền cho rằng: "Làm lành mà họa không có nhân quả", rồi từ đó lui sụt sợ tâm, trở lại chê bai Phật-pháp. Những kẻ ấy không hiểu "lý nhân-quả thông cả ba đời" và "tâm mình có thể cái tạo hoàn cảnh". Nhân-quả thông c ả ba đời là thế nào? Như đời này làm l ả n h hoặc đủ đời này hưởng phúc hay mang họa, đó là hiện-báo. Đời này làm lành hoặc d ữ, đời sau được phúc hay mang họa, là sanh-báo. Đời này làm lành hoặc đủ, đời thứ ba, thứ tư, hoặc mười, trăm, ngàn, muôn đời, cho đến vô-lượng vô-biên kiếp về sau mới được phúc hay mang họa, gọi là hậu-báo. Hậu-báo thì sớm chầy không định, đã gây nhân tất có quả, đó là lẽ tự nhiên. Tâm mình có thể cái tạo hoàn-cảnh là thế nào? Ví như có người gây nghiệp ác sẽ phải vĩnh viễn bị dọa vào địa-ngục, nhiều kiếp chịu thống khổ; người ấy bỗng sanh tâm sợ hãi, hổ then, phát lòng bồ-đề, đổi đủ làm lành, tụng kinh niệm Phật tự tu và khuyên người, cầu sanh về Cực-Lạc Do sự hối cải ấy, nghiệp địa-ngục, trước kia liền tiêu diệt, đổi thành quả khổ nhẹ tr ẻ hiện đời như: hoặc bị người khinh chê, hoặc đau bệnh, nghèo nàn, cùng gặp những việc khế vừa ý. Chịu những khinh-báo như thế xong, người ấy có thể thoát đường sanh-tử, nhập thánh siêu phàm. Như kinh Kim-Cang nói : "Nếu có người thọ-trì kinh này mà bị k ẻ khác khinh chê, người đó đời trước gây tội nghiệp đáng dọa vào ác-dao, do đời này bị

ĐẠO PHẬT TRONG LĨNH VỰC VĂN HÓA NGHỆ THUẬT

Nhất Hạnh

Học giả Nguyễn Doãn Can Lộc sưu lục

Phần lớn văn nghệ sĩ Việt Nam có cảm tình với Đạo Phật. Một số thương yêu lý tưởng Đạo Phật và ước ao được phụng sự cho lý tưởng ấy. Sự kiện phần lớn văn nghệ sĩ Việt Nam có cảm tình với Đạo Phật là một sự kiện đáng kể. Văn nghệ sĩ Việt Nam chưa bao giờ đi quá xa để tách khỏi tâm cách Dân Tộc; mà nói đến dân tộc tình ít khi chúng ta có thể quên được Đạo Phật. Tuy nhiên trong hiện tình của sinh hoạt Đạo Phật, sự đóng góp đích thực của gia đình Văn nghệ sĩ cho Phật sự quả thực chưa có gì đáng kể. Đó không phải lỗi của các nhà văn học và nghệ thuật; đó là cái lỗi của những nhà lãnh đạo Phật Giáo không biết đón nhận thực sự họ vào trong hàng ngũ Phật Tử mà chỉ muốn nhờ vả họ, một vài việc vặt vãnh: viết cho ít bài, vẽ cho ít tranh, soạn cho ít nhạc. Đã thế lại không trình bày cho họ rõ ràng xem họ phải viết phải vẽ phải soạn cái gì, theo nguyên tắc nào, và cho ai. Anh em văn nghệ sĩ có muốn đóng góp phần mình cũng không biết đóng góp cách nào.

Viết truyện nói về quả báo nhân tiên, soạn nhạc ghi chép âm điệu tụng kinh, vẽ tranh có mái tam quan và gác chuông, những việc ấy ai mà chịu làm. Viết truyện ngắn cho một tờ báo Phật chẳng hạn, rất khó, biết viết gì đây? Viết về một tên tham quan hay một tên ô lại, độc ác, giết người, ăn hối lộ suốt mỗi năm năm trời; rồi một buổi sáng nào đó, vỡ bụng lăn đùng ra chết, con bị Tà y bán, nhà cửa bị dội bom. Viết như thế thì ai mà đọc. Ban tham quan ô lại thì không bao giờ ngân những chuyện như thế, và cũng đời nào cảm lây tờ báo Phật mà đọc những chuyện như thế. Chỉ có giới bình dân đọc, và đọc xong thì cũng chẳng thấy có gì mới lạ, bởi vì thuyết thiên ác nghiệp báo vốn là triết lý của họ từ lâu đời. Đề tài đã khan hiếm như thế mà tiền thù lao lại chẳng có gì, trong khi người văn

nghệ sĩ nào cũng phải lo chạy gạo cho con, không lấy đâu ra thì giờ mà "phát tâm" sáng tác cho chùa, cho Giáo Hội. Cho nên ít nhất là hai vấn đề được đặt ra: Vấn đề phụng dưỡng - tiền sáng tác và vấn đề đường hưởng sáng tác.

Trước hết ta hãy bàn về phụng dưỡng sáng tác.

Thực ra, độc giả Phật Tử rất nhiều, và số quần chúng đông đảo ấy có thể ủng hộ đắc lực cho sự phát triển nền văn học và nghệ thuật Đạo Phật, được xem như là phụng dưỡng vĩ đại nhất để thực hiện công trình hiện đại hóa Đạo Phật và đem Đạo Phật đi vào cuộc đời. Các sách Phật bán rất chạy. Những cuốn sách như cuốn Ảnh Đạo Vàng, cuốn Văn Võ Đình Cường đã được in tới ngót mười lần. Các cuốn sách đó cũng có thể bán được, và đã có khá nhiều người lợi dụng điều đó để in ra những cuốn sách chẳng phân chiếu được chút nào tinh thần chính của Đạo Phật. Một nhà xuất bản và phát hành đứng đầu quốc Giáo Hội bảo trợ sẽ có thể nâng đỡ rất nhiều cho văn nghệ sĩ về phụng dưỡng vật chất. Một nhà xuất bản và phát hành như thế, theo chúng tôi biết, sẽ thu được rất nhiều tiền lời, và số tiền ấy có thể dùng để trả thù lao cho các kỹ giả. Mua bản quyền các tác phẩm với một giá không cần "phát tâm" chút nào. Một hiệp hội văn nghệ sĩ Phật Tử cần được thành lập, và thành lập gấp, để ngoài sự giải quyết các vấn đề thuộc phạm vi tinh thần, còn đặt các vấn đề thuộc phạm vi sinh tồn và tương trợ cho các hội viên, những vấn đề phải được nhận định như là nền tảng của mọi phát triển về mặt sáng tác văn học nghệ thuật, những vấn đề có thể giải quyết tương đối dễ dàng hơn dưới sự bảo trợ của Giáo Hội. Uy tín của Giáo Hội cũng như thi trường tiêu thụ các văn nghệ phẩm trong quần chúng Phật Tử sẽ là những yếu tố quyết định sự thành công trong lãnh vực này. Việc tiêu thụ sản

phẩm văn nghệ dường nhiên là có liên hệ đến đường hướng sáng tác văn nghệ. Có lẽ nhiên một nền văn hóa tự do như Đạo Phật sẽ không bao giờ dung túng được việc ép buộc văn nghệ sĩ sáng tác theo một chiều hướng, trong những khuôn khổ nhất định và là ép buộc bằng những phương tiện vật chất mà mình có thể cung cấp cho họ. Tuy nhiên trong chúng ta không ai có thể chấp nhận được một thứ văn nghệ phá sản đã được quân chúng, nhất là trong lúc mọi người đang cố gắng xây dựng lại những gì đã đổ nát. Một nền văn nghệ Phật Giáo phải là một nền văn nghệ biểu hiện tình thương và tình thân cứu khổ, và như thế là một nền văn nghệ được hướng dẫn bởi tinh thần Phật Giáo. Hướng dẫn bởi tinh thần Phật Giáo chủ không phải là điều khiển bởi một nhân vật hoặc một nhóm nhân vật nào, dù nhân vật ấy hay nhóm nhân vật ấy tự nhận là uy quyền của Phật Giáo. Một nền văn nghệ mà biểu hiện được tinh thần Đạo Phật thì dĩ nhiên sẽ được Giáo Hội Phật Giáo nâng đỡ, ủng hộ, bảo trợ. Bởi vì nếu không, thì Giáo Hội đâu còn là Giáo Hội nữa. Mà nếu Giáo Hội nâng đỡ và bảo trợ cho một nền văn nghệ đầy sinh lực như thế thì chắc chắn là quân chúng Phật Tử sẽ tin tưởng và ủng hộ một cách nồng nhiệt. Ý thức hiện đại hóa Đạo Phật sẽ được phổ biến mau lẹ và sâu rộng, các kế hoạch xây dựng văn hóa kinh tế xã hội do Giáo Hội chủ trương cũng sẽ được tích cực hưởng ứng và tham dự.

Vấn đề phương tiện sáng tác có liên hệ đến vấn đề đường hướng sáng tác. Văn nghệ sĩ cần phải có phương tiện để làm công phu đối song tâm linh của mình. Một trong những phương tiện ấy là sự thoát bỏ thính thoảng cái không khí nào nhiệt, cái guồng máy mưu sinh đầy đầy những phiền não bức dọc, cái xã hội đầy đầy những đao diên thác loạn, trong đó chúng ta phải lăn lộn hụp hăng ngày. Ở các đô thị, văn nghệ sĩ phải có một ngôi chùa riêng cho họ, trong đó có chánh điện thờ Phật, có phòng viển Phật Học, có phòng tham thiền, viết lách, sáng tác, có nơi uống trà, và đàm đạo. Tất cả những thứ ấy đều do họ tổ chức và trang hoàng lấy. Vị tu sĩ của ngôi chùa này phải tự mình là một nhà văn hay một nghệ sĩ để có thể hiểu biết và hướng dẫn sinh hoạt tâm linh cho gia đình văn nghệ sĩ một cách dễ dàng hơn các vị tu sĩ khác. Ngôi chùa dĩ nhiên sẽ thanh tịnh, trang

nhả, mát mẻ. Các văn nghệ sĩ có thể ngồi tĩnh tâm trong phòng tham thiền để cho tâm tự lắng đọng. Những giờ tham thiền như thế sẽ giúp rất nhiều cho công việc sáng tác, và ảnh hưởng nhiều tới công việc sáng tác. Văn nghệ sĩ nào cũng thấy được điều hệ trọng đó. Sản phẩm văn nghệ sẽ vững mạnh hơn nhờ những giờ tham thiền. Ngôn ngữ, hình tượng, cảm xúc sẽ không bị non yếu và méo mó vì những phiền não bức dọc ta phải chịu đựng ngay trước giờ sáng tác. Nhờ tâm thanh tịnh và các sinh hoạt tôn giáo, người văn nghệ sĩ giữ lại được sự bình tĩnh, lấy lại được phong độ của mình, nuôi dưỡng được đức tin nơi cuộc đời và tình thương đời với con người. Nhờ tư sách Phật học được trang bị đặc biệt cho văn nghệ sĩ, họ có dịp tìm hiểu thêm Đạo Phật, dưới sự hướng dẫn của vị tu sĩ trụ trì... Thưởng thưởng văn nghệ sĩ Việt Nam ít học về Đạo Phật. Không phải vì các bạn làm biếng, mà vì các bạn không biết sách gì mà đọc, không có sách gì mà đọc. Làm lúc sinh kế bấp bách, chẳng có thì giờ đi tìm mua một cuốn sách Phật. Từ sách Phật học trong chùa phải cung cấp những sách hay nhất và trình bày linh động nhất về Đạo Phật. Bởi vì những sách khảo cứu không khan trong bước đầu sẽ không gây được hứng thú. Có học Phật, có tĩnh tâm, tham thiền, người văn nghệ sĩ mới thấy được hướng dẫn bởi những nguyên lý Phật học trong khi sáng tác và mọi báo tôn được lý tưởng và con người đích thực của mình. Người văn nghệ sĩ mới có thì giờ suy tư và trao đổi với nhau về những vấn đề như sáng tác cái gì, sáng tác cho ai, sáng tác thế nào? Người văn nghệ sĩ tạo một không khí gia đình trong ngôi chùa dành riêng cho mình, trong đó mình sống những giờ thanh tịnh, thoải mái, trăn đay ý thức về sự mạng, và nếu cần có thể sáng tác tại thư viện của chùa hay trong các phòng xá dành cho công việc ấy. Có sở xuất bản sẽ bảo đảm quyền tác giả của họ và họ sẽ không sợ bị nhạ xuất bản và những ông chủ báo bóp nghẹt và lợi dụng nữa.

Có lẽ dĩ nhiên người văn nghệ sĩ Phật Tử có thể sáng tác mà không cần dùng hình tượng chùa chiền, kinh điển, tạng ni, Giáo Hội, tiếng chuông tiếng mõ và một số danh từ Đạo Phật. Sáng tác theo tinh thần Đạo Phật, nhất là Đạo Phật vì cuộc đời, thì không cần phải có những màu mè như thế. Mà dù có muốn cho một nghệ phẩm có tính cách Đạo Phật bằng cách đưa các danh từ, hình ảnh và âm thanh vào

nghệ phạm ấy cũng không thể được gọi là thành công. Một bản nhạc có tinh thần Đạo Phật chẳng hạn, khi đánh lên sẽ tự chứng minh được tinh thần đó. Nếu bản nhạc kia không có bản chất Đạo Phật thì khi d ù dặt lời cho nó dù ta có chêm vào nào Nam Mô, nào Tự Bi, nào Niết Bàn thì nó cũng không thể vì thế mà trở thành một b a n nhạc Phật. Được hưởng dân bồi tinh thân Đạo Phật thì dù viết chuyện về cờ bạc , viết chuyện mặt trận, viết chuyện thanh lâu thì nghệ phạm vẫn là nghệ phạm x ã y dựng có bản chất Phật Giáo.

"Được hưởng dân" không có nghĩa là bikhếp vào một khuôn khổ hay bị quy định b ở i những luật lệ nào. Không có ai có nhiều tự do cho bằng những người Phật Tử. Đạo Phật không phải là một hệ thống những giáo điều khắt khe. Giáo Hội Phật G i á o không phải là một cái đảng đảng chủ trương tranh đấu với các đảng khác, không phải là một giai cấp đang chủ trương đấu tranh với một giai cấp khác. Giáo Hội tồn tại để bảo vệ cho tự do, nuôi dưỡng cho tình thương và bồi đắp cho ý chí phụng sự . Phụng sự không phải là phụng sự cho một người nào, một nhóm người nào, một đ o ã n thể nào dù đoàn thể ấy là Giáo Hội c o i như một cái ngã tách biệt ra khỏi những cái ngã khác. Phụng sự ở đây là chống lại, vô minh, căm thù cuồng tín, vụ không - chú không phải là chống lại con người. Đ a o Phật không chống ông A, ông B, ông C mà chỉ chống tham, sân, si. Nếu ông A mà tham, sân, si, thì ông A sẽ ràng mà chịu, thì ông A phải diệt tham, sân, si đi, nếu không còn muốn bị chống đối. Mà cái tham, sân, si gần nhất cần phải chống là cái tham sân s i nằm ngay trong lòng những người Phật Tử - những người chủ trương chống tham, sân, si. Cho nên Đạo Phật phải tiêu biểu cho t ù do và tình thương và nếu có một quy luật sáng tác thì quy luật đó là quy luật của tự do và tình thương. Chưa bao giờ các vị Tổ lên án một từ tượng gia đã sáng t á c ra một tông phái mới dù tông phái đó trái chống với tông phái của các vị. Chúa c ó vị Tăng sĩ nào bị trục xuất vì đã sáng tác và khởi xướng một lý thuyết mới. Nếu hai yếu tố tự do và tình thương mà vắng mặt trong Đạo Phật thì thiết tưởng dù Đạo Phật có triết lý cao siêu đến mấy, tác cũng không nên theo. Và nếu Đạo Phật có đóng góp được gì cho thế giới hôm nay và ngày mai thì cũng là nhờ bản chất tràn đầy từ

do và tình thương của nó. Vì thế do cho nên Đạo Phật không cố chấp , luôn luôn khiêm nhường cởi mở và không bít tai trước bất cứ tiếng chuông nào. Vì tự do nên người văn nghệ sĩ Phật Tử không tả hào tử đại cho mình là phản ảnh được thực tại một cách hiện thực nhất, còn bao nhiêu quan niệm và đường lối văn nghệ khác đều là hoàn toàn sai, lạc, phản bội, cần lên án. Người văn nghệ sĩ Phật Tử phải có đức bao dung như chính bản chất của từ tưởng Phật Giáo. Người văn nghệ sĩ Phật Tử phải tôn thờ từ do mà không được nghĩ rằng từ do là một chướng ngại vật cho tiến bộ. Bởi vì, nghĩ như thế tức là độc tài rồi. Nhìn sử mệnh văn nghệ qua khía cạnh nhiệm vụ , ta thấy từ do là cần thiết. Anh có thể nói cho tôi nghe tôi sai lạc ở chỗ nào và anh hãy làm cho tôi chuyển hướng đi bằng cách chính phục lý trí và tình cảm của tôi. Luôn luôn thảo thức đón nhận thực tại linh động người văn nghệ sĩ Phật Tử mở rộng trí não để học hỏi thêm trong từng giờ, từng phút, không bao giờ được cho mình là đã biết đủ không bao giờ được nhất quyết rằng người khác lậ hoàn toàn sai. Như thế người văn nghệ sĩ biết trừ bỏ sở tri chướng và tiến những bước tiến mau lẹ trên đường n h ã n thức.

(Bách Khoa Thời Đại, số 196 ngày 1 tháng 3 năm 1965 - từ trang 39 đến trang 43)

QUẢNG CÁO

ĐẠI NHẠC HỘI HOÀI HƯƠNG sẽ được khai diễn vào lúc 14:30 thứ bảy ngày 4 tháng 6 năm 1983 tại rạp WESTFALENHALLE II - DORTMUND (Rheinlanddamm 200).

Lần đầu tiên hân hạnh ra mắt khán giả Việt Nam tại Tây Đức một chương trình Đại Nhạc Hội cải lương đặc sắc với vở tuồng:

PHỤNG NGHI ĐÌNH
tức Lữ Bố Diêu Thuyền

do thành phần nghệ sĩ hùng hậu trình diễn Hùng Cường, Bích Thuận, Phương Thanh, T à i Lương, Kiều Lệ Mai, Minh Tâm, Hà Mỹ Liên, Minh Đức, Ngọc Lưu, Hùng Tiến, Kim Hoa, Hữu Trí , Hoàng Thông... Giá vé 25DM; 30DM; 35DM; 40DM. Vé có tại: Herrn Vũ Duy Toại, Im Ardeyental 1 5810 Witten. Tél. 02302-63989



Việt Nam phong sử

Nguyễn văn Mai - bản dịch của Tạ Quang Phát - Học Giả Mắc Khách sưu lục.
(Kỳ 13)

CHƯƠNG 50

*Trách chàng Tử Thúc vụng suy.
Đã lên cõi thọ về chi cõi trần?*

Thơ phong sử này thuộc phú.
Tỉnh Thanh Hoá xã Trì Nội huyện Nga Sơn ở
có động Bích Đào, có một tên nữa là động Tử
Thúc.

Trong niên hiệu Quang Thái (1388-1398) đời
vua Trần Thuận Tông, viên huyện tế ở Tiên
Du là Tử Thúc gặp tiên nữ Giáng Hương ở
đấy, cho nên gọi là động Tử Thúc.

Theo sách Thanh Hóa tạp lục, Tử Thúc là
người ở Hóa châu, dưới thời nhà Trần, vì phụ
âm mà được bổ làm huyện tế ở Tiên Du.

Ngôi chùa bên huyện có một cây mẫu đơn mỗi
lần hoa nở thì ngựa xe tấp nập kéo đến
thành hội thưởng hoa rộn rịp.

Có một người con gái đẹp, tuổi độ 15-16,
dung nhan tuyệt diệu, đến đây xem hoa, kéo
cành hoa bông làm gãy mà bị người giữ hoa
bắt giữ. Ngày đã về chiều mà không có ai
đến nhận lãnh người con gái ấy.

Tử Thúc trông thấy thương xót, mới
chiếc áo bạch cầm câu mà chuộc người con
gái và báo đi về. Vì thế người ta cho quan
huyện tế là hiền đức.

Tử Thúc vốn thích sơn thủy, về sau bỏ chức
quan đi thưởng ngoạn, ôm đàn ngâm thơ lấy
non nước làm vui.

Một hôm dậy sớm trông ra xa ở cửa biển
Thần Phù thấy mây lành ngũ sắc chằng chịt
đùn kết như hoa sen nổi lên, Tử Thúc mới
bơi thuyền tiên thẳng đến thì gặp ngọn
núi đẹp đẽ, cột thuyền rồi lên bờ, chợt thấy
ở chỗ vách đá nứt hở ra một cái hang, chứa

vào được mây bước thì thấy vách đá đóng
lại, tấm tối âm u, mới lấy tay sờ vào rêu
xanh mà đi độ vài dặm, thấy bậc cấp nhô
treo lên bờ núi, lên đến ngọn núi thì thấy
trời tạnh trong, mặt nhật tươi sáng, nhìn
ra bốn phía thấy lâu đài đẹp đẽ như tranh
vẽ đủ màu.

Chỗ lát có hai người con gái nhỏ mặc áo
xanh đi ra nói với nhau: "Lang quân nhàn
ta đến rồi!"

Một lát lại bảo Tử Thúc: "Phu nhân mới Ngài
đến". Tử Thúc đi theo sau.

Bà tiên ngồi trên giường thất bảo, bên
cạnh có đặt một cái sạp gỗ đàn hương, bảo
Tử Thúc:

- Thiệp vốn là Nam Nhạc địa tiên Ngụy phu
nhân. Vì ông cao nghĩa cứu người trong cơn
nguy khốn, cho nên mới mời Ông đến đây.

Nhân đó Bà gọi A nương ra và tiếp lời:

- Người này khi trước đã bẻ cành hoa đây.
Bà tiên chỉ A nương mà nói:

- Nó là con cái nhà tôi tên là Giáng Hương
khi trước đã đòi ông cứu nguy khi xem
hoa, muốn kết giao ngẫu cùng Ông để đáp đền
ơn nặng.

Liên ngay đêm ấy hai người làm lễ gia
bái thành hôn.

Qua hơn một năm, thừa lúc nhàn rỗi, Tử Thúc
nói với Giáng Hương:

- Anh vốn là du tử ở viễn phương có lòng
thương, có xót hoa, mới nghĩ trần tục khổ
rối, nỗi tình quê hương dễ động, mong em thể
lượng mà thông cảm hiểu cho, tạm cho anh
trở về, xin cáo biệt một thời gian, để bận
bạc sinh kế ở nhà, vuông tròn rồi thì trở
lại cùng em giai lão ở chốn tiên hương này
vậy.

Giáng Hương đáp:

- Em đâu dám lấy tình nghĩa vợ chồng cần
xem lịch trang 53



QUỐC SỬ TẠP LỤC

3. QUỐC HIỆU NƯỚC TA

SỬ TA SO VỚI SỬ TÀU

Ứng Hoè Nguyễn Văn Tố

— Học Giả Mặc Khách sưu lục —

LỜI TÒA SOẠN: Quốc Hiệu nước ta - Sử ta so với sử Tàu của Ứng Hoè Nguyễn Văn Tố. Bài này đã được đăng trên tuần báo THANH NGHỊ ở Hà Nội trong những năm 1944 và 1945. Kể đến năm 1964 lại được tái đăng trên TÍN SỬ ĐỊA của Ban Báo Chí Nhóm Sử Địa Đại Học Sư Phạm Sài Gòn. Nay Viên Giác xin trích trang lại để làm quà văn hóa cho quý vị độc giả bốn phương.

Cũng vì không liên lạc trực tiếp được với một số quý vị Tác Giả đã có bài được báo Viên Giác trích đăng; nên Tòa Soạn xin chân thành cáo lỗi cùng quý vị. Để tạo nên mối Đạo tình với Đạo Pháp; mong quý vị đã có bài được đăng, hoặc trích dịch xin liên lạc về tòa soạn để chúng tôi kính chuyển đến Quý vị Tác Giả một số tịnh tài để bù đắp vào công lao khó nhọc của quý vị. Tuy nhiên tờ báo Viên Giác vẫn là tờ báo Đạo, không có tính cách thương mại. Kính mong quý vị niệm tình hỷ thứ cho.

— (Tiếp theo) —

Lộc Tục có thánh trí thông minh, Đế Minh rất quý, muốn truyền ngôi cho làm vua bên Tàu. Lộc Tục có ý nhường anh, không dám phụng mệnh. Đế Minh mới lập Đế Nghi ở ngôi, cai trị phương Bắc, phong Lộc Tục làm Kinh Dương Vương cai trị phương Nam, gọi tên nước là Xích Quỷ.

Sử thần Ngô Thi Sĩ cho là hoang đường, bỏ đi không chép vào Đại Việt Sử Ký Tiên Biên và viết ở quyển I, tờ 1, a-b, một câu rằng: "Cửu sử (tức Toàn thư chép đầu, từ năm Nhâm Tuất 2879 trước T.C) tên nước gọi là Xích Quỷ... thế thì tính tự Giáp Tý nào mà gọi là Nhâm Tuất? Xích Quỷ nghĩa gì? mà gọi tên nước? đều là hoang đường, nên bỏ đi". Vì thế Đại Nam Quốc Sử Diễn Ca có mục "Quốc hiệu thông khảo", và Khâm Định Việt Sử Thông Giám cương mục đều không chép đến 2 chữ Xích Quỷ.

Duy có đoạn sử chép Đế Minh di tuần thú, Đại Việt Sử Ký Tiên Biên chép vào Toàn Thư nhưng có khác Toàn Thư hai chỗ: một là Toàn Thư chép "Ngũ Lĩnh" Sử Ký Tiên Biên chép

"Hải Nam", hai là Toàn Thư chép "Phong vi Kinh Dương Vương trị Nam phương" (phong làm Kinh Dương Vương cai trị phương nam), mà Sử Ký Tiên Biên chép "phong chi Việt Nam, thỉ vi Kinh Dương Vương" (phong sang nước Việt Nam gọi là Kinh Dương Vương): hai chữ Hải Nam và Việt Nam ở Sử Ký Tiên Biên (q.1, tờ 2a) là chữ của sử thân cuối Lê, không phải chữ của Ngô Sĩ Liên là người bắt đầu chép truyện Hồng Bàng vào Việt sử.

Đại Nam Quốc Sử Diễn Ca có mấy câu ở mục "Quốc hiệu thông khảo" như sau này: "ngã quốc nguyên hiệu Giao Chi, cổ xưng Giao Nam, Giao Châu, hựu di tại Nam cực giới, vị chi Viêm Bang, Việt Thường nãi bộ thuộc chi nhất dã" (nước ta nguyên hiệu là Giao Chi, cho nên gọi là Giao Nam, Giao Châu, lại vì cõi đất ở tận cùng cực phía nam nên gọi là Viêm Bang Việt Thường là một bộ ở trong nước). Ai mới xem qua, cũng tưởng Giao Nam và Viêm Bang là tên nước, nhưng xét đến sách Tàu sách ta chép dưới này, thì không hẳn là tên nước.

Chữ Nam Giao thấy trước nhất ở Kinh Thư. Bộ

Ngũ Kinh tường thuyết, Thư Kinh (q.15, t 0 14a) chép: "Mệnh Hy Thúc trạch Nam Giao" (Sai Hy Thúc sang ở Nam Giao) dưới chú thích rõ "Nam Giao là đất Giao Chi ở phương Nam" (Nam giao: nam phương Giao Chi chi đại). Khâm Định Việt Sử tiên biên q.1, t 5b) chép nguyên văn và chú thích đúng như thế. Sử Tàu cũng vậy, duy quyển Ngũ phê thông giám tập lãm (q.1, t 15b) viết chữ "cư" chứ không viết chữ "trạch" như Kinh Thư, và chép vào năm Giáp Thìn (2357 trước T.C.) là năm thứ nhất đời vua Nghiêu, dưới chú thích rõ: "Nam Giao là đất Giao Chi sách địa lý Kim Thích cho là nước An Nam ngày nay" Mấy chữ nước An Nam... là lời của triều - thân đời Kiên Long (1736-1795).

Năm thứ nhất vua Nghiêu ngang với năm 523 của họ Hồng Bàng: Bên ta đã có tên nước, thế mà bên Tàu vẫn gọi là Nam Giao hay Giao Chi. Có lẽ ta bầy giờ nước ta chỉ tiếp giáp với Tàu, chứ chưa có giao thiệp gì, nên bên Tàu chưa biết tên. Có nhà chép sử lại cho chữ Nam Giao ở Kinh Thư là tên nước ta. Chữ ấy chưa chắc đã là tên riêng. Có phải thế mà Đại Nam Quốc Sử Diễn Ca viết là Nam Giao không?

Cả chữ Viêm Bang (nghĩa là xứ nóng) cũng không phải là tên riêng, vì người Tây cho phương nam thuộc vào hành "hỏa": hỏa có tính viêm thừng (bốc lên) nên gọi là Viêm Bang, cũng như chữ ly minh ở trang đầu Đại Nam Quốc Sử Diễn Ca: "Nam Giao là cõi ly minh, Thiên thứ định phân rành rành từ xưa" người Tàu cho phương Nam thuộc que ly: "ly có nghĩa là ánh sáng mặt trời vì thế nên đặt chữ 'minh' liên với chữ 'ly' tức là chủ của mấy nhà làm sách dùng cho có vẻ và n chường.

Đền Việt Thường (nghĩa là xiêm nước Việt) là một bộ của Văn Lang, người Tàu cũng cho là tên nước. Sách Ngũ phê thông giám tập lãm (q.1, t 14a) chép "năm thứ năm đời vua Nghiêu (tức năm Mậu Thân, 2353 trước T.C.), người Việt Thường đến châu, phải hai lần thông ngôn, dâng rùa lớn, sông nghìn năm, vuông hơn 3 thước, trên mai có dấu chữ khoa đầu (là lời chủ Tàu đời cổ, hình giống con nòng nọc), chép từ khi mở trời đất. Vua Nghiêu sai chép vào sách".

Chỗ này sử Tàu chưa nghĩa chữ Việt Thường "ở phía Nam Giao Chi, đời Tần là huyện Lâm Ấp, đời Hán là Tượng Lâm, từ đời Tần về sau

là nước Lâm Ấp, sau đời là nước Chiêm Thành (chữ Phạn gọi là Champa). Xem qua chỗ chua nghĩa ấy có người tưởng Việt Thường không phải là nước ta, nhưng đây sử Tàu chỉ chua từ Tần trở xuống, còn từ Tần trở lên, ngang với nước ta vào đời Lạc vương, thì trong 15 bộ của Lạc vương có bộ Việt Thường, sử Tàu không chép Việt Thường bộ, mà chép là Việt Thường thị, gọi tắt cả nước là Việt Thường. Cùng một việc ấy bên sử ta chép rằng: "mới bắt đầu sai sứ sang nhà Đông, dâng thân qui". Tuy không chép rõ Việt Thường hay Giao Chi nhưng chép vào đời Lạc Vương, mà Lạc vương bây giờ đã có tên nước là Văn Lang, chính việc sai sứ sang Tàu là việc của nước Văn Lang mà bên Tàu gọi là Việt Thường. Quyển Việt Kiều Thư (q.3, t 1a) chép hẳn là Việt Thường quốc.

Cách một nghìn năm, đến năm Tân Mão (1110 trước T.C) là năm thứ sáu đời vua Thành Vương nhà Chu, sử Tàu chép rằng: "phía nam Giao Chi có người Việt Thường sang Tàu dâng bạch trĩ, qua hai ba lần thông ngôn, nói rằng: "dường sá xa xôi, non sông cách trở, sợ rằng một lần thông sứ không hiểu tiếng nhau, cho nên phải qua ba lần thông ngôn để sang châu" Chu Công nói: "Đức trạch không khắp tới nơi: người quân tử không nhận lễ sở kiến. Chính lịch khố ng khắp tới nơi: người quân tử không nhận lễ của người ấy xưng thân". Người thông ngôn đáp rằng: "Tôi vâng mệnh nhưng ông già nước tôi báo: "Trời không gió dữ mưa dầm, bể không nổi sóng đã ba năm, hẳn là Trung Quốc có Thánh nhân, sao không sang châu". Chu công đem dâng vua nhà Chu, qui công cho thân linh của Tiên vương, rồi đem dâng lên cung điều. Đến khi sứ giả về, quên mất đường, Chu Công cho 5 cỗ biên xa (bốn mặt có rèm che) đều làm cách thức chỉ nam, sứ giả đi xe ấy từ đường bể, nước Phù Nam (Kurung vnam, ở cõi đất nước Cao Miên đời xưa) Lâm Ấp (Chiêm Thành) đây nam trời mới về đến nước (Ngũ phê thông giám tập lãm q.3 t 10, : Thiếu Vi Thông Giám, quyển Chu Ngoại Ký, t 70b-71a, Khâm Định Việt Sử Tiên Biên, q.1, t 6a-b).

Sử Tàu Thiếu Vi Thông Giám (t 70b) chua nghĩa rằng: "Việt Thường là tên một nước ở phương Nam, ở phía Nam Giao Chi (Nam phương quốc danh, tại Giao Chi Nam). Lại dân Hán Địa Lý Chí chép có quận Giao Chi, nguyên là đất Nam Việt, năm thứ sáu hiệu Nguyên Đế (111 trước T.C) đời Vũ Đế đặt ra" và chua

"hai người thông ngôn gọi là "dịch" trùng tam dịch" là qua 3 người thông ngôn" (Thiếu Vi Thông Giám, tờ 17a).

Năm Giáp Thìn (257 trước T.C) khoảng năm m thứ 2623 của họ Hồng Bàng (tức là năm thứ 58 đời Chu Noãn Vương) có người họ Thục tên Phán đem binh sang đánh Lạc Vương, thứ 18. Lạc Vương thua. Thục Phán cướp nước Văn Lang, đổi tên là nước Âu Lạc. "Âu" là cái, ánh nhỏ hình như cái chậu, cái bát tiếng ta bây giờ cũng có tiếng "âu" và chữ "kim âu" là ánh vàng ý nói lâu dài, "Lạc" là một chủng tộc trong Bách Việt, Âu Lạc là giống Lạc được lâu dài.

Việt Sử Lược (q.1, tờ 2a) chép truyện Triệu Đà có câu "Chiêu Phụ Âu Lạc Mãn Việt giai thuộc yên" (về về những nước Âu Lạc Mãn Việt, đều thuộc quyền cai trị). Từ Nguyên (q. ngo, trang 48) dẫn truyện Triệu Đà cũng có câu: "Tài vật của lô di Mãn Việt, Tây Âu, Lạc dịch thuộc yên" (đem tiền cho Mãn Việt, Tây Âu và Lạc, bắt thuộc quyền sai khiến). Vì chép như thế, nên có người nói rằng: trong đời Tần có hai nước tên là Âu Lạc. Nhưng Nguyên hoa quận huyện chí (q.37 tờ b) chép "Quý châu, cổ Tây Âu Lạc Việt chi địa" (Thông diện (q.184, tờ 18b) chép "Quý châu bán Tây Âu Lạc Việt chi địa" nghĩa là Quý Châu bây giờ tức là Tây Âu Lạc Việt đời xưa.

Thế thì trong đời Triệu Đà (207-137 trước T.C) quả nhiên có hai chỗ gọi là Âu Lạc, những chỗ Âu Lạc của Thục Phán thì Triệu Đà lấy vào Nam Việt, còn chỗ Âu Lạc ở Quý Châu thì phải cắt nghĩa là Tây Âu và Lạc Việt, hai chỗ đất này không sát nhập vào Nam Việt.

Trong khoảng 50 năm (257-208 trước T.C) nước Văn Lang đổi làm Âu Lạc, thì sách Tàu gọi ta là gì?

Ngũ Phê Thông Giám Tập Lãm (q.11, tờ 6b-7a) chép "năm Đinh Hợi (214 trước T.C) là năm thứ 33 đời Tần Thủy Hoàng (tức năm thứ 14 của Thục Phán) lấy đất Nam Việt đất ra Quế Lâm, Nam Hải, Tượng Quận" và chú thích rằng "Nam Việt tức là Bách Việt, cũng có khi gọi là Đông Việt. Hán Thư chưa nghĩa "Nam Việt" họ Mi, cùng nước Sở chung một ông Tổ". Quế Lâm nay là phủ Quế Lâm, Bình Đặc và Ngô Tâm, thuộc tỉnh Quảng Tây. Nam Hải nay là các phủ Quảng Châu, Thiệu Châu, Trào Châu, Huệ Châu, Triệu Cao (Từ Nguyên chép là Triệu Khánh), Nam Hùng thuộc tỉnh

Quảng Đông. Tượng Quận rộng lắm, tức là phủ Liêm, Phủ Lôi ở tỉnh Quảng Đông, phủ Khánh-Viên, phủ Thái Bình ở tỉnh Quảng Tây, và nước An Nam bây giờ" (tức đời Kiên Long - (1736-1794).

Bài giải thích có câu rằng: "Lấy đất Lục Lương của Việt Nam, đất ra, ba quận, đem 50 vạn dân bị tội đày sang ở Ngũ Lĩnh, cho ở lẫn với người Việt" (Ngũ Phê Thông Giám Tập Lãm (q.11, tờ 6b-7a). Dưới chữ Lục Lương có chú thích rằng người Lĩnh Nam phân nhiều ở trong đồi núi, tính cứng cỏi, cho nên gọi là Lục Cường. Còn Ngũ Lĩnh, thì ông L. Auro-usseau đã tra sách Tàu kê tên ở bài La première conquête chinoise des pays annamites, đăng ở Bulletin de l'Ecole française d'Extrême-Orient, q. XXIII, trang 142-152

Thế là vào khoảng năm 257-208 trước T.C, nước ta là Âu Lạc, người Tàu gọi là Nam Việt, Đông Việt, Lĩnh Nam, Ngũ Lĩnh, ông L. Auro-usseau (La première conquête chinoise, trang 153-168) cho nước ta là khu vực Tượng quận, cũng như các sứ thần nước ta, duy ông Henri Maspéro (La commanderie de Siang) đăng ở Bulletin de l'E.F.E.O. q. XVI, trang 49-55 và bài phê bình trong T'oung Pao, q. XXIII, trang 373-393) cho khu vực Tượng quận là ở Tàu, không phải ở ta, sau này sẽ bàn tới.

Đại Việt Sử Ký (q.1, tờ 14a) chép "năm Đinh Hợi (214 trước T.C) nhà Tần ham nước Việt nhiều của báu, muốn lấy quận huyện, bắt người bỏ vong (trốn tránh) người chừa tuế (nghèo không có tiền cưới vợ, phải đi gửi rể) và người đi buôn ở các đạo làm lính, sai hiệu úy là Đồ Thủ đem đi. Sự Lộc ở ở cử vận Lương, đất Quế Lâm, Nam Hải, Tượng quận". Lĩnh Nam nghĩa là ở phía Nam. Ngũ Lĩnh (nghĩa chữ lĩnh là đỉnh núi có đường đi được), cũng có khi là Lĩnh Biểu, tức là phía ngoài Ngũ Lĩnh: Lĩnh là Ngũ Lĩnh, biểu là ngoài.

Không những Đại Việt Sử Ký chép chữ Nam Việt ra Lĩnh Nam, cả mấy quyển Việt sử khác chép việc ấy, cũng không chép việc ấy, cũng không chép chữ Nam Việt (xem như Khâm Định Việt Sử, tiên biên, q.1, tờ 10a, Đại Việt Sử Ký Toàn Thư, q.1, tờ 8a-10a).

Hoặc có người nghĩ rằng quyển Ngũ Phê Thông Giám Tập Lãm là của triều đình Kiên Long (1736-1795) soạn lại, thì có lẽ chữ Nam Việt là chữ của vua tôi nhà Thanh viết vào sau

xem tiếp trang 19

TRUYỆN HÙNG ĐẠO VƯƠNG



(Kỳ 13)

Lê Văn Phúc và Phan Kế Bính soạn. In lần thứ nhất tại Đông Kinh ấn quán Hà Nội năm 1914.

Học Giả Mặc Khách sưu lục

HỒI THỨ MƯỜI HAI

Phệ quan quân, giặc dùng yêu thuật,
Nổi phong vũ, trời tựa hoàng gia.

Đang khi Thoát Hoan tức giận. Nguyễn Bá Linh bước ra hiến kế nói rằng:

- Xin Thái Tử tiến quân đến sát trại, tôi chỉ dùng một thuật nhỏ, cũng đủ cho Nam quân tan vỡ, phải bỏ trại mà chạy.

Thoát Hoan mừng rỡ hỏi rằng:

- Người có kế gì mà tài làm vậy?

Bá Linh thưa:

- Xin Thái Tử dẫn trận đối địch với, trận bên kia, tôi sẽ dùng phép, làm cho nổi cơn giông gió, rồi có thần binh xuống giúp quân, kia tử khác phải chạy, Thái Tử thừa thế cướp lấy ba trại để nhử chối.

Thoát Hoan mừng rỡ, kéo binh đến gần trại quân Trần dẫn trận, cho người đưa chiến thư thách đánh. Rồi chia quân làm ba đường, chực sẵn thừa cơ cướp trại.

Phạm Ngũ Lão, Nguyễn Chế Nghĩa tiếp được chiến thư, liền mang quân ra bày trận. Hai tướng kim ngựa đứng hai góc, trông sang trận bên Nguyễn, thấy Thoát Hoan đứng trong cửa cố, hai bên 10 viên dũng tướng.

Nguyễn Chế Nghĩa quát ngựa ra, quát to lên rằng:

- Bớ các tướng giặc, dám địch nhau với ta thì ra đây!

Trong trận Nguyễn có Ao Lỗ Xích nhảy ra. Hai tướng đấu nhau hơn 50 hợp. Ngũ Lão đứng

trong trận nhìn sang, lại thấy có một tướng bành khảnh, mắt nhỏ, mắt dài, cưỡi ngựa ra cửa trận. Tay cầm một thanh bảo kiếm, xỏ a đầu rử tóc, trong miệng niệm chú lầm bầm mấy câu. Ngũ Lão biết là người ấy dò trò yêu thuật, vội vàng thúc ngựa nhảy xổ ra, hét lên rằng:

- Thằng kia chớ giở tà thuật!

Nội bụng ló, toan nhảy vào đâm tướng ấy bỗng dưng thấy trời nổi cơn giông, cắt sỏi bay vũ vũ, mây kéo tối mù mịt, quân sĩ giáp mặt, không trông thấy nhau. Rồi lại nghe tiếng trên không réo lên, ầm ầm, tựa hồ thiên binh vạn mã đổ xuống. Quân sĩ kinh hãi, không biết thế nào, xông xáo tan vỡ, ai nấy đổ xô mà chạy. Quân Nguyễn thừa kế đánh trận sang. Phạm Ngũ Lão, Nguyễn Chế Nghĩa, dẫn quân chạy về trại. Quân Nguyễn đá nhện bủa vào trại. Hai tướng giữ không nổi, phải bỏ trại chạy về trại Phù Sơn.

Thoát Hoan chiếm được trại Trúc, sai các tướng thừa thế vây nốt trại Tú, trại Sa, Hưng, Thắng, Huyền. Du nghe tin Nguyễn Chế Nghĩa, Phạm Ngũ Lão chạy rồi, mà quân Nguyễn kéo đến hàng hà sa số, biết cố giữ không lại, vậy cũng phải bỏ trại mà chạy, quân Nguyễn chiếm được cả hai trại ấy.

Phạm Ngũ Lão, Nguyễn Chế Nghĩa về trại Phù Sơn, vào hầu Hùng Đạo Vương, thuật lại việc giặc dùng phù phép. Hùng Đạo Vương, sai người dò xem yêu tướng là ai, mới biết là Nguyễn Bá Linh dùng phép.

Hôm sau Hùng Đạo Vương sắp cất quân đi đánh Thoát Hoan, sức thấy bụi bay mù mịt, thì là Thoát Hoan đã kéo quân đến. Hùng Đạo Vương đem quân xuống chân núi dẫn trận. Một lát quân Nguyễn kéo đến, cũng dẫn trận một bên. Hùng Đạo Vương cưỡi ngựa ra trước

trận, hai bên 8 viên kiêu tướng đứng kèm. Thoát-Hoan lại sai Nguyễn bá Linh ra trận dùng phép.

Phạm Ngũ Lão đứng cạnh Hùng-đạo Vương trở tay ra, nói rằng:

- Người này chính là người dùng phù phép, phá quân ta bữa trước, phải trừ đi mới được Hùng-đạo Vương nổi giận, sai Ngũ-Lão ra bắt tướng ấy. Ra chưa đến nơi, thấy tướng ấy cầm thanh kiếm ngang mặt lên trời, lầm nhảm niệm chú, rồi lại thấy gió nổi ùng ùng, tối tăm mù mịt, quân mã ở trên không ào ào kéo xuống Hùng-đạo Vương vội vàng quay ngựa vào trận quân sĩ xông xáo lại chạy. Các tướng kèm giữ Hùng-đạo Vương chạy lên trên núi. Bỗng lại thấy ở mé sau núi có hai đạo quân đánh tập hậu. Toán đánh tập hậu ấy nguyên là Thoát-Hoan dự sẵn, sai Trình-bảng-Phi và Áo-Lô-Xích đi lên đường rừng kéo ra. Quân ta đang lúc kinh hoàng, không bụng nào dám chống giữ Quân Nguyên phá toang đổ vỡ vào trại. Các tướng hết sức đánh giết quân của Áo-Lô-Xích ra, giữ gìn Hùng-đạo Vương chạy về Vạn Kiếp Hùng-đạo Vương bàn với các tướng rằng:

- Giác dùng yêu thuật, quân ta hử kinh mà bị thua, các người ai có kế gì phá được không? Yết Kiêu thưa rằng:

- Tôi nghe khi xưa công chúa có gặp tiên mâu chọ thanh thân kiếm, giao cho đại vương dẫn đến khi nào gặp giác có yêu thuật, hễ trợ thanh kiếm ấy, niệm câu thần chú, thì tự khắc phá được, đại vương sao không dùng kiếm ấy?

Hùng-đạo Vương cười nói rằng:

- Thuật ấy chẳng qua là ảo thuật, xưa nay phép phù thủy thường hay có trò ấy, chỉ dùng đồ đồ bán thì trừ được, can chi phải mướn đến phép thần tiên.

Bèn gọi Phạm Ngũ Lão, Nguyễn chế Nghĩa ra dẫn rằng:

- Hai người cho quân sĩ chứa sẵn đồ đồ bán phục hai bên trái núi. Ngày mai ta tiên quân ra trận, đánh nhau với quân Thoát Hoan. Khi nào giác dùng thuật, có âm binh trên kéo xuống, thì cho quân sĩ từ trên đầu núi phóng uế xuống, tất là phá được.

Hai tướng phụng mệnh, chửi sẵn máu chó, máu dê, phục quân trên sườn núi. Hùng-đạo Vương dẫn quân dàn trận trước núi.

Thoát Hoan tự khi phá được trại Phù Sơn, sắp cất quân xuống Vạn Kiếp, sức thấy thăm-tứ về báo rằng:

- Trận Hùng-đạo Vương hiện đã dàn quân ở trước núi, chực đánh quân ta.

Thoát Hoan lập tức tiến quân đến đó d

trận. Đồi bên nổi trống, Nguyễn bá Linh quen thói lại dùng phép trước. Hùng-đạo Vương giả thua lui quân. Thoát Hoan thừa thế đuổi theo đến cạnh sườn núi. Phạm Ngũ Lão, Nguyễn chế Nghĩa trông ra thấy gió đất tối mù, ào ào có tiếng, âm binh âm tướng; kịp nổi hiệu pháo, trống đánh vang động, sai quân sĩ đem máu chó, máu dê rảy vung ra tức thì thấy khí mù tan hết, giống gió liễn tạnh; rồi thấy người, ngựa, khí giới t i n h bắng cò gà và giấy, lá tã rơi xuống đất. Quân Nguyên thấy phá mất yêu thuật, vội vàng quay về; quân ta từ trên núi đổ xuống đuổi theo, Hùng-đạo Vương cũng thúc quân đánh xốc lại. Quân Nguyên bị giết chết rất nhiều; Thoát Hoan dẫn bại quân chạy đến chiếm giữ núi Phá, lại và núi Chí linh, lập trại chống nhau với quan quân.

Thoát Hoan hỏi Nguyễn bá Linh rằng:

- Nam quân phá mất thuật của ta, thì bây giờ làm thế nào?

Bá Linh thưa:

- Thái tử khoan tâm, quân kia phá thuật ấy tôi có phép khác, xin Thái tử truyền cho các tướng dự sẵn, đêm nay tôi dùng phép, khiến cho quân kia kinh nhện, sẽ thừa cơ cướp lấy trại Vạn Kiếp.

Thoát Hoan nghe lời, bàn định đầu đuôi.

Nói về Hùng-đạo Vương thắng được trận trước, định sáng hôm sau, thì tiên quân đến phá trại Phá Lai và trại Chí Linh. Hôm hôm ấy quân sĩ đang ở trong trại, bỗng dưng thấy cộ tiếng âm âm, lửa sáng rực cả phía Các tướng kinh hoàng, dẫn quân ra trại xem làm sao, thì thấy thập thoảng trong bóng lửa, âm binh, thần tướng kéo ra bạc ngàn man đả, lơ lơ những quân đầu trâu mõm ngựa, kẻ gươm người giáo, mặt mũi dữ tợn như hung thần, ùng ùng kéo cả vào trại. Hùng-đạo Vương sai các tướng truyền cho quân sĩ cứ việc đem cung nỏ bắn ra, tên bay ra rào rào những cung không ngan được âm binh, kẻ o thốc cả vào trong trại; lại nghe thấy dưới núi trống đánh vang tai, quân Nguyên kéo đến. Quân ta kinh hồn bạt vía, xô nhau mà chạy, ngan lại cũng không được. Quân Nguyên thừa thế đánh lên. Hùng-đạo Vương bắt đắc dĩ phải dẫn các tướng lui về mạn dưới.

Thoát Hoan cướp được trại Vạn Kiếp.

Dẫn ở Bằng Hà, Ba Diêm thấy Thoát Hoan thấy trận, Hùng-đạo Vương đã lui rồi, mới đem trâu, dê, gạo, rượu ra đón rước quân Nguyên.

Thoát Hoan dùng lời phủ dụ cho về.

Bây giờ Ô mã Nhi, Phần Tiếp do đường hã i đạo cũng đã kéo vào đến sông Lục Đầu.

Thoát Hoan sai Trình bằng Phi dẫn 2 vạn quân từ Vạn Kiếp kéo đi đánh mất bộ; sai Ô Mã Nhi, A Bất Xích dẫn thủy quân từ sông Lục đầu thuận dòng đánh xuống sông Phú Lương. Hưng-Đạo vờ rút quân về Thăng Long, ngài thấy quân Nguyên thế đang mạnh, mới sai Ng. Chế Nghĩa, Phạm Ngũ Lão rước xa giá thượng hoàng và vua tam lánh về Hàm Nam, Ngài thì đóng quân trong thành cự nhau với quân Nguyên.

Thoát Hoan cho quân do thám, biết tin vua chạy về Hàm Nam; sai Ô Mã Nhi, A Bất Xích dẫn thủy quân đuổi theo. Còn một mặt kéo đại quân đến vây thành Thăng Long.

Ô Mã Nhi, A Bất Xích giương buồm hết sức đuổi theo. Nguyên chế Nghĩa rước xa giá xuống thuyền nơi đồng bãi vào Thanh Hóa. Ô Mã Nhi đuổi không kịp, đem quân giở về đến Long Hưng, đóng quân giữ tại nơi ấy.

Ô Mã Nhi sai người do thám, biết Chiêu Lăng là làng của Thái tôn tiên hoàng, ý tức về thứ trước xuyết chết mấy phen, mới sai quân lính phát quật Chiêu Lăng để báo thù.

Tì tướng là Tích Lệ, Cỏ Ngọc tuấn lĩnh dẫn 300 quân dân khắp xung quanh làng, sai quân đào má. Quân sĩ xúm xít vào đào, được được nửa chĩnh, bỗng nhiên giới nổi cơn giông, âm âm sấm chớp, mưa xuống như trút nước. Một tiếng sét cục đứ, đánh vào đám quân ấy, chết mất hại ba người. Quân đào làng kinh hồn táng đàng, phải bỏ mà chạy.

Ô Mã Nhi lấy làm kỳ dị, định chờ tanh mưa lại đào. Hôm ấy mưa gió suốt cả ngày đêm, đến sáng mai mới tạnh.

Ô Mã Nhi lại sai quân ra đào, quân ra đến nơi thì thấy vết đào hôm trước, lại lấp nguyên như cũ, lấy làm kinh hãi; nhưng vì phụng tượng linh không dám trái, lại phải đem thuốc cuốc xúm vào phá gạch đào đất. Đang hì hục đào thì lại thấy giới u ám, gió thổi ầm ầm, sấm chớp mưa to, sét đánh luôn ba bốn tiếng, lại chết mất năm, sáu người.

Quân sĩ chạy về báo với Ô Mã Nhi. Ô Mã Nhi kinh hãi vô cùng, ngồi ngẫm nghĩ một hồi, không biết dùng cách gì mà đào cho được. Đêm hôm ấy Ô Mã Nhi nằm nghỉ trong trường, mồm mồm mồm, bỗng thấy một tướng tonhôn mặt mũi hung ác, mình mặc áo giáp vàng, tay cầm lưỡi tầm sét, mắt miêng trợn mắt, bước sấn vào trong trường thét lên rằng:

- Ta phụng mệnh thượng đế sai giữ Chiêu Lăng, mày sao dám đến xâm phạm? Tội mày đại ác, mai sau quyết không tránh khỏi lỗi đời giới!

Nói đoạn, cầm lưỡi tầm sét bổ vào đầu Ô Mã-

Nhi, một cái. Ô Mã Nhi kinh hồn hú lên một tiếng, giật mình tỉnh dậy, ngồi run một giờ lâu mới hoàn hồn.

Ô Mã Nhi tỉnh rồi, trên đầu nghe vẫn tề buốt. Nghi ngẫm trong giấc chiêm bao, biết là vận nhà Trần còn vượng, có linh thần hộ, tử đồ không dám sai quân đào nữa, muốn rút quân về với Thoát Hoan.

Hôm sau, Ô Mã Nhi thu xếp cất quân xuống thuyền về ra mắt Thoát Hoan, thuật lại chuyện trước. Thoát Hoan nửa tin nửa ngờ, muốn sai quân lại đào lượt nữa.

Tích Lệ can rằng:

- Việc ấy huyền hoặc, thế nào không biết, nhưng tội thiết tướng đại quân chỉ nên đánh lấy Thăng Long, bắt được thủ tướng nhà Trần là đủ định xong Nam quốc, can gì phải giằng lay đến một năm xuống khổ?

Thoát Hoan nghe nói có nhẽ mọi thôi.

Nhân dân ở cạnh đây, thấy Ô Mã Nhi rút quân đi rồi, mỗi rừ nhau ra sửa sang xây lại làng, làm lễ yên thần.

Có người báo tin ấy về Hưng Đạo vờng.

Hưng Đạo vờng lập tức sai quan về sửa sang lại cho chỉnh đốn, dùng lễ bái tạ thiên địa tổ tôn, rồi bàn mưu định kế đánh Thoát Hoan đó là:

Vận nước dầu nhờ thần thánh giúp,

Việc người cốt tự trí mưu nên.

Chưa biết việc sau thế nào, sẽ xem hồi sau phân giải.

liệt thư trang 16

chứ không phải có tử đối Tần (214 trước TC) nhưng không phải, thế, quyền Tư trị Thông Giám là quyền sử biên niên có giá trị của Tư Mã Quang làm năm 1067, cũng chép việc ấy mà chép là Nam Việt, chứ không chép Lĩnh Nam như mấy quyển sử ta.

Năm Giáp Ngọ (207 trước T.C) Triệu Đà tự lập làm Nam Việt vờng. Sử Tàu (như Tiên Hán Ký, q. 4, tờ 5b, Sử ký của Tư Mã Thiên) chép Hán Cao Tô đã dẹp yên thiên hạ, vì Trung Quốc khó nhọc khổ sở, nên tha Triệu Đà, đến năm II đời Hán (tức 196 trước T.C) sai Lục Gia sang phong cho Triệu Đà là Nam Việt Vờng. Nhưng đến năm III trước TC nhà Hán diệt được họ Triệu, lấy đất Nam Việt chia làm chín quận, là Nam Hải, Thượng Ngô, Uất Lâm, Hợp Phố, Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam, Châu Nhạy và Đàm Nhi (Hán Thư, q. 4a, Tiên Hán Ký, q. 14, tờ 2a, v.v...)

(còn tiếp)

Đạo Sư

Một sợi tóc đủ muôn nghìn công đức
Một móng chân soi sáng cả địa cầu:
Người Giảng Trần thay vận mệnh năm châu
Và ân sủng rải hằng sa thế giới!

Người đây rồi, lòng con hằng mong đợi
Mắt trông dưng đây bác ái tử bi.
Hào quang soi nghiêm rức rỡ chu kỳ,
Dân đất kẻ lạc đường về nguyên thủy.
Cả vũ trụ tung hô vạn tuế!
Con đây đâu không biết nổi năng chi.
Mắt phàm phu nào bao quát dung nghi
Lòng trần tục biết gì ngôi cao cả.
Sao lại là ta, hưởng trần phép lạ
Trong lúc cần khôn quở quang tịnh say?
Tu mấy ngàn năm để được ngày này,
Gần bên đấng Toàn Năng và Toàn Giác?
Người như bông dưa xanh ngày sa mạc
Ôm ấp lòng con trong bóng mát vô biên.
Châu báu đây đây trong cõi tam thiên
Không sánh được bụi tử hải thánh thể.
Ta nước nở thương thâm cho cõi thế
Cánh tâm luân tâm tối miệt mài đi
Người đến rồi mà không biết không hay
Thân quý báu vẫn chìm trong khổ hải!
Con muốn bay lên trời cao vởi vởi
Reo tên người trong gió thổi mây bay
Khắc tên người trên từng cánh sao mai
Gọi thế giới theo mặt trời thức dậy:
Hãy đến đây, nghe lời mạc khải,
Người đến rồi, mang ân sủng vô biên.
Hãy đến đây cùng chia sẻ ân thiên
Ngay vũ trụ hân hoan mừng phép lạ.
Ngay ĐẠO SƯ, đấng cha lành cao cả
Đem cõi cần khôn trao lại cho người.

Delhi 12.1982

• Thị Nguyễn Đăng Trình W.

Đi tìm Phật

Ta đi tìm Phật khắp nơi
Bỏ sơn, bỏ phân, bỏ người thân thương
Bỏ đời như quân bên đường
Công danh chung đỉnh là tuồng mua vui.
Ta đi tìm Phật ra đời
Trần gian u tối biết người nơi đâu?
Hai ngàn năm lẻ chiêm bao
Hằng sa chủng loại khát khao đợi Ngài!
Nam Mô Di Lặc Đương Lai
Tử Bi soi bước lạc loài vô minh
Dắt dìu lên chốn quang vinh
Hào quang tiếp dẫn sinh linh đóa đây.

Khóa lễ buổi sớm

Hương trầm nhẹ tỏa buổi mở sương
Ngắm Đức Tử Bi chốn Phật đường
Khải tổ tâm linh nhờ đức tuệ
Phá tan sân hận cậy nhành dương
Hồi chuông thanh tịnh khi trì chú
Nhịp mõ chân thành lúc niệm hương
Sống cõi Ta Bà luôn tưởng tới
Ao sen chín phẩm cảnh Tây Phương.

Đọc báo Viên Giác cảm đề

Đón ánh từ quang đến với mình
Giữa dòng ào ảnh sóng vô minh
Thành thời hôm sớm vui thi phú
Phảng phất hương trầm lãng kệ kinh
Đức độ trau dồi nên Đạo giáo
Tử Bi gìn giữ nếp chân thành
Mừng nay được tổ đèn chân lý
? cảm thân giao rất diệu linh.

• TÔN NỮ CHUNG ANH Pháp Danh Đạo Minh
24-3-1983

Phật Tâm

Nghìn xa hoa chuyển về hoang tuyết
Van dầm Đạo tìm chốn hư vô
Núi cao chìm dấu vang tiếng mõ
Biển rộng cá về rên tiếng chuông
Mây trời hoa đạo truyền hơi ấm
Đất lạnh niềm vui thâm tình thương
Bằng khung thân lấm vũng hương tuyết
Ngập ngò Tư Câu mỗi đạo duyên.
Hai tay chấp lại lời tâm nguyện
Si, sân, sắc, tài rừng biển ái
Đốt cháy niệm toàn hỷ, xả, bi
Định, trì, tu, giới chuyên tâm niệm
Huỷ xóa sắc tài, niệm lợi danh.

• Huệ Cường (Boston-USA)

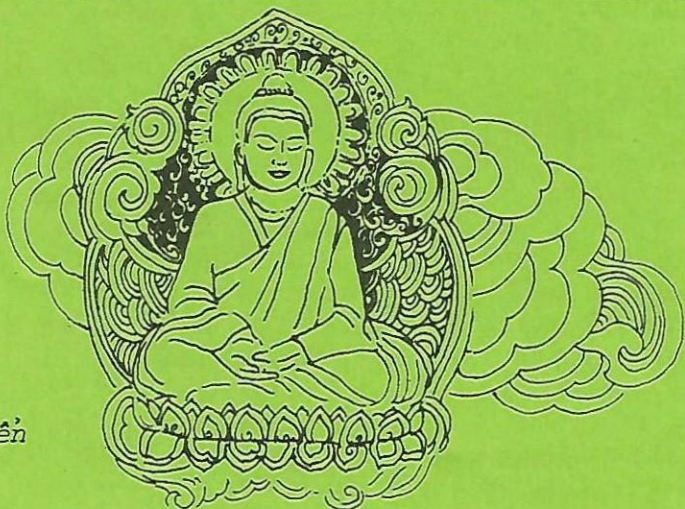
Nghiệp

Trên cánh đồng gương rộng
Sáng ngời màu giá băng
Ta hoàng hôn trốn bóng
Bóng theo từng bước chân
Ta dùng hơi lửa nóng
Đốt hình hài tan hoang
Biển thành hơi bay bổng
Nhưng kia trên mặt gương
Một vết mờ lạnh công

• HỒ TRƯỜNG AN

Allgemeine Buddhalehre

Text von Hochehrwürdiger Thích Thiện Hoa
Deutsche Übersetzung von Rev. Thích Như Điền



KAPITEL III

Zusammenfassung der Lebensgeschichte
Sakya Muni Buddha (seit der Erleuchtung
bis zum Eintritt ins Nirvāna).

A. Zur Einführung:

B. Themen:

I.- Die Größe und Breite der Bekehrungs-
mission Buddhas.

1. Bekehrung hinsichtlich unterschied-
licher intellektueller Fähigkeiten aller
lebenden Wesen.

2. Bekehrung nach gelegentlicher
Möglichkeit.

3. Bekehrung sinngemäß der Gleichheit.

II. Buddha verkündete Sutren in fünf
Stadien.

1. Erstes Stadium: Avatamsaka-Sutra

2. Zweites Stadium: Āṅga-Sutra

3. Drittes Stadium: Mahayāna-Sutra

4. Viertes Stadium: Prajñāpāramita-Sutra

5. Fünftes Stadium: Saddharma Pundarika-
Sutra und Nirvāna-Sutra.

III. Die vollkommen bekehrende Weisung.

IV. Vor dem Eintritt ins Nirvāna.

1. Buddha gab sein Hinscheiden des
Weltlichen Daseins bekannt.

2. Buddha verkündete.

C.- Schlußfolgerung:

1. Wir sollen uns Buddha zum Vorbild
nehmen.

2. Buddhisten sollen Buddha's geistiges
Erbe beherzigen.

Fortsetzung

IV. Vor dem Eintritt ins Nirvana

1. Buddha gab sein Hinscheiden des weltlichen Daseins bekannt.

Als Buddha's bekehrende Weisung vollkommen war, wurde er 80. Somit wurde er aus vier weltlichen Elementen (dhatu)-Feste-, Flüssige-, Hitze- und Wind-Element - entstehender Körper auf Grund des eigentlichen Vergänglichkeitsgesetzes geändert.

Im Alter von 80 Jahren ging Buddha in den Wald Tala in Kusiagara, der 120 miles von Benares entfernt war, heute Kasia.

Eines Tages rief er Ananda zu sich, welcher in Buddha Dienste stand und selbst Buddha's beste Schuler war. Sakyamuni Buddha hat ihm angekündigt.

- "Lieber Ananda, mein Lehrweg ist nun vollkommen. Wie nach meinem damaligen Wunsch habe ich jetzt 4 Schülerklassen. Monche (Bhiksu), Nonnen (Bhiksuni), Laienanhänger (Upasaka) und Laienanhängerin (Upasika). Viele meiner Schüler kommen mich nun vertreten, um das Rad meiner Lehre in Bewegung zu setzen, zugleich ist meine Lehre ja überall verbreitet. Nun ich mich von euch trennen. Mein Körper ist dem Vergänglichkeitsgesetz unterlegen, jetzt ist er ein verschleißter Wagen.

Ich brauche ihn zum Tragen der Lehre. Jetzt ist dieser Wagen abgenutzt, und meine heilige Lehre ist wohl überall ausgebreitet, so soll ich noch in diesem abgenagerten Körper verweilen!? Lieber Ananda! In 3 Monaten werde ich ins Nirvana eintreten."

Die Nachricht über das Eintreten ins Nirvana des Buddha verbreitete sich so schnell wie ein Blitz. Alle Schüler Buddha's, die seine Lehre anderswo predigten, kehrten zu ihm zurück, um den Erhabenen den Abschied zu nehmen.

In den letzten 3 Monaten hat Buddha nach wie vor, ohne Ansruchen, Predigtreise unternommen.

Eines Tages, während seiner Wanderung durch einen Wald, begegnete er einem Mann, der Holz verbrannte, um Kohl zu gewinnen, namens Cunda.

Cunda bat Buddha zu sich nach Hause zu einem Mahl. Buddha und dessen Schüler folgten Cunda schweigend nach Hause. Cunda bat dem Erhabenen eine Schale Wildschwein-Pilzsuppe, da die Wildschweine diese Pilzart als bevorzugte Nahrung nahmen.

Nach der Mahlzeit verabschiedeten sich Buddha und dessen Schüler bei Cunda. Nach einer Weile übergab Buddha Ananda seine Almosen-Schale und bat ihm eine Hängematte im Wald Tala aufzuhängen, um sich zum Ansruchen hinzulegen.

Die Hängematte wurde zwischen zwei Bäume namens Tala gehängt, und Buddha hat sich darin hingelegt; sein Kopf zeigte in Richtung nach Norden; sein Körper ruhte auf der rechten Seite; sein Anlitz richtete sich nach Westen.

Vernehmend die Nachtricht über das baldige Eintreten ins Nirvana von Buddha kamen alle Menschen, die in der Nähe des Waldes Tala wohnten, dorthin, um Buddha ehrbietig zum letzten Mal zu besuchen.

Von diesen Besuchern gab es einen über 80 Jahre alten Greis namens Tubhadhala. Er bat Buddha um die Dreifache Zuflucht (Ti-ratana), die Hauslosigkeit und die Möncheregeln. Buddha gab hocheifreut seine Zustimmung.

Somit war Tubhadhala der letzte Schüler Buddha's.

(Fortsetzung folgt)

GEFANGENER DES VIETCONG

ERLEBNISSE EINES DEUTSCHEN
IN SÜDVIETNAM

1963-1976

VON
RUDOLF PETRI

INHALT

Erster Teil
Von Indien nach Südvietsnam

1. Von Indien nach Südvietsnam
2. Erster Aufenthalt in Saigon
3. Meine Mission für die Buddhisten Vietnams in Südasien
4. Kidnapping oder Mordversuch ? (in Colombo)
5. Seefahrt nach Malaysia
6. Von Singapur nach Saigon
7. Besuch in Japan
8. Wieder in Saigon

Zweiter Teil
Zickzackreisen in Asien

09. Zickzackreisen in Asien
10. Begegnungen mit einem Geist
11. Die Riesenschlange
12. Ein kleines Wunder
13. Der Tiger von Vung Tau
14. Amerikaner wurde Buddhist
15. Der unsichtbare Geist
16. Der Fall Vung Tau's

Dritter Teil
In Vietconghaft

17. In Vietconghaft
18. Selbstmordversuch im Kerker
19. Ich wurde Gefangener "Nummer Eins"
20. Drei Vietcongs in Kerkerhaft
21. Simulierter Selbstmordversuch
22. Tag der Freiheit
23. Wiedersehen mit Deutschland

Copyright C 1977
Dr. R. Petri
Reinbekerweg 50
D- 2050 Hamburg 80

(Fortsetzung)

Zweiter Teil

Zickzackreisen in Asien

9. Zickzackreisen in Asien

An dieser Stelle möchte ich einige Jahre zurückgreifen. Im November 1964 kehrte ich von meiner zweiten Japanreise nach Saigon zurück, und wohnte dort mehrere Monate in einem vietnamesischen Zentempel. Meine buddhistischen Freunde bauten während dieser Zeit eine kleine Einsiedelei aus Holz für mich, und zwar an der Hauptstrasse, welche von Saigon nach Biên Hòa führte. Meine Einsiedelei befand sich etwa hundert Meter von der Phan Thanh Gian Brücke am Armenviertel, welches sich den Saigonfluss entlang zog. Es war ursprünglich nicht gerade das ärmste Viertel, viele Beamte wohnten hier in richtigen Steinhäusern, aber tausende Flüchtlinge aus dem Kriegsgebieten siedelten sich hier illegal an. Meine Einsiedelei, nicht viel größer als ein großes Wohnzimmer, hatte dennoch drei Räume; der größte war für den Buddhaschrein bestimmt, rechts davon lag meine Klausur, mit Militärbett, Tisch, Stuhl und Bücherregalen. Hier lebte ich bis April 1967. Wegen ständiger Belästigungen durch Nichtbuddhisten, welche sogar Steine gegen die Einsiedelei warfen und auch Schweine gleich nebenan schlachteten, fand ich die Lage für unhaltbar und gab diesen Platz auf, um in Japan als Professor tätig zu sein, wie ich schon früher erwähnte.

Nach meiner neuen Rückkehr nach Vietnam, wohnte ich aber zuerst noch eine Woche bei meinem Freund Nguyễn Văn Xinh in einer Seitenstraße der Pham Ngu Laostraße. Mein Freund hatte den Rang eines Hauptmanns des Zolls; seine Frau war halb Vietnamesin, halb Chinesin und recht hübsch - für ihr Alter. Sie hatten nur zwei Töchter, aber keinen Sohn. Beide Mädchen waren sehr intelligent und besuchten französische Schulen. Sie sprachen deshalb fließend Französisch, später auch Englisch. Die Familie befindet sich heute irgendwo in Frankreich oder in Amerika, ich weiß es nicht, denn bisherige Nachforschungen

verließen vergebens.

Im Juni 1965 war meine Einsiedelei fertig und ich konnte einziehen. Vorerst war sie ungestrichen und hatte noch keine Buddha-statue. Ich bekam recht viel Besuch, sogar von der deutschen Botschaft, Presse und von deutschen und in Frankreich stationierten Fernsehern. Herr Scholl-Latour machte von mir eine kurze Reportage. Ob sie in Deutschland oder Frankreich gezeigt wurde, weiß ich nicht zu sagen.

Ein Redakteur, ehemaliger Gouverneur von Tonkin in französischer Zeit, nahm bei mir während mehrerer Monate ein oder zwei Mal wöchentlich Deutschunterricht und sprach es nachher ziemlich fließend. Studentinnen von der Gia Long Schule und anderen Schulen besuchten mich fleißig, um Englisch zu lernen, oder besser gesagt ihre Kenntnisse zu verbessern. Einigen half ich so gut, daß sie die besten Noten beim Examen und Abitur erzielten. Leider hatte meine Einsiedelei, welche ich Arya Maitreya Vihara nannte, viele Ratten und Mäuse. Als Priester und Mönch stellte ich natürlich keine Fallen auf und streute auch kein Gift, sondern ließ den Tierchen volle Bewegungsfreiheit. Die Mäuse wurden bald so zahm, daß sie in den Räumen und vor mir herum spazierten - wenn ich ruhig sitzen blieb. Ich fütterte die Armen, dies machte sie noch anhänglicher. Ein paar wagten es sogar am Tischbein hochzuklettern und zwei Füßchen auf die Tischplatte zu legen und mit zitternder Nase herum zuschnuppern. Ich legte Brotreste am Ende des Tisches und im Nu waren sie verschwunden. Die Mäuse nahmen überhand, was tun? Ich konnte keine Gewalt anwenden, dieser Gedanke kam mir auch gar nicht. Das Problem löste sich von selbst; eines Tages "vermißte" ich meine Mäuschen und ging sie tatsächlich suchen. Als ich zum Küchenschrank kam und unter diesem schaute, was sah ich das? Keine Mäuse, sondern vier kleine, pechschwarze Kätzchen und die ebenso schwarze Mutter, welche sofort freundlich an zu schmurren ging als ich sie streichelte. Das Tier hatte gar keine Angst, sondern fühlte sich wohl auf dem nackten Zementboden. Schnell ging ich und holte meine aus Filzstoff bestehende Sitzunterlage vom Stuhl und legte die Kätzchen, welche noch sehr unbehilflich auf den Beinchen waren, auf

diese Unterlage. Die Mutter verstand und schmurrte noch hörbarer Keine Maus oder Ratte ließ sich seitdem mehr sehen. Problem gelöst, und zwar ohne Gewaltanwendung meinerseits.

Eine Woche oder acht Tage später hatte ich das Vergnügen, lustige Kätzchen in meiner Einsiedelei herumspringen zu sehen. Die Mutter kam durch eine Öffnung im kleinen Baderaum in das Innere der Einsiedelei, aber immer mußte sie fast einen Meter weit springen, um das Ufer zu erreichen, denn meine Einsiedelei stand im Wasser, in einem schmutzigen Seitenarm des Saigon Flußes.

Ich erlebte einige Revolten gegen Regierungen, welche durch buddhistischen Widerstand gestürzt wurden. Einmal versuchten militante Katholiken, bewaffnet mit Schlagstöcken usw. per Lastkraftwagen in Saigon einzudringen, um Gegendemonstrationen zu arrangieren. Militärflugzeuge kreisten über den Wagenkolonnen, und plötzlich wurde der Versuch, über die Phan Thanh Gian Brücke zu fahren, angeblasen. Man machte kehrt und verschwand in Richtung Biên Hoà.

Ein mir bekannter Vietnamease Nguyễn Van Van, Mitglied der Gruppe von ehrenwerten Bürgern, welche als Ratgeber der Regierung dienten, wurde meuchlings von einem Vietcong ermordet. Der Vietcong erschoss meinen Bekannten von einem Motorrad aus (er saß auf dem Sozius). Das Motorrad folgte dem Auto des Ratgebers, und mit gezieltem Schuß ins Genick starb er sofort. Der Mörder fiel bei der Hast davon zu kommen, vom Motorrad und wurde sofort von der Polizei überwältigt und abgeführt, sein Komplize entkam. Ein paar Wochen später wurde der Mörder, noch ein junger Mann, öffentlich vor Sandsäcken am Marktplatz erschossen. Schon mancher Verbrecher starb an den Pfählen vor den Sandsäcken. Besonders der deinerzeit berühmte Vize-präsident und Vize-admiral (der vietnamesischen Luftwaffe) Nguyễn Cao Kỳ hat viele Verbrecher oder sogenannte Verbrecher erschießen lassen. Als er vorher Ministerpräsident wurde, ließ er nur ein paar Tage später fünf im Gefängnis sitzende Gewalttäter erschießen, damit sie als abschreckende Beispiele dienen sollten. Auch ein chinesis-

cher Millionär aus der Chinesenstadt Cholon wurde öffentlich erschossen - wegen Korruption, wie es hieß. Man hätte allerdings die ganze Regierungsamt Vizepräsident und Präsident wegen Korruption erschießen müssen, denn alle waren korrupt und konnten scheinbar nur auf diese Weise existieren.

Im April 1967 fuhr ich erneut nach Japan und hatte keine Absicht, nach Saigon zurückzukehren, deshalb gab ich meine Einsiedelei auf, sie war wegen der feindlichen Nachbarn sowieso ein unhaltbarer Platz geworden. Wiederum nahm ich ein französisches Schiff bis Kobe, diesmal fuhr ich mit der VIETNAM, welche wie die CAMBODGE und LAOS zur Messageries Maritimes gehörte. Diese Schiffe waren noch am billigsten.

Ich blieb, wie ich schon früher erwähnte, ein Jahr lang, bis Frühjahr 1968, in Japan und fuhr dann nach Singapur, wo ich bis April 1969 im chinesischen Tempel weilte.

Zurück nach Saigon und zwar auf eindringliche Einladungen dorthin und mit dem Versprechen, wieder einen neuen und vor allen größeren Tempel für mich in Vung - Tàu zu bauen. Ich flog diesmal, mit einer Air Vietnam Maschinerie, nach Saigon und wohnte bis Juni bei dortigen Freunden. Als mein Vihàra Mitte Juni 1969 fertig war, zog ich nach Vung Tàu, welches in französischer Zeit Cap St. Jacques genannt war. Eine gute Straße führt bis zur Kreuzung Vung Tàu Biên Hòa, dann bog man nach rechts ab und schon bald wurde die Straße schlechter und die Schlaglöcher häufiger, besonders weil die Vietcongs nachts oft die Straßen an mehreren Stellen sprengten. Auf der Fahrt sah ich zerbombte Häuser und Brücken und einen niedergebrannten Mangroven- und Palmenwald, nur die verkohlten oder wie Knochen gebleichten Baumstümpfe und Äste ragten aus dem Sumpfwasser, dies war der Walt der Mörder, in vietnamesisch RUNG SAT; die Amerikaner waren es, welche diesen Wald zerbombten und mit Napalm niederbrannten. Trotz des Krieges sah man hier und dort noch einige Gummibaumplantagen, welche noch nicht vernichtet waren. Das sumpfige Wasser ist das Bett des Soi-Rapfflußes, welcher oft mehr als ein Kilometer breit wird. In diesem flachen Fluß sollen die Vietcongs

hausen, kein Amerikaner oder Vietnameser der Regierungsarmee wagt sich in das unheimlich aussehende Gelände von Baumkeletten.

Alle paar Kilometer sah man Militärpatrouillen und oft auch Checkpoints der Amerikaner und Vietnamesen. Die Kontrolle war strenger von der entgegengesetzten Richtung, welche nach Saigon führte. Busspassagiere mußten Aussteigen und sich beim Posten melden. Gepäck wurde oft nach Waffen und Propagandamaterial durchsucht. Europäer und Amerikaner ließ man in Ruhe, man fragte sogar nicht ihren Papieren. Links der Straße sahen wir eine große Statue der An Quang, die Quan Yin der Chinesen. Sie wird als Göttin des Mitleids betrachtet, ist aber in Wirklichkeit nur eine Personifizierung des Mitleids des Buddha. Die Idee stammt aus Indien. Im siebten Jahrhundert tauchte die Gestalt des Bodhisattvas Avalokiteswaras auf, sein Name bedeutet der Herr, welcher von oben herab schaut (und das Elend der Welt sieht). In China wurde dieser männliche Bodhisattva (Bodhi=Weisheit und sattva=Wesen) - das heißt ein zukünftiger Buddha - ein himmlisches Wesen nach der Art der christlichen Engel, welche ja auch weder männlich noch weiblich sind - sondern neutral. Dennoch entstand in China bald die Legende, daß die Kuan Yin einst eine chinesische Prinzessin gewesen sei, welche sich weigerte, einen Prinzen zu heiraten, den ihr königlicher Vater für sie ausgewählt hatte. Erzürnt über diese Weigerung ließ der brutale König seine Tochter in eine Höhle einmauern, wo sie dann auch nach einiger Zeit starb. Die Landbevölkerung und andere Buddhisten pilgerten zu dieser Höhle und beteten zur Kuan Yin in allen ihren Anliegen und es wird behauptet, daß viele Gebete erhört wurden und heute noch erhört werden.

Dies erinnert mich an folgende Geschichte In der Zeit um 1954, als die Franzosen gegen die Vietminh, die Vorläufer der Vietcongs, kämpften, nahm ein französischer Offizier, seine Zuflucht zur Göttin des Mitleids und zwar dann, als er von einem Berg in den Abgrund gefallen war, aber am Gürtel seiner Uniform an einem Ast an der Felswand hängen blieb. In seiner Not betete er zu der buddhistischen Schutzgöttin

und siehe da, eine seildicke Liane fiel von oben herab, sie war so stark, daß der verzweifelte Franzose daran emporklettern konnte. Zuvor hatte der Verunglückte Schwur und Versprechen getan, daß er der Göttin einen Tempel an dieser Stelle bauen würde, als einiges Zeichen seiner Dankbarkeit - wenn sie ihn retten würde. Er hielt sein Versprechen und ließ recht bald danach einen Tempel in diesem Dschungelgebiet bauen. Viele meiner Freunde behaupteten, daß dieser Tempel noch existiert irgendwo in Annam, also im Zentralen Vietnam. Leider bin ich selbst nie dort gewesen ich weiß aber, daß diese Geschichte in der Hauptsache wahr ist, ob ein Wunder geschah oder nicht, bleibt sich gleich, sein Glaube hatte ihm geholfen. Übrigens habe ich in Vietnam solche dicke Lianen gesehen, sie wachsen überall in den Wäldern und werden hundert und mehr Meter lang.

Wir fuhren an einigen kleinen Pagoden vorbei, alle im chinesischen Stil gebaut d.h. mit geschwungenen Dächern und vielen Verzierungen, und chinesischen Schriftzeichen Kinder und Frauen kamen an den Halteplätzen an und in den Bus, um Früchte und Süßigkeiten u.a. Stücke von Zuckerrohr zu verkaufen. Trotz des Krieges gab es noch genug zu essen d.h. - wenn man das Geld dazu hatte. Großes Elend wie ich es in Indien gesehen hatte, gab es hier in Südvietnam nicht. Viele der 300.000 Flüchtlinge waren zu Bettlern geworden, das stimmt, andere waren zum großen Teil s.g. professionelle Bettler oder Freiheitbettler solche gibt es auch in Europa. Die großen internationalen Hilfsaktionen und Geldspenden wurden weitgehend veruntreut und nur ein relativ kleiner Teil erreichte jemals die Flüchtlinge.

Links und rechts sahen wir Hügel und manchmal Felsen emporragen, sie stiegen oben merkbare Erhebung direkt aus dem Flachland in die Höhe. In diesen Bergen und Schluchten wütete der Guerillakrieg oder hatte gewütet, denn hier war die Vietcong schon lange Herr. In der Ferne tauchten bald die am südchinesischen Meer gelegenen Berge auf, sie schimmerten bläulich in der Sonnenglut. Wir fuhren weniger als drei Stunden von Saigon nach Vung Tàu und kamen nur durch zwei etwas größere Orte, eine hieß Baria der andere Long Tanh, beide oft unkämpfte Orte. (Fortsetzung folgt)

Die illustrierte Geschichte Buddhas

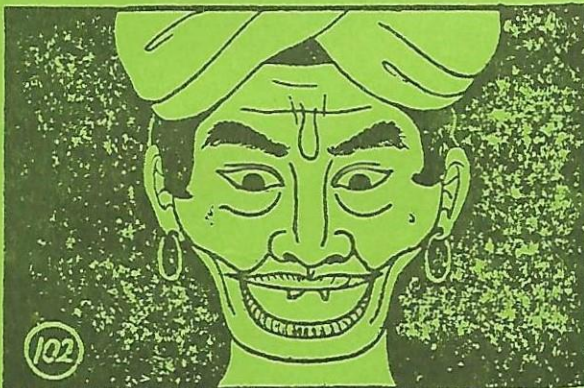
Text von Hoàng Vân - Deutsche Übersetzung von Nguyễn Ngọc Tuấn

(Fortsetzung)



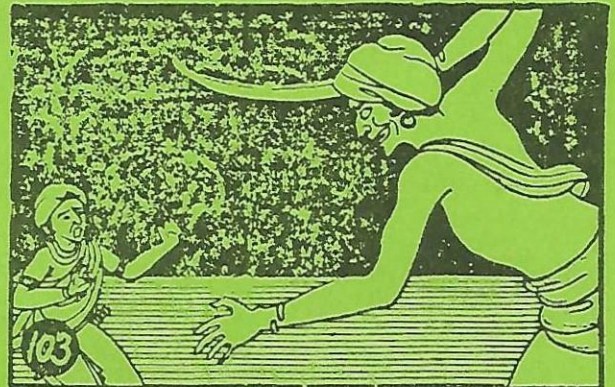
Nach dem Fehlschlag stieg Kaludaji Zweifel auf. Einmal wollte er zu seiner Mutter nach Hause, verlor dann den Mut, es zu tun. Was sollte er sagen, wenn sie von seinem Untat erfahren hatte und ihn danach fragte ?.

Er suchte eine Bleibe um sich aufzu-ruhen und sah den Eingang einer Höhle. Die Höhle scheinte ihm so unheimlich, daß er keine weitere Schritte machen konnte.



Während er ratlos da stand, streckte ein Ungeheuer seinen Kopf heraus aus der Höhle und rief: " Eh! Warte! ".

"Oh Gott! meine Stunde muß gekommen sein, wie kann ich ihm los ? " dachte Kaludaji.

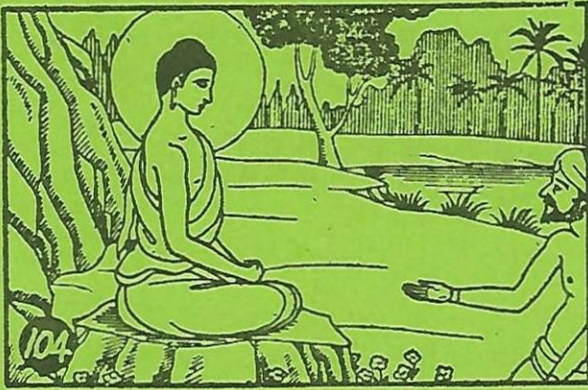


Das Ungeheuer, zweimal so groß wie ein normaler Mensch, rannte heraus, zeigte in einer Hand ein Sabel, dessen Schneide voll von Blut geschmiert war, und sagte: "Welch ein Glück! 99 Personen waren mein Opfer, jetzt bist du dran. Noch ein Menschenleben und habe ich mein Werk vollendet".

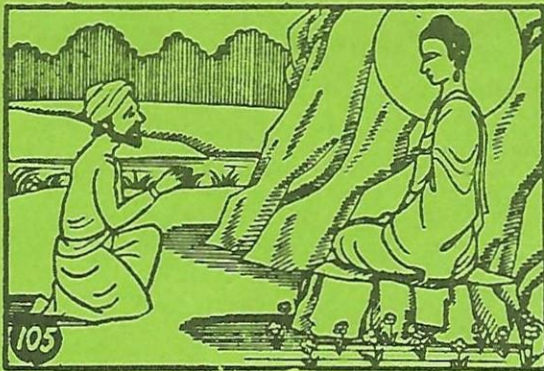
-Welches Lebenswandel führst du, daß du Menschen töten muß? fragte Kaludaji.

-Ein Gott sagte mir im Traum, ich soll einhundert Menschen umbringen, um eintausend Jahre länger leben zu können. Du kommst zur richtigen Zeit, damit mein Wunsch erfüllt wird.

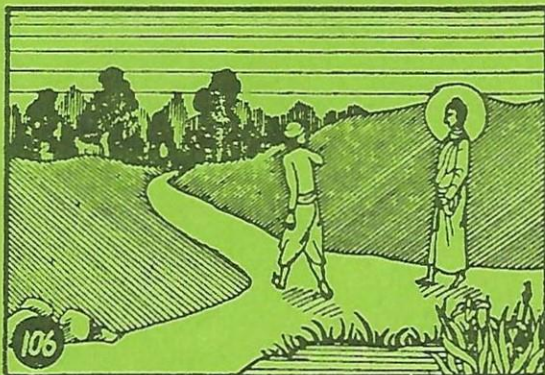
- Mein Tod, sagte Kaludaji, scheint deinem Gott unwürdig zu sein. Lasse mich leben, ich werde dir morgen jemanden zeigen, dessen Tod deinen Gott sicherlich erfreuen wird. Es ist ein Asket im nächsten Wald. Sein Name ist Sakya Muni.



Und er kam am Ort des Sakya Muni wie Kondanna erwartet hatte.



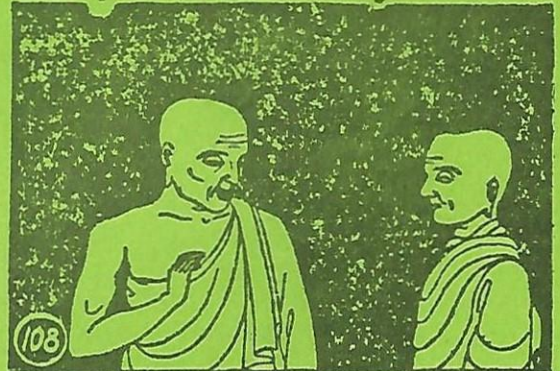
Er verkleidet sich als ein Armer, kam vor dem Buddha und sagte: "Meine achtzigjährige Mutter ist sehr krank und braucht Ihre Hilfe". Buddha wußte, wie es in Wirklichkeit war, trotzdem nahm er die Einladung an und versprach ihm, morgen seine Mutter zu besuchen.



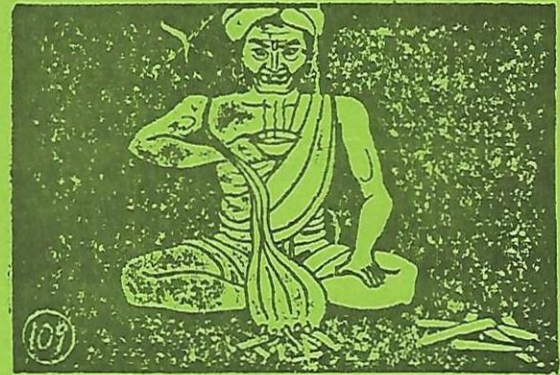
Kondanna ahnte, daß der Mann böse Absicht hatte. Er warnte Buddha vor der Gefahr, aber dieser lächelte und sagte, er habe bereits versprochen.



Als die Sonne unter dem Horizonte verschwand, führte der Arme seinen Gast in den dunklen Wald. Unterwegs träumte er davon, wenn er bei Devadatta den Tod des Buddha meldete, werde dieser ihn zu einem reichen und mächtigen Mann.



Unauffällig verfolgte ihnen Kondanna. Es war so dunkel im Wald, daß es für ihn eine große Anstrengung war, den Spuren der beiden nachzugehen. Von Zeit zu Zeit schrie er auf: "Oh Herr! Oh Herr!". Seine Worte gingen verloren im Sausen des Windes in den Bäumen.

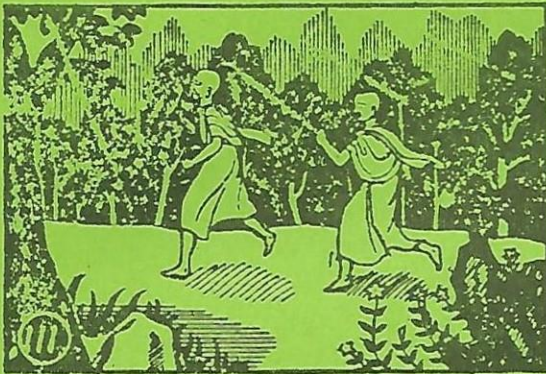


Das Ungeheuer saß vor dem Faßwein. Er freute sich mit dem Gedanken, heute den hundertsten Menschen töten zu können. Manchmal hörte er Männer Schritte von draußen.

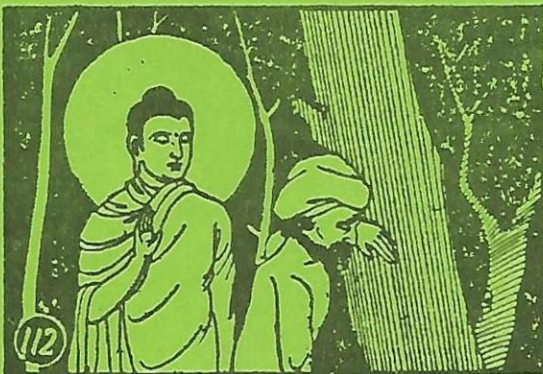


"Eh der da! Bis du Sakya muni, der Buddha?" rief das Ungeheuer.

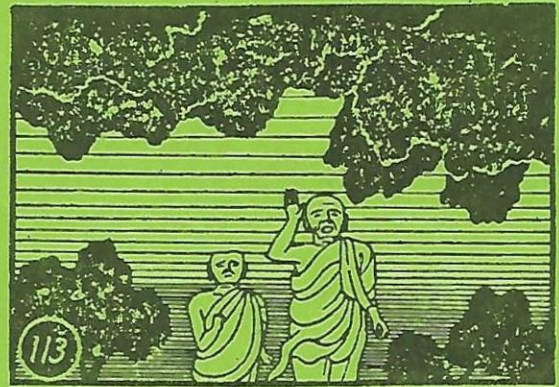
Seine Stimme erschrak Kondanna sehr. Um so mehr machte dieser Sorge um Buddha, der sich in großer Gefahr be gab.



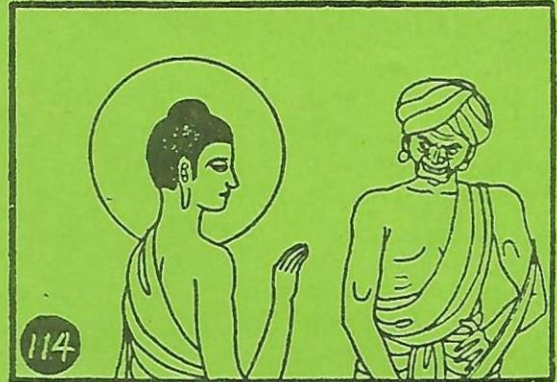
Kondanna wußte nicht, was er machen kann um den Erhabenen daraus zu holen und wie sie heil davon kommen.



Der Mann, der Buddha begleitete, wollte nicht weiter gehen. Der Erhabene fragte nach dem Grunde und sagte: "Lassen wir deine Mutter nicht länger warten, wenn du sie Lieb hast. Warum machst du so ein trauriges Gesicht? Lass uns weiter gehen".



Kondanna holte die beiden ein und bat Buddha, sich nicht mit dem Mann weiter zu unterhalten.



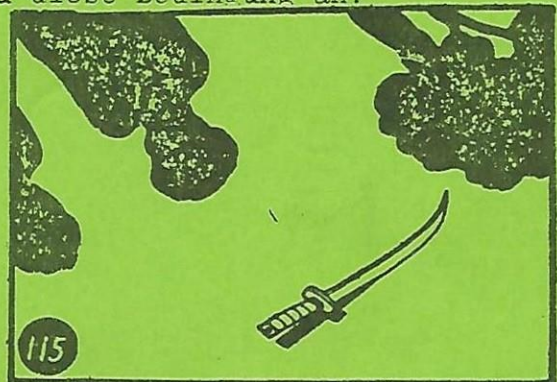
Mit seiner übernatürlichen Kraft kam Buddha schnell dem Ungeheuer heran. Er fragte:

"Willst du wirklich mich töten?"

"Ich will es", antwortete das Ungeheuer

Daraufhin sagte Buddha:

"Ich bin bereit dir das Leben zu schenken, aber nur wenn du von heute an kein einziges Lebewesen tötest. Nimmst du diese Bedingung an?"



Ein Mann sprang aus der Dunkelheit heraus und wollte anstelle des Buddha in den Tod gehen. Aber der Erhabene lehnte dankend ab und sagte weiter:

"Du könntest vielleicht noch tausend Jahre länger leben, wenn du der Anweisung deines Gottes folgst, aber du solltest auch wissen, daß auf dieser Welt niemand Rache durch Rache vergelten kann, sondern durch Barmherzigkeit".

DAS WUNDER, WACH ZU SEIN

EIN MEDITATIONSHANDBUCH
VON
VEN. THICH NHAT HANH

aus dem Vietnamesischen ins Englische übersetzt
von Moli Quynh Hoa, aus dem Englischen ins Deut-
sche übertragen von Hermann Schiewe

Englische Ausgabe: The Miracle of Being Awake -
A Manual on Meditation for the Use of Young Acti-
vists. Buddhist Publication Society, Kandy (Sri
Lanka) 1976. The Wheel Publication Nos. 234 - 236.

GESCHIRR ABWASCHEN, UM GESCHIRR ABZUWASCHEN

In den USA habe ich einen guten Freund, der Jim Forest heißt. Im letzten Winter besuchte mich Jim. Gewöhnlich wasche ich das Geschirr ab, wenn wir das Abendessen beendet haben, und zwar bevor wir uns hinsetzen, um mit allen anderen zusammen Tee zu trinken. Eines Abends fragte mich Jim, ob er das Geschirr abwaschen dürfe. Ich sagte: "Tu das! Doch wenn du das Geschirr abwäschst, mußt du die Art und Weise kennen, wie man es tut." Jim erwiderte: "Aber Thay, du glaubst, ich weiß nicht, wie man Geschirr abwäscht?" Ich antwortete: "Es gibt zwei Methoden, das Geschirr abzuwaschen. Die erste ist die, daß man Geschirr abwäscht, um sauberes Geschirr zu haben, die zweite ist die, daß man Geschirr abwäscht, um Geschirr abzuwaschen." Jim war begeistert und sagte: "Ich wähle die zweite Methode - ich wasche Geschirr ab, um Geschirr abzuwaschen." Von da an verstand es Jim, Geschirr abzuwaschen. Ich übertrug ihm die 'Verantwortung' dafür eine ganze Woche lang. Hinterher machte er viel Aufhebens vom Geschirrabwaschen, um das Geschirr abzuwaschen, und er veröffentlichte diesen Ausspruch in verschiedenen Zeitschriften. Selbst zu Hause zitierte er ihn im Laufe des Tages so oft, daß Laura lachte und zu ihm sagte: "Wenn du wirklich gern Geschirr abwäschst, um das Geschirr abzuwaschen - dort ist ein Küchenschrank voll reinen Geschirrs. Warum gehst du nicht hin und wäschst es ab?"

Vor dreißig Jahren, als ich noch ein Novize in der Tu-Hieu-Pagode war, war das Abwaschen des Geschirrs kaum eine angenehme Aufgabe. Während der Jahreszeit der Zurückgezogenheit, wenn alle Mönche zum Kloster zurückgekehrt waren, mußten zwei Novizen für gut über 100 Mönche kochen und das Geschirr abwaschen. Es gab keine Seife. Wir hatten nur Asche, Reisschalen und Kokosnußschalen, das war alles. Einen so großen Stapel Schüsseln zu reinigen, besonders im Winter, bei eiskaltem Wasser, war eine schwere Aufgabe. Dann mußte man einen großen Kessel mit Wasser anheizen, bevor man mit dem Scheuern beginnen konnte. Heute steht man in der Küche, die mit flüssigem Spülmittel, besonderen Bürsten und sogar mit fließendem heißen Wasser ausgestattet ist, was alles viel angenehmer macht. Es ist heute leichter, am Abwaschen des Geschirrs Gefallen zu finden. Jeder kann es schnell abwaschen, sich dann hinsetzen und eine Tasse Tee genießen. Ich kenne sogar viele Frauen, die ihre Männer gebeten haben, ihnen Geschirrspülmaschinen zu kaufen. Quang, ich akzeptiere eine Maschine zur Kleiderwäsche, obgleich ich meine eigenen Sachen mit der Hand auswasche, aber eine Geschirrspülmaschine geht doch ein bißchen zu weit! Ich bin davon überzeugt, daß die Frauen, wenn sie wieder zu Hause sind, ihr Unbehagen ausdrücken würden: "Du meine Güte! Wie kann nur jemand auf der Erde so faul sein!"

Gemäß dem Sutra über die Achtsamkeit sollte man, während man das Geschirr abwäscht, nur das Geschirr abwaschen. Das bedeutet, daß man, während man das Geschirr abwäscht, sich vollkommen der Tatsache bewußt ist, daß man gerade Geschirr abwäscht. Auf den ersten Blick mag das ein bißchen albern erscheinen: Warum soviel Nachdruck auf eine so einfache Sache legen? Aber das ist genau der Punkt, Quang. Die Tatsache, daß ich dort stehe und diese Schüsseln abwasche, ist eine wunderbare Wirklichkeit. Ich bin

völlig ich selbst, auf meinen Atem achtend, mir meiner Gegenwart bewußt und bewußt auch meiner Gedanken und Handlungen. Es gibt keine Möglichkeit, daß ich unachtsam hin- und hergeschleudert werde, etwa wie eine Flasche, die auf den Wogen hierhin und dorthin gestoßen wird. Mein Bewußtsein kann nicht zerrieben, etwa so wie der Schaum auf den Wellenkämmen, wenn die Wogen gegen die Kliffs branden.

Wenn wir beim Geschirrabwaschen nur an die Tasse Tee denken, die auf uns wartet, oder an irgend etwas anderes, das in der Zukunft liegt, und wenn wir uns deshalb beeilen, um das Geschirr aus dem Weg zu räumen, dann 'waschen wir nicht das Geschirr ab, um das Geschirr abzuwaschen', und was noch mehr ist: Wir sind während des Geschirrabwaschens nicht lebendig. Tatsächlich sind wir völlig unfähig, das Wunder des Lebens zu erfassen, während wir an der Spüle stehen. Wenn wir das Geschirr nicht richtig abwaschen können, dann besteht die Gefahr, daß wir auch unseren Tee nicht richtig trinken können. Während wir die Tasse Tee trinken, werden wir nur an andere Dinge denken und uns der Tasse Tee in unseren Händen kaum bewußt sein. So werden wir in die Zukunft fortgezogen, und das bedeutet in Wirklichkeit: Wir sind unfähig, selbst eine Minute unseres Lebens zu leben.

ZEIT FINDEN, UM DIE ACHTSAMKEIT ZU ÜBEN

Vor mehr als dreißig Jahren, als ich das Kloster zum erstenmal betrat, gaben mir die Mönche ein kleines Buch mit dem Titel: "Die grundlegende Schulung im Alltag", das der buddhistische Mönch Döc Thë von der Bao-Son-Pagode verfaßt hatte, und sie wiesen mich an, es auswendig zu lernen. Es war ein dünnes Buch und wird nicht mehr als vierzig Seiten stark gewesen sein, aber es enthielt alle Gedanken, die Döc Thë in seinem Geist zu erwecken pflegte, wenn er irgendeine Aufgabe erledigte. Wenn er zum Beispiel am Morgen erwachte, war sein erster Gedanke: "Gerade erwacht, hoffe ich, daß jeder Mensch zu großer Bewußtheit gelangt und klar in alle zehn Richtungen blickt." Wenn er seine Hände wusch, pflegte er, um sich in den Zustand der Achtsamkeit zu versetzen, den Gedanken zu wecken: "Während ich meine Hände wasche, hoffe ich, daß jeder Mensch reine Hände hat, um die Wirklichkeit zu empfangen." Das Buch enthält nur Sätze dieser Art. Ihr Ziel war es, dem Anfänger zu helfen, das Bewußtsein unter Kontrolle zu bekommen. Der Zen-Meister Döc Thë half uns jungen Novizen auf eine verhältnismäßig einfache Weise, die Übungen anzuwenden, die im Sutra über die Achtsamkeit gelehrt werden. Immer, wenn man sein Gewand anzog, Geschirr abwusch, zum Badezimmer ging, die Matte zusammenlegte, Wassereimer trug. Zähne putzte usw., konnte man einen der Gedanken aus diesem Buch benutzen, um das eigene Bewußtsein unter Kontrolle zu bekommen.

Im Sutra über die Achtsamkeit heißt es: "Wenn er geht, muß der Übende sich bewußt sein, daß er geht; wenn er sitzt, muß der Übende sich bewußt sein, daß er sitzt; wenn er liegt ... Es ist unwichtig, in welcher Stellung sich der Körper des Übenden befindet, er muß sich dieser Stellung bewußt sein. Indem er sich so verhält, lebt der Übende in unmittelbarer und

ständiger auf den Körper gerichteten Achtsamkeit ..." Die auf die Körperstellung gerichtete Achtsamkeit reicht jedoch nicht aus. Das Sutra über die Achtsamkeit weist darauf hin, daß wir uns jedes Atemzuges, jeder Körperbewegung, jedes Gedankens, jedes Gefühls, kurz: all dessen bewußt sein müssen, was irgendeine Beziehung zu uns hat.

Aber was ist der Zweck der im Sutra enthaltenen Lehre? Wo finden wir Zeit, um eine solche Achtsamkeit zu verwirklichen? Wenn ein Sozialarbeiter den ganzen Tag auf die Übung der Achtsamkeit verwendet, wie wird er da noch genügend Zeit haben, all die Arbeit zu verrichten, die getan werden muß, um die Gesellschaft zu verändern und um eine alternative Gesellschaft aufzubauen? Wie bringt es Steve fertig, zu arbeiten, Tonys Aufgaben zu überprüfen, Zoes Handtücher zur Wäscherei zu bringen und gleichzeitig Achtsamkeit zu verwirklichen?

DAS WUNDER BESTEHT DARIN, AUF DER ERDE ZU GEHEN

Steve sagte, er habe 'unbegrenzte Zeit', seit er begonnen habe, Tonys und Anns Zeit als seine eigene Zeit anzusehen. Aber vielleicht hat er sie nur im Prinzip, denn es gibt zweifellos Zeiten, in denen er vergißt, Tonys Zeit als seine eigene Zeit anzusehen, während er mit Tony dessen Hausaufgaben durchgeht, und deshalb kann Steve diese Zeit verlorengelassen. Steve könnte hoffen, daß die Zeit schnell vorübergeht, oder er kann ungeduldig werden, weil ihm diese Zeit als nutzlos vertan erscheint, da sie nicht seine eigene Zeit ist. Und wenn er deshalb wirklich 'unbegrenzte Zeit' zu haben wünscht (was mehr bedeutet, als es nur im Prinzip ist), so muß er während der ganzen Zeit, in der er mit Tony übt, den Gedanken lebendig erhalten: 'Dies ist meine Zeit'. Aber während solcher Zeiträume wird unser Geist unvermeidlich durch andere Gedanken abgelenkt, und wenn deshalb jemand wirklich sein Bewußtsein lebendig erhalten will (von jetzt an werde ich den Begriff 'Achtsamkeit' benutzen, wenn ich das Lebendighalten des Bewußtseins in der gegenwärtigen Wirklichkeit ausdrücken will), so muß er dies gerade jetzt im Alltagsleben genauso verwirklichen wie während der Meditationssitzungen.

Wenn jemand einen roten, schmutzigen Pfad entlanggeht, der in ein Dorf führt, kann er die Achtsamkeit verwirklichen. Während er auf dem schmutzigen Pfad entlanggeht, der von Fleckchen grünen Grases eingefast ist, wird er, wenn er die Achtsamkeit übt, wissen, daß er auf dem Pfad entlanggeht, der ins Dorf führt. Er übt, indem er sich diesen einen Gedanken vergegenwärtigt: "Ich gehe auf dem Pfad, der ins Dorf führt." Ob es sonnig ist oder regnerisch, ob der Pfad trocken ist oder naß: An diesem Gedanken hält er fest. Aber er wiederholt ihn nicht immer wieder wie eine Maschine. Maschinendenken steht im Gegensatz zur Achtsamkeit. Es gibt einige Menschen, die den Namen Buddhas wie eine Maschine rezitieren, während sich ihr Geist in der Zwischenzeit in tausend verschiedene Richtungen zerstreut. Ich bin der Auffassung, daß es schlechter ist, Buddhas Namen auf diese Weise zu rezitieren, als ihn überhaupt nicht zu rezitieren. Wenn wir uns wirklich der Achtsamkeit widmen, während wir auf dem Pfad zum Dorf gehen, werden wir die Ausführung jedes Schrittes als ein unendliches

Wunder ansehen, und eine Freude wird sich in unserem Herzen auf-tun, als öffnete sich eine Blume, und sie wird es uns ermöglichen, die Welt der Wirklichkeit zu betreten. Ich spaziere gern allein auf ländlichen Pfaden, Reispflanzen und wildes Gras an beiden Seiten, wobei ich jeden Fuß mit Achtsamkeit auf den Erdboden setze und dabei weiß, daß ich auf dieser wunderbaren Erde gehe. In solchen Augenblicken ist die Existenz eine vom Wunder erfüllte, geheimnisvolle Wirklichkeit. Ich glaube jedoch nicht, daß das wirkliche Wunder darin besteht, auf dem Wasser zu gehen oder in dünner Luft zu schweben, sondern darin, auf der Erde zu gehen. Jeden Tag sind wir in ein Wunder einbezogen, das wir nicht einmal wahrnehmen. Quang, denk einfach an einen blauen Himmel, weiße Wolken, grüne Blätter und die schwarzen neugierigen Augen Deiner kleinen Tochter Hai Triêu Âm. Deine Augen, Quang, sind genauso ein Wunder, wie dieser Himmel, diese Wolken, diese Blätter und ihre jungen Augen es sind.

Der Zen-Meister Döc Thë sagt, daß man während der Meditation aufrecht sitzen und den Gedanken wecken sollte: "Das Sitzen hier gleicht dem Sitzen auf dem Bodhi-Platz." Der Bodhi-Platz ist der Fleck, wo der Buddha saß, als er zur Erwachung gelangte. Wenn irgendein Mensch ein Buddha geworden ist, und die Buddhas sind ohne Zahl, dann bedeutet dies, daß Menschen, die erwacht sind, auf genau diesem Platz gesessen haben, auf dem jetzt ich sitze. Auf dem gleichen Platz wie der Buddha zu sitzen, läßt Glück entstehen, und in Achtsamkeit zu sitzen bedeutet, ein potentieller Buddha zu werden. Der Dichter Nguyën Cöng Tru machte die gleiche Erfahrung, als er sich an einem bestimmten Platz niedersetzte und plötzlich sah, wie sich zahllose Zeitalter vorher andere auf demselben Platz niedergesetzt hatten und daß sich andere in kommenden Zeitaltern dort niedersetzen würden:

Zum selben Platz, auf dem ich heute sitze,
Kamen andere in vergangenen Zeitaltern, zu sitzen
Eintausend Jahre. Wieder andere werden noch kommen.
Wer ist der Sänger, wer der Hörer?

Der Platz und die Minuten, die er dort verbrachte, wurden zu einer Verbindung mit der ewigen Wirklichkeit.

Aber unsere Sozialarbeiter haben keine Zeit, die sie müßig damit zubringen könnten, auf Pfaden mit grünem Gras spazierenzugehen und sich unter Bäume zu setzen. Ein Sozialarbeiter muß Projekte vorbereiten, muß mit Dorfbewohnern sprechen, er muß versuchen, eine Million Schwierigkeiten zu überwinden, die sich einstellen; er muß auf Feldern arbeiten und sich mit allen möglichen Nöten befassen. Und bei all dem muß er seine Aufmerksamkeit auf die Arbeit gerichtet halten, er muß aufgeweckt und in der Lage sein, die Situation geschickt und intelligent zu meistern. Du könntest wohl fragen: "Aber wie können wir Sozialarbeiter dann die Achtsamkeit üben?" Meine Antwort lautet: "Die Aufmerksamkeit auf die Arbeit gerichtet zu halten, geschickt und bereit zu sein, jede sich ergebende Situation zu meistern - dies selbst ist Achtsamkeit." Es gibt keinen Grund dafür, daß die Achtsamkeit von der völligen Konzentration auf seine Arbeit, von der Geschicklichkeit und vom Gebrauch des größten Scharfsinns verschieden sein sollte. In dem Augenblick, in dem man etwas, was auch immer es sei, be-

Lesen Sie bitte auf Seite 50

Bereichern unseren buddhistischen Wortschatz

In Sanskrit, Vietnamesisch, Deutsch

Verantwortlich: Ngô Ngọc Diệp

Dharma Name : Thị Chơn

Abhassarā	: Cảnh giới Quang Âm Thiên Die Welt der 2. Meditation- stufe im feinkörperlichen Bereich. Wörtlich: strahlendes Licht		
Abhāva-Pramāna	: Phi lượng, phi lượng là tỏ hiện lượng và tỏ tỷ lượng (tỏ là có vẻ giống cái đó, nhưng thật ra không phải là cái đó) Phi lượng là hình thái nhận thức của Mặt Na Thức. Die Form des Erkenntnisses von Manas.		phần của nhận thức. Thuyết này do Ngài Hộ Pháp thuyết Một luận gia Duy Thức nổi tiếng tại Ấn Độ. Teil, die Lehre über 3 Erkenntnistheilen des Bewuß- tseins von Dharmapāla.
Abhidharma samuccaya	: Tạng A Tỳ Đạt Ma Luận. Kompendium des Wissens.	Bhikṣu	: Tỳ Kheo Bezeichnung der buddhis- tischen Mönche. wörtlich: Bettler.
Abhidharma	: Đại pháp, vô tỷ pháp, đối pháp dogmatische Abhandlungen des Wissens.	Bhikṣuni	: Tỳ kheo ni Buddhistische Nonne
Abhisamkāra	: Hành nghiệp hay tác hành (một trong bốn bốn nhỏ) Die von der Taten entstehen- de Karmas.	Bhikṣu-Sīla	: Tỳ kheo giới (250 giới) die 250 Sittenregeln für Mönche
Ana	: Thở vô Einatmen.	Brāhma	: Cao quý, thiêng liêng, cao thượng. achtbar, heilig, erhaben (chứ Brāhma ở đây không liên quan đến các vị Phạm Thiên mà có nghĩa là cao quý, thiêng liêng)
Apāna	: Thở ra Ausatmen	Brāhmacārya	: đời sống thiêng liêng phạm hanh, cao thượng. ein erhabenes-, heiliges Leben.
Anāthapindika	: Trưởng Giả Cấp Cô Độc. Beiname des Kaufmanns Sudat- ta, der dem Buddha den Hain Dschetavana schenkte.	Brāhmacārin	: Phạm Chí, Tịnh Hạnh giả ein heiliger-, achtbarer Mensch.
Anāthapindika-Vihāra	: Tịnh Xá Cấp Cô Độc Kloster, Ruhestätte, Aufent- halsort für Mönche & Nonnen namens Anāthapindika.	Cakravartin	: Vương tử thiên hạ, chuyển luân thành vương. Der König, der das Rad der Lehre in Bewegung setzt.
Anātman	: Vô ngã Das Nicht-Selbst, Nicht-Ich	Catur dhyāna	: Tứ Thiền die vierte Meditations- stufe.
Balachakravartin	: Chuyển luân thành vương Der König, der das Rad der Lehre in Bewegung setzt.	Dharmapāla	: Ngài Hộ Pháp, một luận gia Duy Thức nổi tiếng Ấn Độ. Ein berühmter Buddhist in Indien, der die Lehre über 3 Erkenntnisfaktoren des Bewußtseins erörterte.
Baxhābādhā	: Người bệnh hoạn ein kranker Mensch		
Bhāga	: Phần, chủ trương thuyết ba		

Dhauva : Vĩnh cửu
Die Ewigkeit, Beständigkeit

Dhyana : Thiên
Versenkung, Kontemplation,
Meditation, Zen.

Dhyana-Parâmita: Thiên Ba La Mật
Versenkung in die Vollkom-
menheit.

Dhyana-Prajnâ: Thiên huệ (thiên định và trí
huệ)
Versenkung und Wissen

Guhya : Bí mật
Das Geheimnis

Himsa : Sự uồn hèn, suy nhược
Die Trägheit und Schwäche

Ikkha : Nhận định, suy luận
Das Nachdenken

Jatila : Tu sĩ khổ hạnh
Asketischer Mönch

Jina : Kẻ thắng
Der Sieger

Kâla : Thời gian, hoàn cảnh
Die Zeit, Umstände

Kapila : Ca Tỳ La (trong hàng lục sư
ngoại đạo)
Name eines Lehrer der 6
Außenstehenden

Kata : Cầu tạo
Errichten

Mahâbhoga : Người giàu sang
Ein reicher Mensch

Mahavibhâshana: Đại trí, đại huệ
die große Weißheit, das große
Wissen

Nâga-râdja : Long vương
König des Meeres

Nâna, Jnâ : Nhận thức
Erkennen, Erkenntnis, Wissen

Pabbjita : Người xuất gia
Ein Mensch, der das Leben
der Hauslosigkeit annimmt.

Pârami : Ba La Mật
Die Vollkommenheiten

Raga : Luyến ái, tham
Gier, Begehren

Rûpâramyana: đối tượng của nhãn quan (sắc)
Sehobjekt, bezeichnet das der
Sehempfindung zugrunde lie-
gende äußere physische
Phänomen.

Samudya : Tập đề
die 2. Edle Wahrheit vom
Leiden, Leidens-Erscheinung

Sintâna : tư duy
Nachdenken

Tao-Sh'ao : Tổ thứ 4 của Nhật, phái Tịnh
(Dôshaku)
Đệ tông
Der vierte Patriarch ist
Dôshaku (562-645 n. Chr.) in
China

Upatthânam : hiện thực, thực tại
Gegenwärtigsein

Upâyâsa : Thất vọng
Enttäuschung

Vimuktirasa : Vì giải thoát
Interesse an der Erlösung

Visaya : Cảnh (đối tượng của nhận
thức)
Objekt: etwas, das geeignet
ist, von einem Geist erkannt
zu werden.

Yojana : Đố dãi
Ein Längenmaß

(Fortsetzung folgt)



Lá thư đồng đạo

Tình trần nay gởi vào thơ
Tân trình duyên trước gieo bỏ nhân sinh
Giác không có hiện nguyên hình
Bốn tâm thanh tịnh tự mình tìm ra
Ngày xưa Đức Phật Thích Ca
Chỉ tay ngón trỏ dạy ta đứng lẫm
Theo tay tạo tác nên hình
Thấy trắng mọi hiện rõ mình Hằng Nga
Vọng lòng đôi giá thiết tha
Ngữ ngôn văn tự viết ra không cùng
Chọn đường Trung Đạo làm khung
Mà đứng vướng mắc vào vùng giác mê
Nướng theo chánh pháp ta về
Không khen hà hưởng dám chê chi người...

• Thích Nữ Diệu Ân _____

Nhớ Quê hương

Gửi "Người tình quê hương VTXTr"

Cứ chiều chiều
Nhớ về quê hương
Lòng buồn vô cơ
Buồn mênh mông thường nhớ một trời xa.
Trả vui cho ta,
trả nhớ cho ta,
Hỏi "thế thái nhân tình"
Trả cả lòng ta,
trả cả tình ta
Đợi chờ dấu dãi tháng năm qua
Vai đã mòn, da thịt đã teo già,
Mà đây xéo vẫn mang nhiều sầu hận.
Đất người xứ lạ,
Một buổi chiều mùa hạ,
Quạt xốt ruột rã,
Mắt trông về phía trời xa
Nhớ thường ngập cả chiều tà
Buồn vương nặng trĩu xót xa cảnh đời.
Bên đây xứ người,
Lên kia quê mình,
Cách nhau một cuộc hành trình
Mà xa cách lắm, xa tày ngàn năm.
Vùng trời xa
Quê hương ta đó,
Ngồi chi đây xa cách đất yêu thân,
Bàng hoàng trông
Mọi cánh chim ngàn
Chiều cổ quanh
Vẫn cuộc đời ly hương buồn tủi.
Ngồi đây xa quê hương,
Nhớ bên kia quê hương,
Chiều đi về, chết trong lòng
Chiều ôi! ta nhận quê hương lời này.

Ta ngất đặng, cay,
Cho ta về với
Tình ta mãi chờ
Đường đi ngàn cách,
Ta nhớ nước non,
Ta mòn đau khổ
Tình ta chôn chặt quê hương,
Bỏ vô, hoài vọng, nhớ thương muôn đời.
Quê ta ôi! luống ngậm ngùi,
Bao năm trần trọc, đêm dài ngổn ngang,
Chiều buồn ngồi đếm thời gian,
Lặng nghe từng giọt thở than úa vàng,
Lặng thình như tốt cung đàn,
Nhớ nhung như đã mỗi mòn đau tê,
Mơ màng ánh mắt ngày về,
Sầu thêm nặng trĩu tái tê tâm hồn,
Sực buồn cho kiếp bèo bọt
Thường quê hương chìm đắm, sầu không bến
bờ.
Bước lên cho trọn "Tình chờ"
Bình minh chói ám bờ vô tận nồng,
Tình ta gói trọn mênh mông,
Ta nghe có ngọn gió lồng vào tim.
Ngân ngổ dằng cũ mãi tìm
Không gian mở ào bóng hình xa xưa,
Dạ dày nặng sớm chiều mưa,
Quê hương vãn vọ gió mưa rã rời.
Ngồi đây đếm bước chân người,
Ngồi đây xao xuyên tiếng cười mai sau.
Đôi bờ thiếu một nụ cười
Đôi bên thương nhớ đầy với bể bàng.
Lệ rơi, rơi ướt chiều tàn
Đêm buồn, đầu "Đáng Quê Hương" yên lành!
Tối rồi, có ánh trăng lên...

• TÔ TƯ (Victoria-Úc) _____

Cho cây lá trở hoa

Nắng thật đẹp một sớm trời xứ lạ
Ta nghiêng mình ngậy ngất thả hồn bay
Nhưng xác xơ vài cành lá cây hồng
Trong ánh nắng mạnh mặt trời vòng động
Vườn nhà ai có cây rừng trĩu lá
Trối vào xuân mà sao ngỡ cuối thu
Nắng nơi này không chạm hòa sức sống
Nhưng tình yêu ta chưa đọng cây rừng.
Mưa đêm qua còn vương mềm bờ ngo
Đề sáng trời hồn ta lạc bay xa
Vườn xác xơ rồi rụng tí mặt trời
Ta, cao ngạo đợi mùa đông băng giá
Nắng nơi này ta nhớ nắng quê xưa
Rợp hàng cau, dòng nước dưới bóng dừa
Hồn bình dị đưa ta về thơ ấu
Và cây rừng còn kết lá trở hoa!...

• THIỀU NHƯ THƯỜNG.

NHỮNG NGÀY ĐI ĐĂNG KÝ

HỒ TRƯỜNG AN



Chắc hẳn một điều, dân miền Nam khó nuốt trôi văn hóa và văn nghệ miền Bắc. Vì nặng mang dấu ố tự do, dân miền Nam thích những tác phẩm văn nghệ thuần túy, không nịnh bợ chính quyền, không đề cao trắng trợn một cá nhân nào hay một chủ nghĩa nào. Văn nghệ miền Bắc thì đề cao Bác Hồ của họ một cách trơ trẽn, lộ liễu, đề cao các cuộc đấu tranh giai cấp để mở đường cho chủ nghĩa của họ. Văn nghệ của họ vốn đã khô, lại còn thêm cay cú, làm sao dáp lại khiếu thương ngoạn của người Nam vốn thích tươi mát, phóng túng và lãng mạn?

Thơ văn từ miền Bắc đem vào bày bừa ở các tiệm sách với bảng đỏ chữ vàng "Nhà sách Giải Phóng" không ai buồn chiếu cô dến trong khi đó sách do người miền Nam sáng tác và xuất bản bày đầy ở các vỉa hè đường Lê Lợi và đường Nguyễn Huệ thì đặc như tôm tươi. Người miền Bắc vào thăm miền Nam, các cán bộ cộng sản và bộ đội quảng tiến ra mua không tiếc. Đã từ lâu phải nuốt trệu trạo thứ văn nghệ đặc sệt này tuyên truyền cho chủ nghĩa Cộng Sản hoặc thứ văn nghệ chửi bới địa chủ, tư bản nên người miền Bắc đâm ra nhàm và mệt mỏi. Thi đây, văn nghệ phóng túng, tươi mát của miền Nam đã thổi vào đầu óc họ một cơn gió mới, đầy sinh khí, sinh động hơn.

Tôi không bao giờ quên anh Nguyễn Huy Khánh, có lần nói với tôi:

- Bỏ qua về vấn đề chính trị, thì các nhà văn nữ miền Nam viết văn rất lời cuốn. Năm con nữ quái: Trùng Dương, Túy Hồng, Nhã Ca, Nguyễn thị Hoàng, Nguyễn thị Thụy Vũ đều tỏ ra rất thông minh, điều luyện. Ngoài ra, đi sát gót năm người nữ này đã có Trần thị NgH (Trần thị Nguyệt Hoàng) và Nguyễn thị Ngọc Minh.

Tôi hỏi gặng:

- Vậy còn các bà, Vũ thị Thường, Như Trang, Lê Minh, Ngọc Tú ở miền Bắc thì sao?

- Họ viết đúng đường lối của Đảng, nhưng sự diễn tả của họ không linh động bằng các nhà văn nữ miền Nam.

Ý kiến đó cũng được một cán bộ văn nghệ khác tên là Bùi Phúc xác nhận. Nhưng có anh Nguyễn Huy Khánh đến ông Bùi Phúc kể hệ giải thích nguyên nhân cho tôi rõ.

Dân miền Bắc thích xem những truyện tình

cảm tuổi trẻ của Nhã Ca, Duyên Anh, Từ K ế Tường, Nguyễn Thảo Uyên Ly, Dũng Saigon và loại tiểu thuyết xã hội của Nhật Tiến, Ng. Thụy Long. Họ còn cuồng nhiệt hơn khi bắt qua xem các cuốn tiểu thuyết tâm lý thời đại có những pha làm tình như các cuốn của Túy Hồng, Thụy Vũ, Trùng Dương, Lê Xuyên, Thanh Tâm Tuyên, Dương Nghiễm Mậu, Nguyễn Đình Toàn. Loại tiểu thuyết trinh thám Z28 cũng được họ chiêu mộ nồng nhiệt vì trong đó có đủ cái mà họ chưa từng đọc qua: các cuộc chạm trán, nổ súng, các cuộc săn tình hào hứng, những khung cảnh ăn chơi đài điếm một cách dễ dàng... Những khung cảnh giàu sang, quý phái trong các tác phẩm của Ng. thị Hoàng cũng làm cho họ mơ mộng ít nhiều.

Còn văn nghệ trình diễn ở miền Bắc thì sao?

Trong tháng tuần tháng năm dương lịch, năm 1975, trên đài truyền hình đã có chiếu phát hình các cuộc trình diễn văn nghệ của Đoàn Ca Múa Giải Phóng, Đoàn Ca Múa Trưng Vương. Những giọng hát the thé của các nữ danh ca Tô Lan Phương, Anh Đào, Anh Tuyết, Thu Hiền hoặc những giọng hát uôm uôm của Quốc Hùng, Hoàng Tính chưa chi đã làm cho người nghe dâm ra nản và nổi sùng. Họ hát bằng nghệ thuật ca kịch Opéra, giọng liu lo liu lương, mồm vo tròn, và thính giả không nghe rõ lời hát. Tất cả nghệ thuật diễn tả của họ bị trói buộc trong mô kỹ thuật hát nhạc Opéra nên lạc lõng, xa khỏi tâm cảm quan và niềm rung động của quần chúng miền Nam. Miền Bắc hát giỏi nhưng khó thể hát hay vì hát giỏi là hát đúng theo kỹ thuật còn hát hay thì truyền cảm và dễ làm rung động say sưa lòng người. Còn có gì chứng hơn là các ca sĩ miền Bắc hát dân ca, mà áp dụng theo kỹ thuật hát ca kịch Opéra Tây Phương? Còn gì lơ lửng cho bằng những màn vũ diễn tả lớp nông dân áo bà ba vai ú, cổ quần khăn rằn mà chân nhảy theo vũ ballet? Người miền Nam làm sao chấp nhận điệu vũ Katum hầu lớn, pha trộn vũ Ấn Độ lẫn vũ Ballet mà bảo rằng đây là điệu vũ dân thượng vùng Tây Nguyên (chân thì nhảy theo ballet, tay thì múa theo vũ Ấn Độ, mặt thì hóa trang theo Tàu)? Lại nữa, đoàn Cải Lương Nam Bộ với Tiêu Lang, Kim Xuân, Lan Phương giữ các vai nông cốt; giọng họ thì đặc sệt miền Bắc, cổ hát vọng cổ bằng tiếng Nam, giọng Nam, nhưng thường sơ hở để lộ giọng rau muống ra... Tóm lại, dân miền Nam không thể cảm nhận một thứ nghệ thuật lai

cứng, quái đản của nghệ thuật trình diễn miền Bắc được.

Tôi còn nhớ ở xóm Phú Nhuận, vợ của anh Tư xịch ló, vì không có Tivi ở nhà, nên thường mỗi tối qua nhà hàng xóm để xem ké Tivi Anh Tư một tối no, kiếm vợ rồi nói:

- Về ngủ cho khỏe, mình à. Họ hát xướng đồ như cứt, có gì đâu mà coi? Mấy con mẹ c a sĩ ở miệt ngoài hát the thé như muốn chửi mình vậy.

Rủi cho anh hôm đó trong nhóm người xem Tivi ké có một vài tên cán bộ an ninh. Thế là anh Tư bộc trực, thẳng thừng ruột ngựa của chúng ta bị mời về Ủy Ban An-Ninh phường và bị nhốt một tuần lễ để học hỏi cách thưởng ngoạn đường lối văn nghệ do "Bác" và Đảng đã chủ trương.

Tuông "Đời Cô Lựu" được cho diễn trên Tivi. Vai Cô Lựu được Phùng Há đảm nhiệm vì đó là vai tuông ruột của bà suốt 30 năm qua. Thanh Nga thủ vai cô con gái, tạo nên một chút ít sinh khí và hào quang trong mắt cho vở tuông. Phùng Há đã già rồi, tiếng hát khàn bết, làn hơi hao hụt. Những tuông "Đời Cô Lựu" là tuông cải lương để cao cuộc tranh chấp giữa lớp địa chủ và lớp tá điền, rất hợp đường lối khai thông chủ nghĩa Cộng Sản. Hơn nữa tác giả của nó là ông Tư Trang (Trần Hữu Trang) có công lớn với Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, đã bỏ mình ở mặt khu vì bệnh kiệt lực.

Sau đó, ít lâu ban Kịch Nói của Kim Cương được thành lập. Tuy mang danh là ban Kịch Nói, nhưng thành phần ca sĩ hùng hậu như Hà Thanh, Lệ Thu, Thanh Tuyên, Sơn Ca, Hoa Mi Thái Châu, Thanh Phong, Phương Đại... Những ca sĩ này một khi mà hát các bản nhạc nổi danh ở miền Bắc như: "Trường Sơn Đông, Trường Sơn Tây", "Tiếng Chày Trên Sóc Bông", "Hà Nội, Niềm Tin và Hy Vọng", "Lên Ngàn" v.v. làm cho bản nhạc truyền cảm bội phần, lời hát đã rõ, tình cảm được tận dụng tối đa vào cách diễn tả. Cán bộ miền Bắc và bộ đội say mê ca sĩ miền Nam như điệu đờ, bỏ tiền ra mua vé chợ đen không tiếc. Còn Đoàn Ca Múa Giải Phóng lẫn Đoàn Ca Múa Trưng Vương thì bị ghé lạnh, lơ là, khi vào miền Nam thì giống trống đồng chuông âm i, nhưng khi ra về thì chuông diếc, trống rách, mở cầm. Lại nữa các nữ ca sĩ miền Bắc đều rặc một giọng soprano the thé, khilên cao trở nên chu chéo diếc tai. Nay cán bộ

miền Bắc lần bộ đội nghe giọng hát kh ả n
 dục và âm áp của Lệ Thu qua hai bản "Tư
 Nguyễn" và "Hà Nội, Niềm Tin và Hy Vọng"
 như bị thổi miên, và say mê ngay. Ca sĩ tuy
 tuy hát không giỏi như ca sĩ miền Bắc ở
 chỗ luyện giọng theo thanh nhạc (Opéra) và
 ở ký âm pháp, nhưng hát tới đâu là gây rung
 động, bằng hoàng cho người thưởng ngoạn
 đó. Và lại các ca sĩ miền Nam phục s ứ c
 thanh lịch, hóa trang đẹp đẽ. Các nữ ca sĩ
 miền Bắc như Tô Lan Phượng, Anh Đào khivào
 Nam là nhờ ban bè ở miền Nam đưa đến hiệu
 may Thiết Lập, may hàng chục cái áo d ả i
 mini, tay ráp raglan. Cả hai uốn và chải tóc
 theo kiểu mới và khi xuất hiện trên v ố
 truyền truyền hình, họ hoàn toàn là một c ố
 gái phong lưu, lịch sử miền Nam. Sau này các
 nữ tài tử diễn ảnh ở miền Bắc như Tr ả
 Giang, Thanh Tú, Minh Đức khi vào miền Nam
 là trút bỏ bộ cánh quê mùa và lối t h ở i
 trang miền Bắc để mặc áo dài mini, tô son
 điểm phấn và chải tóc như gái Saigon.

Ban Kim Cương với thành phần diễn v i ế n
 như sau: Kim Cương, Vân Hùng, Ngọc Đức, Kiều
 Phượng Loan, Ngọc Đan Thanh, Anh Thư, Túy Hoa
 Hoàng Mai... Kê ra thật hùng hậu vì toàn là
 các nghệ sĩ thoại kịch nổi tiếng, giàu kinh
 nghiệm. Hai vở kịch cũ của Hoàng Dũng được
 các cán bộ miền Bắc sửa chữa để cho trình
 diễn là "Hai Màu Áo" và "Lá Sầu Riêng". Bọn
 cán bộ không hiểu gì về kịch nghệ, cứ ngắt
 đầu, lột vỏ, bỏ đuôi vở kịch, nên hai vở kịch
 đó, kém sút không khí sôi động và truyền
 cảm như khi còn trình diễn dưới thời chế
 độ cũ. Nữ nghệ sĩ Túy Hoa, mất khá n h i ế u
 phong độ khi diễn xuất của bà ta bị họ gò
 gẫm, rúng ép vào khuôn khổ lối diễn xuất
 ước lệ ở miền Bắc. Còn nữ nghệ sĩ K i m
 Cương cũng không gặt hái nhiều qua hai vở
 kịch này so với ngày xưa.

Song song với ban kịch nói Kim Cương, đoàn
 ca kịch cải lương Thanh Minh chào đời với
 thành phần Thanh Nga, Thanh Sang, Ba Xây, Hà
 Mỹ Hạnh, Hùng Minh, Kim Hương, Ngọc Nuôi Bích
 Sơn, Bảo Quốc. Tuồng đầu tiên cho trình diễn
 là "Tiếng trống Mê Linh", nhạt nhèo, lúng
 túng nhưng được cải là Thanh Nga, Ngọc Nuôi
 diễn xuất trội gúa cứu vớt rất nhiều nơi
 khuyết điểm của vở tuồng. Sau đó, đoàn cho
 diễn "Bên Cầu Dệt Lụa" phỏng theo sự tích
 "Trần Minh Khổ Chuối" do soạn giả miền Bắc
 biên soạn. Tuồng này không chút hấp d ả n
 nào, rồi rạc như cơm nguội, so với tuồng:
 "Quán Gấm đầu làng" do Hà Triều và H o a

Phượng phỏng theo sự tích "Trần Minh Khổ
 Chuối" cách đó 20 năm đã diễn trên sân
 khấu Kim Hoàng - Như Mai, thì thua xa,
 cách nhau một trời một vực.

Đoàn Kịch Nói Giải Phóng có cho diễn vở
 "Tiếng chuông đồng hồ trên điện Krem
 Lin" do Thế Lữ phỏng tác, tuy có sôi nổi
 hào hứng đấy, nhưng bán vé không ai mua,
 nên chính quyền các phường khóm ở Sài
 Gòn phải dùng chiến thuật bán vé ép. Có
 nhiều người mua vé rồi không đi xem, nên
 sau đó, Đoàn diễn cho các cán bộ, bộ đội
 xem miễn phí.

(Còn nữa)

TIN GIỜ CHỚT

Trong đêm văn nghệ Đại Lễ Phật Đản năm nay
 ngoài phần cải lương "Tiếng Hạc Trong Trăng"
 do các nghệ sĩ nổi tiếng từ Paris qua trình
 diễn còn có sự đóng góp đặc biệt của nhạc
 sĩ Phạm Duy và ca sĩ Julie Quang trong các
 bài hát ngục ca và hát cho quê hương d ả y
 đau khổ.

Chùa Viên Giác xin trân trọng giới thiệu
 cùng quý Phật Tử xa gần và mong rằng ngày
 Đản Sanh của Đức Từ Phụ năm nay được được
 nhuần nhiều hương sắc để dâng lên cúng dường
 Đức Điều Ngự Bồ Tát.

Nhắn tin

Bà Võ Văn Tiếp (Trần Thị Châu) trước ở cư
 xá Lữ Gia Việt Nam; hiện ở 2159 Joliette 5
 Longueil PQ Canada muốn tìm các con là:
 Võ Ngọc Trinh sinh ngày 14/12/1950. Võ Phú
 Cường sinh ngày 31/10/1959. Võ Phú Thạnh 21
 11/1961. Nguyễn Tiến Dũng 5/1/1972 ra đi
 ngày 18-06-1979 số ghe CM 2816 và Võ Thành
 Nghiệp 26/2/1954 đi ngày 18/12/78. Nay ở
 đâu, hãy liên lạc về địa chỉ trên ●

Đường không biên giới

THÍCH NHƯ ĐIỂN

(Kỳ 9)

Trong tình cờ tại một tiệm sách Việt Nam ở Montréal có một người Phật Tử mua cho cuốn "Đường Đi Không Đến" của Xuân Vũ. Sách được xuất bản vào năm 1973 tại Sài Gòn và sau này được tái bản tại Mỹ. Nhìn tựa đề quyển sách, có lẽ người Phật Tử ấy liên tưởng đến bài "Đường Không Biên Giới" của tôi đã viết bấy lâu nay cũng nên. Tôi vui vẻ đón nhận sách và đọc một cách say mê trong hai ngày đã xong và nội dung quyển sách có thể tóm lược như sau:

Một người cán bộ công sản quá say mê lý tưởng giải phóng miền Nam nên đã băng rừng vượt suối Trường Sơn để về Nam chiến đấu. Trên đường đi anh cán bộ này gặp biết bao nhiêu gian lao thử thách, nào chuyện đói, chuyện khổ, chuyện tình, chuyện bạn, chuyện đảng v.v... Và sau bao tháng ngày băng rừng vượt suối, anh ta đã về được miền Nam. Lúc bấy giờ anh ta mới thấy rằng đảng đã nói dối, đảng đã lừa gạt nhân dân miền Bắc đủ mọi điều, đảng đã tuyên truyền láo khoét đảng đã bịt miệng thế gian... nên anh ta đã ra dấu thú, qui chánh dưới thời đệ nhị Cộng Hòa, sau đó viết nên được tập hồi ký đó. Nội dung chỉ có thế.

Không biết sau khi công sản chiếm miền Nam anh ta đã ra sao rồi, chứ quá thật anh cán bộ kia đã đi trên đường "Đi không đến" thật. Vì có lý tưởng nhưng mục đích là phiêu lưu, nên cuối cùng chả đạt được kết quả gì.

Ở đây không phải đem so sánh giữa "Đường Không Biên Giới" và "Đường Đi Không Đến", mà chỉ cốt ý đề cập đến tựa đề hơi giống

nhau thôi. Vì đi đến đâu nhiều người Phật Tử thường hay nhờ tôi kể câu chuyện "Đường Không Biên Giới" để cho họ nghe. Và nội dung của "Đường Không Biên Giới" thì quý vị đã biết. Đó là: Nội tâm của một người Tăng Sĩ Việt Nam luôn luôn muốn mang đạo vào đời, đi khắp năm châu bốn bể, mang theo hột giống Bồ Đề của Đức Phật đi cây tía khắp nơi. Vì người Tăng Sĩ ấy luôn luôn tâm niệm rằng: "Con là Trương Tử Như Lai, Phát nguyện trọn đời hy sinh cho Đạo, Chỗ nào chúng sanh cần con đến, Chỗ nào Đạo Pháp gọi con đi, Chẳng nề gian lao, chẳng từ khó nhọc" Mục đích chỉ có vậy và cũng chính vì vậy mà có "Đường Không Biên Giới".

Sau chuyến công du Phật sự vừa qua tại Canada và tại Úc Châu suốt 6 tuần lễ, lẽ ra lần này chúng tôi viết về những sinh hoạt Phật sự tại những nơi trên đến với quý độc giả bốn phương; nhưng vì việc của châu Âu chưa xong trọn vẹn, nên lần này cũng vẫn tiếp tục đi thăm Âu Châu vậy.

Nước Pháp, hay nói đúng hơn là người Việt Nam ở tại Pháp chúng tôi đã có dịp đề cập đến nhiều trong những lần trước. Hôm nay xin mời quý vị sang thăm nước Thụy Sĩ.

Ngày xưa khi còn học Tiểu học có một Giáo Viên đã đi Thụy Sĩ và sau khi về nước vị Giáo Viên ấy có kể cho chúng tôi nghe rằng "Nếu các em đi Thụy Sĩ, điều đầu tiên là thấy nước Thụy Sĩ sạch sẽ không đâu bằng, sạch đến nỗi mà đi ra đường suốt cả tuần lễ nhưng không cần lau chùi giày dép, giày vẫn sáng như thường". Lúc đó tôi và các bạn đồng

hoc không tin;những ngày nay đã đi đ ể n Thụy Sĩ rồi,mới thấy điều kia là đúng . Nước Thụy Sĩ toàn là đồi núi,có nhiều kỳ hoa di thảo ở khắp nơi.Khi mùa xuân đến hoa Anh Đào không nở rộ nởi dầy như Đông Kinh của Nhật Bản;nhưng những nụ hoaXuân cũng tươi thắm muôn màu.Những bông h o a mọc dọc theo hai vệ đường ở Lausanne , ở Genève hay ở Luzern,Zürich v.v..cũng đủ để chứng minh điều đó khi khách thường du có lần đặt chân đến xứ Thụy Sĩ v à o một mùa xuân khi tiết trời êm ả.Và n ế u Người đến vào mùa Thu,Thụy Sĩ cũng không kém Canada là mấy.Nếu bảo rằng thu Gati-neau tại Ottawa của Canada đẹp bao nhiêu thì những chiếc lá vàng bên bờ hồ t h ở mộng của Lausanne cũng không kém phần thi vị đó.Cái đẹp của chốn núi rừng vào mùa Xuân,Thu,Đông tàn hay Hạ chỉ vẫn là những cái đẹp mỹ miều của thiên nhiên . Cái đẹp không bị người đời đố kỵ,ganh tỵ nhỏ nòi mà cái đẹp của thiên nhiên là cái đẹp vượt lên mọi sự thiên vị của cuộc đời.Người thế gian có buồn,có vui,có giận,có hờn,có tham sanh hỷ tử;nhưng thiên nhiên có lẽ không có những thứ đó vì thiên nhiên là của thiên nhiên,là của nguyên thủy,của cuộc sống nội tâm , của những tâm hồn biết hướng thượng.Còn cuộc đời là ở trước,là đáng cho chúng ta phải tự hỏi lại lòng mình có trong sạch được như thế chẳng?

Con người đâu thay trắng đổi đen , thay lòng đổi da;nhưng thiên nhiên tôi đoán chắc rằng không;mặc cho có thời tiết đổi thay nhưng nguyên thủy của thiên nhiên vẫn không thay đổi.Vì thế Nguyễn Khuyến cũng có thơ rằng:

"Ta dại ta tìm nơi vắng vẻ
Người khôn người tìm chốn lao xao!"

Nói vắng vẻ đây chính là thiên nhiên.Trở về với nội tâm vắng lặng của nguyên thủy còn bao nhiêu trần cấu của cuộc đời này đều là những thứ phù vân ảo ảnh mà c o n người cứ mãi lặn hụp trong chôn bụi trần nên dầy khổ đau và tục lụy.

Nước Thụy Sĩ nhỏ nhưng nói đến ba,bốn thứ tiếng.Vùng Genève,Lausanne nói tiếng Pháp vùng Luzern,Zürich nói tiếng Đức,v ù n g Lugano nói tiếng Ý v.v...và đông bàoViệt Nam chúng ta đa số quen nói tiếng Pháp nhiều hơn những tiếng khác nên đều dần dần

về vùng Lausanne và Genève nhiều hơn là những nơi khác.Mặc dầu nhỏ,nhưng Thụy Sĩ đã thu nhận từ 7-8.000 người tỵ nạnĐông Dương kể từ năm 1975 cho đến nay.Trong đó kể cả thành phần Sinh Viên đi du học từ thời xưa còn lại.

Người Thụy Sĩ sang trọng nhưng ít kiêu cách hơn những dân tộc khác tại Âu Châu vì xứ họ là xứ chỉ chuyên mới gọi những khách du lịch và khách ngân hàng; có lẽ vì thế mà họ không muốn mất đi môi trường nước khác,nên họ cư xử như thế chẳng? Đặc biệt xứ Thụy Sĩ nhận nhiều trẻ em hoặc người lớn tật nguyền nhiều hơn bất cứ nơi nào tại Âu Châu hay nói đúng hơn trên thế giới.Người ta thường nói: "Phú quý sinh lễ nghĩa,bần cùng sanh đạo tặc"điều đó cũng chẳng ngoa.Vì nước Thụy Sĩ giàu cả vật chất nên mới mang tình - thường ra giúp đỡ nhân sinh.Tại Âu Châu ngày nay nước nào cũng lâm vào nạn thất nghiệp một cách trầm trọng,duy chỉ c ó Thụy Sĩ là không có phần trăm nào cả. Đó là cái giỏi của người Thụy Sĩ gần bằng cái giỏi của người Nhật tại Á Châu.

Đời sống của người Việt Nam tại đây tương đối đầy đủ,thoai mái không kém nước Đức là bao trên các bình diện học nghệ,h ọc Đại Học,đi làm tiếp tục hay nhận tiền trợ cấp thất nghiệp,trợ cấp xã hội v.v...

Có nhiều người vui miệng bảo rằng: Q u ả thật hồi xưa mình có tu,nên bây giờ về Tây phương rồi thấy sướng thật".Điều đó cũng không sai mấy;nhưng nếu đến phương Tây rồi mà không chuyển hướng để tu hành tiếp tục thì dường về Lạc Bang cũng vẫn còn xa.Trong kinh Phật có dạy rằng ngay cả những vị chú thiên ở những cõi thượng giới khi đã hưởng hết phước đức rồi lại cũng phải đầu thai làm người nếu không tiếp tục tu.Và bây giờ cũng thế,ở tại đây xứ sở này,chúng ta nhận được nhiều đ ể c ân của quốc gia đó;nhưng nếu chúng ta không tự phát triển khả năng của chúng ta thì phước hữu lậu kia có ngày cũng sẽ chóng mất như người đã có số làm mà không siêng năng cần mẫn thì chưa biết ngày nào đó mình cũng sẽ bị đuổi số như bao nhiêu người khác đã hững hờ.Khi ta sống trong cảnh ấm êm nên nhớ thời dổi rách và khi ta sung sướng về vật chất rồi cũng đừng nên quên những kẻ đang cơ hàn giá buốt, đang chờ sự sưởi ấm của chúng ta.

Tại Thụy Sĩ chỉ có một ngôi Niệm Phật Đường tên là Niệm Phật Đường Linh Phong dưới sự chủ trì của Sư cô Thích Nữ Như Tuân. Niệm Phật Đường vẫn còn nằm chung trong một Apartement; nhưng rất khang trang, rộng rãi. Niệm Phật Đường nằm gần hồ Lausanne trông rất thơ mộng mỗi khi thời tiết đẹp và có lẽ đây cũng chỉ là nơi chôn tạm thời để có chỗ cho Đông Bào Phật Tử đến lễ bái nguyện cầu, trong tương lai đâu muốn đâu không Niệm Phật Đường cũng phải ở một vị thế độc lập để khỏi phải bị phiền hà hàng xóm vì tiếng chuông tiếng mõ.

Ở Việt Nam, hoặc những người Phật Tử hiểu Đạo, nghe tiếng chuông thấy lòng trần tục của mình chùng xuống để những niệm thiện được phát sanh; nhưng qua những xứ văn minh vật chất này họ chẳng biết hay nói đúng ra là ít biết đến ý nghĩa của tiếng chuông tiếng mõ, nên mỗi khi nghe họ còn nổi xung thiên động địa nữa là khác, chứ không khởi mỗi tử tâm. Họ nghe tiếng chuông nhà thờ ở lâu đời lâu kiếp rồi họ không thấy khó chịu; nhưng tiếng chuông chùa thì ngược lại. Vì thế cho nên nhiều chùa ở Mỹ, ở Úc ở Canada bị kiến không ngừng, may là ở Âu châu chỉ một vài nơi bị, chứ chưa bị hoàn toàn. Có lẽ người Âu Châu để dài họ cũng phải nghĩ rằng: nếu không có văn minh của Thiên Chúa Giáo thì các xứ Âu Châu ngày nay đều lạt lẽo, vô vị, như ăn cơm chẳng có canh, lúc buồn không có bạn. Nên họ vẫn còn biết ít nhiều về những đạo khác chăng?

Nhưng biết thì biết vậy thôi chứ họ vẫn chưa hiểu như người Phật Tử hiểu đâu, phải cần nhiều năm tháng người Âu Châu mới có thể hiểu được Phật Giáo và hiểu được linh nghiệm của tiếng chuông chùa như thế nào. Tại Thụy Sĩ cho đến ngày nay vẫn chưa có một vị Tăng Sĩ nào mà chỉ có quý vị Ni Sư và Ni cô ở đó để lo hướng dẫn đông đảo Phật Tử thôi. Ngoài ra tại Thụy Sĩ cũng có một trung tâm Tây Tang rất to lớn. Đây cũng là trung tâm cho tất cả Âu Châu. Thỉnh thoảng cũng có nhiều người Việt đến đó lễ bái, nguyện cầu; nhưng vì ngôn ngữ không đồng nên sau này họ đi về Niệm Phật Đường Linh Phong để học Đạo. Người Thụy Sĩ cũng có một Hội Phật Giáo, nhưng sự hoạt động của họ chuyên về vấn đề nghiên cứu nhiều hơn là lễ bái như những người Phật Tử Á Đông khác.

Sinh hoạt tại Niệm Phật Đường Linh Phong hàng năm, hàng tháng, hàng ngày cũng giống

như những chùa khác tại bất cứ nơi nào trên thế giới. Nghĩa là cứ mỗi năm đến ngày lễ Phật Đản, lễ Vu Lan hay Tết Nguyên Đán là mọi người cùng nhau về chùa lễ Phật, học hỏi giáo lý, trao đổi kinh nghiệm gặp gỡ hàn huyên v.v... Cũng vì Niệm Phật Đường Linh Phong chỉ có khả năng duy nhất chứa một số người nhất định, nên mỗi khi có lễ lớn thường hay mượn những cơ sở công cộng để hành lễ.

"Mái chùa che chở hồn Dân Tộc,
Nếp sống bao đời của Tổ Tông"

nên ai nấy cũng đi chùa, đến chùa, nghe và học hỏi giáo lý tại chùa. Vì thế chùa dần dần biến thành những trung tâm văn hóa của người Việt Nam tại Hải Ngoại trong hiện tại và nhắc đến trong tương lai cũng vậy, nếu chúng ta chưa trở lại được quê hương thì chùa dần dần biến thành Việt Nam tại Hải Ngoại vẫn là một chất liệu dưỡng sinh, nơi nương tựa tinh thần của người Phật Tử trong cuộc sống tha hương đầy khổ đau này.

Chúng ta ở đây no về vật chất, nhưng đói về tinh thần; nên cần phải bồi bổ nó. Nếu chỉ đầy đủ một phương diện còn phương diện kia không được thỏa mãn thì cân cân trệ tuệ và phúc đức không được cân bằng. Ở đây đầy đủ tất cả; nhưng thiếu rất nhiều, ở đây có tất cả mọi thứ mà quê hương mình không có; nhưng ngược lại ở đây cũng thiếu tất cả mà ở quê hương mình lại có tất cả. Đó là quê hương, tình người và Đạo Pháp.

Những ai tuổi đã về chiều, chắc niệm khắc khoai đến quê hương càng đậm đà hơn nữa. Vì thế chùa dần dần biến thành, Thánh Thất, nhà thờ vẫn là những nơi linh thiêng nhất để hàn gắn những vết thương lòng qua năm tháng khổ đau. Về chùa để tìm lại một không khí thiêng liêng một tình tự dân tộc mà bao đời Phật Giáo đã có công góp mặt phân minh vào việc giữ nước và dựng nước cho đến ngày nay. Phật Giáo đã không hề thẹn với chính mình, với Quốc Gia và Dân Tộc. Khi nào Dân Tộc và nhân dân khổ đau đều có sự hiện diện của Phật Giáo, nhằm xoa dịu những vết thương lòng do lịch sử hay do con người bồi đắp vọng và hận thù gây nên.

Nguyện cầu cho tất cả chúng ta được thắp sáng bởi ngọn đuốc trí tuệ của Đức Thích Tôn để con đường đi không còn bị lầm lạc nữa. (còn tiếp)

Thuyết thời gian tương đối trong truyện truyền kỳ và trong văn chương

NGUYỄN VIỆT QUANG

Qua tạp san Viên Giác số 13, bạn đã đọc phần "Thời Gian Như Huyền" trong mục khảo luận "Cảnh Giới Hoa Nghiêm" của cử sĩ Tịnh Liên Nghiêm Xuân Hồng rồi chứ? Từ khi nhà Bác Học Einstein đưa ra thuyết tương đối, thì không còn ai lầy lù lụ về thuyết thời gian tương đối nữa. Thời gian ở cảnh giới này khác thời gian ở cảnh giới kia.

Những trong văn chương Trung Hoa và văn chương Việt Nam, các nhà văn có óc tưởng tượng tuyệt vời đâu có cần đợi ông Einstein mới viết nổi về thuyết thời gian tương đối, h ở bạn? Những truyện "Lưu Nguyễn Nhập Thiên Thai", "Chàng Ngự Phủ Vũ Lăng", "Tứ Thúc Lạc Non Tiên" đều có đề cập thuyết này qua những cuộc tình tiên duyên tục rất thơ mộng. Tác giả của những truyện này không rõ là ai. Các câu truyện được truyền qua miệng dân gian, làm phồn thịnh thêm kho tàng huyền thoại và truyện kỳ dân gian bằng những nét thi vị, đặc thù. Bạn thử nhớ lại cuốn "Huyền Thoại, Truyện Kỳ Hy Lạp" mà xem, hầu như thời gian t r ê n thiên đình Olympia do thần Jupiter chúa tể trị vì cũng bằng thời gian ở dưới thế gian. Những nộ so sánh thì thượng giới do thần Jupiter cai quản vẫn chưa ở trên một tầng trời nào, mà còn ở trên núi Olympia, trong khi đó trời Đao Lợi trong kinh Phật ở trên chót đỉnh núi Diệu Cao (Tu Di). Những núi Olympia là núi có thật, cao 2.917 thước ở xứ Hy Lạp, kẻ phàm phu thế tục có thể thấy và có thể leo lên đỉnh được. Núi Diệu Cao thì phải có thiên nhân mới thấy được, thì thử hỏi người phàm phu thế tục làm sao mà leo cho tới đỉnh? Bởi đó, một ngày ở trên trời Đao Lợi bằng một năm ở cõi thế gian, còn một ngày trên đỉnh núi Olympia cũng bằng một ngày ở mặt địa cầu này vậy.

Nhưng mà các truyện truyền kỳ trong dân gian mà tôi sắp kể đó không phải xảy ra ở thượng giới, hoặc ở tầng trời nào, mà ở ngay trên quả địa cầu này. Đó là những cảnh giới tiên, nửa hư nửa thực (như huyền mà không phải tuyệt đối là huyền) chỉ xuất hiện chớp chót trên trần thế, kẻ phàm phu thế tục nếu không có cơ duyên thì không sao gặp được.

Trước hết tôi xin thuật lại ba mẫu chuyện trên để rồi cùng bạn đàm đạo và thảo luận sau. Vì là những câu truyện truyền khẩu từ thế hệ này sang thế hệ khác, nên cần gì chúng ta tìm hiểu tác giả là ai, mà chỉ biết tác giả của chúng là dân gian, là lớp quần chúng có duyên với thuyết thời gian như huyền mới có thể sáng tác ra những truyện cực kỳ lý thú ấy. Trước hết là truyện chàng ngự phủ Vũ Lăng.

Wũ Lăng là một thiếu niên xinh trai, trạc hai mươi tuổi ở huyện Vũ Lăng, nổi nghiệp ông cha làm nghề đánh cá dọc theo sông lớn. Từ thuở bé thơ, Vũ Lăng vốn có sẵn lòng tử bi, dù theo nghiệp nhà, nhưng chàng không có ý muốn sát sanh. Sau ba năm làm nghề chài lưới, một đêm chàng nằm mơ thấy một vị Bồ Tát bảo rằng:

- Hãy buông chài bỏ lưới để làm nghề nông.

Tỉnh giấc, chàng đến bàn Phật thắp hương, ăn năn sám hối về nghiệp sát sinh của mình trong hai năm qua. Sáng hôm sau, chàng thưa với mẹ là sẽ đem số tiền dành dụm bấy lâu để mua đất, khởi rẫy, lập vườn, và sẽ sinh nhai bằng hoa lợi. Bà mẹ bằng lòng. Từ đó hai mẹ con sống với nghề trồng trọt, ăn chay, thờ Phật, tụng kinh. Được ít lâu bà mẹ qua đời. Vũ Lăng chôn cất, cư tang trả hiếu trọn ba năm. Khi mãn tang, chàng thu xếp nhà cửa giao cho người em con nhà chú, rồi sắm một chiếc thuyền đi ngao du sơn thủy, thậm chí có ý định tâm t i ệ n học đạo.

Một sáng xuân nọ, chàng xuôi theo dòng sông, bỗng thấy trên sông nước có nhiều hoa đào

rụng. Chàng thầm nghĩ nếu đi ngược dòng sông, là sẽ đến một rừng đào; ở đó, sẽ có một khung cảnh đẹp và biết đâu đó sẽ là một cảnh tiên. Nghĩ thế, chàng bơi thuyền ngược theo sông. May nhờ có gió xuôi, chàng trưởng buồm cho thuyền đi nhanh hơn. Hôm sau, nước đổi chiều, nhưng gió cũng vẫn là gió xuôi. Thuyền chạy nhanh như tên bay. Càng về nguồn, dòng sông càng hẹp, nước càng trong vắt. Và kia rừng đào hiện ra, hoa thình phồng nở đờ như một vệt mây hồng khổng lồ. Huơu, nai, trâu trắng hai bên bờ nhón nhờ gặm cỏ non thơm ngọt rồi uống nước sông trong mát. Trên những cành đào anh vũ trắng, hoàng yện, hoàng oanh, ngọc đỉnh, không tước, hồng hoàng, cao các, bạch trĩ bay lượn và hót véo von. Dưới đáy nước kim ngư, cá lam, cá biếc bơi lượn tung tăng.

Trưa vào ngày thứ bảy, Vũ Lăng đến một sơn thôn trù mật. Nhà tranh mọc san sát như b á t úp. Không có nhà nào là nhà ngói ca. Nhưng nhà tranh cất khang trang, cột bằng gỗ quý trước sân có giàn dưa, giàn đậu, trong sân có trồng nhiều thứ hoa kết thành tam giác ngũ sắc tuyệt đẹp. Thoảng trong không khí, mùi xôi nếp ngọt hương bay lượn vờn.

Một cô thôn nữ đẹp tuyệt trần, mặt hiền và sáng như gương đem rửa rau ra rửa ở vũng nước trong, gần bờ sông, vừa thấy Vũ Lăng liền hỏi:

- Khách ở đâu tới đây?

Vũ Lăng bảo rằng mình từ huyện Vũ Lăng đến. Thôn nữ nhìn ánh nắng chênh chếch trên cành đào bảo:

- Vũ Lăng là một huyện nhỏ ở miền Bắc xứ Trung Nguyên. Ông bà tôi có thường kể cho tôi nghe rằng ở xứ đó thuộc Nam Thiểm Bộ Châu, xa xôi biết mấy ỨC ĐẶM ĐƯỜNG THIÊN LÝ.

Vũ Lăng nói: - Thế mà tôi từ đó đến đây chỉ có bảy hôm. Thôn nữ kinh ngạc:

- Chỉ có bảy hôm thôi ư? Thế thì du khách có duyên phúc nên mới đến đây trong t h ờ i gian ngắn như thế.

Cô mời Vũ Lăng lên nhà. Chàng được cha mẹ và anh chị em cô thôn nữ tiếp đãi ân cần. Chàng được uống trà thơm, ăn những tấm bánh tấm mật ong và trái đào làm mật thơm ngọt. Sau đó là bữa cơm chay với rau sắn nấu canh, nấm và măng tươi xào cùng những thứ rau thơm, ngọt bùi mà chàng không biết tên. Ông cha bảo:

- Hôm nay là ngày đứa con gái lớn của tôi được đứng mười lăm tuổi. Theo truyền thống ở vùng này, cô nào vừa tuổi trăng rằm gặp được người đàn ông đầu tiên, tức là phải k ết duyên với người đó. Nếu quý khách không chê nó thô lậu, xin cho phép nó nâng khăn s ử a túi quý khách.

Vì quá say sưa về kiêu diễm của cô thôn nữ, Vũ Lăng sốt sắn nhận lời. Cha và hai người anh cô thôn nữ đào đất để lới ra những hũ rượu làm bằng trái bầu, tuồng độ thật nhẹ, nhưng hương vị thật nồng ngọt, say sưa. Bà mẹ và hai cô em gái làm bánh bằng sữa dê, sữa trâu, sữa bò, hoặc bánh nhồi trái cây. Sau đó, cô thôn nữ mở ruộng, lới ra tấm áo vai gai mới có vẽ hoa đào. Tiệc cưới kéo dài ba ngày. Khách dự đám đến đem sữa, mật ong, trái cây, rau để làm quà. Tiệc cưới vẫn là tiệc chay. Ở đây, không có ai giết gia cầm để ăn thịt, hoặc chài lưới tôm cá để dọn cỗ bàn.

Vũ Lăng sống ở quê vợ ba năm. Chàng quen dần nếp sống chay lạt và thanh nhàn nơi đây. Vợ chàng sinh cho chàng hai cậu con trai xinh đẹp, để thương. Nhưng bỗng một hôm chàng động lòng nhớ quê, nhưng chàng lại nghĩ không còn ai là thân thích ruột rà, ngoài gia đình người chú, nên không có ý định trở về. Từ ba năm nay, rau dưa hoa quả ở đây biến c h à ng thành người hầu như thoát tục, tâm hồn chàng thư thái, lâng lâng. Chàng thường có dịp soi bóng trong ao: chàng thêm lực lượng, trẻ trung, sáng láng, thân thái phiêu dật khác thường. Một hôm, có một thiếu niên lạc đến vùng thôn ở trong rừng đào này. Đó cũng vào tiết xuân hoa đào nở rộ. Thiếu niên cho biết rằng mình cũng từ huyện Vũ Lăng đến. Hỏi ra, chàng ta là cháu sáu đời của người em con nhà chú của chàng. Bây giờ, vợ chàng mới bảo:

- Đây là Đào Hoa ở một thôn ở cõi thiên tiên. Một ngày ở đây bằng một năm ở cõi trần. Ở đây, chàng có thể tu hành, để đến một cảnh giới cao hơn cõi này. Nếu chàng có ý định trở về, thì chàng phải rời khỏi nơi đây, vinh viễn không còn cơ duyên nào để trở lại sum họp với mẹ con thiếp nữa.

Đó, bạn xem, đâu có cần ông Einstein mới hỏi mà người Trung Hoa đã sáng tác một truyện nói về thời gian đi biệt lũng trong câu chuyện tình có một kết cuộc đẹp như một b à i

thơ ca tụng mùa xuân hôn phối. Những truyện "Lưu Thần nhập Thiên Thai" lại có kết cục bi thảm hơn.

Lưu Thần và Nguyễn Triệu là hai chàng hàn sĩ thi rớt trở về nhà, lòng chán ngán t h ệ tục. Vốn thông hiểu y lý và dược thảo, khi đến núi Thiên Thai, hai chàng cố ý đi hái cỏ thuốc. Nhưng lúc đổ vào tiết mạnh thu, cây lá chớm vàng. Hai chàng vẫn thấy tiết thu đẹp cái đẹp lồng trong sự chết chóc, tàn tạ. Cứ men theo dòng suối cạn, hai chàng mãi miết đi về nguồn. Thời tiết càng lúc càng bớt lạnh. Qua ngày thứ mười bốn, cả hai đến một vùng cỏ rêu xanh phủ trên đá, có suối chảy buông ra tiếng đàn thánh thót, có ánh dương quang âm áp. Hai chàng cứ đi tới nữa, lạc vào vùng trời xuân ấm áp. Vạn thọ, hải dương, mẫu đơn, ngọc đào mọc tràn đầy. Cây phong, lê liễu, thanh tùng, ba tiêu trở lá non mơn mơn. Rồi đó tử trong rừng, hươu sao, thỏ trắng chạy ra chào khách. Hai chàng đã đến vùng đền đài xây bằng đá sáng ngời như pha lê, lối đi rải hạt hồ phách, trần châu.

Lưu Thần, Nguyễn Triệu đã lạc vào cảnh giới Thiên Thai vào mùa hội Bàn Đào. Chàng g ấ p hai vị tiên nữ tên là Ngọc Chân, Bội Hoàn đang lúc xách giỏ lam đi hái hoa và hái đào tiên để dọn tiệc. Cả hai đều đẹp. Ngọc Chân khỏe mạnh, dáng dấp mềm mại, sắc diện chói - chan như mặt trời. Bội Hoàn mảnh mai tha thuốt, sắc diện sáng mát như trăng rằm. Do theo sự hướng dẫn của hai tiên nữ, hai chàng hàn sĩ được diện kiến với nữ tiên chủ. Đó là một thiếu phụ đẹp vừa lông lẩy vừa uy nghiêm, ngồi trên giường thất bảo, chung quanh có các tiên nữ cầm quạt trĩ thùy, cờ thêu long phụng, bình ngự hướng dưng hầu. Nữ tiên chủ bảo: - Hai vị đã đến đây là do phúc báu của đời trước, lại gặp hai con em là Ngọc Chân, Bội Hoàn của tôi. Vậy tôi xin tác thành hôn nhân cho chúng nó với hai người.

Lưu Thần kết hôn với Ngọc Chân, Nguyễn Triệu sánh duyên với Bội Hoàn. Tiệc cưới bày đầy sơn hào hải vị, có rượu quỳnh tường, ngọc dịch. Ở đây không có mùa hạ, mùa thu, mùa đông, mà chỉ thuận là một mùa xuân miên viễn. Do đó, mà khung cảnh trở nên nhàm mắt đối v ớ i họ Nguyễn, họ Lưu. Lại nữa, Ngọc Chân lẫn Bội Hoàn đều hiền hậu, đoan nghiêm, không hề biết ồn thót, lãng lơ, gợi tình, nên Lưu Thần, Nguyễn Triệu lại chạnh nhớ những danh kỳ s ắ c nước hương trời, biết mảnh khỏe gây tình, gợi dục ở kinh đô Trường An. Cứ miên man nghĩ tới cõi phàm trần, hai chàng đồng lòng nhớ quê, nên ngó ý với vợ xin phép về thăm q u ề một chuyến. Ngọc Chân, Bội Hoàn buồn rầu nói:

- Lòng của hai chàng vẫn còn nhiễm trần cấu, không sao gọi rửa. Âu cũng là cái nghiệp vậy.

Hai nàng tiên nữ liền thưa với vị nữ tiên chủ. Bà cũng tỏ vẻ buồn rầu, nói:

- Chúng ta không thể giữ người muốn dứt áo ra đi. Vậy hai em sửa soạn đưa hai chàng ra về.

Ngọc Chân và Bội Hoàn đưa Lưu Thần và Nguyễn Triệu ra khỏi núi. Hai chàng ghi dấu trên một tảng đá để có ngày trở lại.

Nhưng khi cả hai về tới quê nhà, cảnh vật đều thay đổi. Lớp người đồng thế hệ với h ọ không còn một ai. Hỏi ra, có một thôn dân bảo:

- Tôi có nghe nói tổ tôi thường bảo: cách đây ba trăm năm, có hai vị Lưu Thần và Nguyễn Triệu đi vào núi Thiên Thai hái thuốc rồi bị hùm beo vồ mất xác...

Lưu Thần và Nguyễn Triệu buồn rầu bỏ làng, lần theo dấu cũ tới núi Thiên Thai. Hai chàng được gặp lại tảng đá ghi dấu xưa; nhưng dù cố men theo lối vào lâu đài, hai chàng chỉ gặp có núi bồng rừng bát ngát, nên ngậm ngùi trở về. Giữa đường họ gặp một cụ tăng liền hỏi:

- Năm xưa ở đây có lâu đài đỉnh tạ và một cảnh giới quanh năm lông lẩy trong mùa xuân tươi thắm. Nay vì sao lại chỉ có phong cảnh tiêu điều, man rợ đầy gai góc, sỏi đá n h ư thế này? Hay đó chỉ là một ảo ảnh, một huyền ảnh của ma quỷ bày ra chăng?

Du Tăng bảo: - Nếu canh năm xưa là ảo cảnh, là huyền mộng thì cảnh trần gian là thật phải không? Thật ra những cảnh giới mà chúng ta đã thấy, đã sống đều như huyền, nhưng không phải huyền, mà cũng không phải chân, do nghiệp lực ta mà hiện ra đây thôi. Năm xưa do phúc báu hai ông đến đây, và cũng do nghiệp, thức chiêu cảm nhẹ nên các ông đã gặp được cảnh tiên. Nhưng lòng trần hại ông chưa tẩy sạch, hai ông còn mơ tưởng cuộc đ ờ i bon chen, nên nghiệp thức chiêu cảm lại thêm nặng. Do đó, khi trở lại đây hai ông không thấy rõ cảnh tiên bang. Cảnh giới này vẫn còn tồn tại như khi hai ông đặt chân đến, nh

nghiệp thức giữa người tiên và nghiệp thức của hai ông khác nhau quá xa, hai ông là m sao thấy rõ được.

Lưu Thân hỏi: - Nhưng khi còn ở cảnh tiên, vọng niệm chúng tôi đã nổi lên, tại sao chúng tôi vẫn thấy cảnh tiên?

Du Tăng cười buồn: - Vì lúc đó duyên nợ giữa hai ông và Ngọc Chân cùng Bội Hoàn chưa dứt. Họ dùng thần thông để nâng đỡ nghiệp thức của hai ông thêm phần thanh thoát, nên trong nhân giới của hai ông, cảnh tiên vẫn còn tồn tại. Giờ đây tình duyên đã hết, hai nàng tiên đã rút phép thần thông nên hai ông đã đến cảnh tiên chỉ thấy gai góc, sỏi sạn, cỏ hoang, bụi rậm đầy dẫy.

Du Tăng ung dung chống tích trượng bước đi. Lưu Thân, Nguyễn Triệu lấm lũi theo sau. Cả ba cùng đến một ngôi sơn am dựa lưng vào vách đá. Du Tăng ngoảnh lại bảo:

- Hãy ở đây, hỏi những kẻ lối bước đường tiên tục. Phất dao vô thương mở rộng cho chúng sinh. Bỏ mê tìm giác thì chẳng những xa lánh được cõi trần uế trước, mà bỏ luôn cả nhân giới quần tiên để đi vào cõi Bồ Đề.

Hai chàng đều cúi xuống, lay du Tăng và thưa:

- Xin sư phụ làm kẻ dẫn đường, giúp chúng con tu hành, lánh mê trừ khổ. Khi du Tăng chấp tay niệm Phật thì hai mái tóc xanh bóng rưng sạch và hai chiếc cằm bảo đới thành hai chiếc ảo nhật bình.

Hai truyện "Chàng ngư phủ huyện Vũ Lăng" và "Lưu Nguyễn nhập Thiên Thai" là truyện do người Trung Hoa sáng tác bằng cách truyền khẩu, còn truyện "Tứ Thúc lạc non tiên" là truyện truyền kỳ của người Việt, sau đó được Phạm Duy Khiêm, Nguyễn Tiến Lăng, Thái Văn Kiêm viết bằng tiếng Pháp trong các tập truyện truyền kỳ, huyền thoại của họ để giới thiệu với độc giả Tây phương cái kho tàng truyền kỳ, huyền thoại của dân tộc Việt. Truyện này cũng thơ mộng không kém hai truyện trên, vì truyện truyền kỳ nào mà chẳng kỳ, thơ mộng? Nếu không, thì tại sao chúng được phổ biến trong nhân gian và tồn tại vượt thời gian?

Tứ Thúc sinh vào triều đại nhà Trần, tại làng Tiên Du tỉnh Bắc Ninh. Ông theo tập âm, được làm quan, nhưng vốn tính phóng khoáng, thích tiêu dao sơn thủy và ngâm thơ vịnh nguyệt. Một hôm, nhằm ngày Tết Nguyên Tiêu, bốn mẫu đèn ở chùa Hoa Nghiêm bỗng nở một bông hoa lạ như một cái bát đựng canh, màu trắng muốt như ngọc. Quan huyện sợ tại liên tổ chức Hội Mẫu Đồn. Du khách ở các làng, các tổng lân cận kéo về xem hoa đập đầu. Tứ Thúc cũng đến đó xem hoa. Bông đèn có một cô gái tuổi đôi tám, nhan sắc tươi thắm, áo lụa hồng phấp phới, đầu quấn khăn vành dây lụa vàng, kiềng vàng chạm, vòng xuyên, nhân, hoa tailóng lánh. Mọi người đang ngắm hoa, rồi lại ngắm cô ta. Cô gái đưa bàn tay búp măng ra vút ve hoa, vì sợ ý nên nàng chạm mạnh, hoa liả nhánh mềm, rung xuống bốn. Lĩnh lệ đổ ập ra bắt trời nàng. Cô gái sợ hãi, không biết tính sao, nước mắt tuôn như suối. Trước cảnh tình đó Tứ Thúc bảo lĩnh lệ:

- Nhờ các túc hạ trình với huyện quan, tôi xin đem áo gấm chuộc tội cho vị cô nương đáng thương kia.

Lĩnh lệ vào trình quan huyện, quan huyện ngắm nghĩ rồi phán:

- Hoa là nợ cũng là duyên. Hoa rụng cũng là nghiệp. Thời thì các người nên tha tội cho cô gái, không cần lấy áo gấm của Tứ quan nhân làm gì. Lĩnh lệ vâng lời ra báo Tứ Thúc:

- Quan huyện nhà chúng tôi xin tha, cô gái và không cần phải lấy áo chuộc của qu a n nhân. Cô gái được tha, then thùng cam tạ Tứ Thúc:

- Thiệp tên Giáng Hương, con nhà hào phú trong núi Yên Tử. Tết Đoan Ngọ tới, xin quan nhân tới đó, song thân thiệp sẽ đáp đền.

Nàng rút trên mái tóc một chiếc ngọc thoa đưa cho chàng. Chàng mãi mê nhìn giai nhân mà quên hỏi thêm chi tiết về quê quán của nàng. Giáng Hương liền kiêu tự ra về, bảo là ở trọ nhà người di gần giốc đê Yên Phụ. Khi giai nhân khuất bóng, Tứ quan nhân chiếc ngọc thoa. Đó là một thứ ngọc đỏ như sơn tụy, trong vắt và chói ngời, không hẳn là ngọc lưu mà cũng chẳng phải là hồng ngọc, chạm trở hình bông sen mãn khai.

Trước Tết Đoan Ngọ, Tứ Thúc thức dậy vào lúc rạng đông, ăn mặc gọn gàng, rồi cỡi ngựa đi về núi Yên Tử. Tới nơi, chàng không biết đâu là làng xóm. Bốn bề cây rừng mù mịt, đá núi chập chùng. Chàng buộc con ngựa vào cột thông ngồi nghỉ mệt. Đêm xuống, chàng ngẩn ngơ

xem tiếp trang 54

Hạnh phúc của Thi

Yên Nữ Hiên Thủy

(tiếp theo)

Chi V cầm tờ giấy nhỏ của Thi đưa cho Thấy. Thấy cười thật từ bí và nói: "Thôi, chi V đọc to lên cho các em nghe với... bọn chúng đang nhón nháo kia..." Anh D ra hiệu cho nhóm oanh vũ im lặng. Chi V bắt đầu đọc:

Lòng con...
Thầy ơi! con trẻ dại khờ
Tuy còn ít tuổi làm thơ lục vân
Tâm chú con dè ở gần
Gọi là lục bát cân phân rợ ràng
Ngây ngây nhìn cánh phù phàng
Đêm đêm ngồi học trên bàn đọc kinh
Cầu xin chư Phật chứng minh
Trẻ thơ xin giữ trọn in lời vàng...

Chi V đọc xong, lúc này Thuyên hết thắc mắc nó xoay lại nhìn Thi cười trừ, trông bộ mặt nó dễ ghét làm sao? Anh D nhìn Thi cười và nói dí dỏm: "Khá, bài thơ này thuộc loại thơ con cóc... đáng thưởng cho ba xu". Anh D vừa dứt lời, bọn Như Hương nó la to: "Thơ của Diễm Thi hay như vậy mà anh mua có ba xu hà... rồi nó biểu môi nói tiếp... giá rẻ mà hà bọn Hương nhất định không bán cho anh đâu. Phải không Diễm Thi?" Thấy các bạn trẻ a nh cãi về bài thơ nhỏ của mình Thi không biết nói gì nên đành im lặng mặc cho bọn chúng làm sao thì làm. Thấy bọn nhỏ tranh cãi với anh D kéo giá, Thấy khoát tay và nói: "Thôi, được rồi để Thấy mua cho một đồng chịu chưa?" Nghe Thấy mua với giá một đồng Như Hương nó đành gật đầu chịu giá không dám kỳ kèo nữa.

Thấy nói tiếp: "Thơ con nít như vậy cũng khá rồi. Các em khác trong đội oanh vũ cũng như thiếu niên nên tập làm thơ hay viết đôi ba truyện ngắn nhỏ. Mùa Vu Lan năm tới Thấy hướng dẫn các em làm một tờ bích báo gồm những bài thơ, hồi ký, hay những chuyện vui chế han như dõ meo..."

Mãi lo bàn cãi đã đến cô nhi viện lúc nào không ai hay. Xe dừng lại trước cổng. Bây giờ, chi V phát loa báo các em tuân tự xuống xe đứng chung lại một chỗ chờ anh D đến, ban tổ chức tìm anh hướng dẫn viên cho các em. Bích Thuyên tò mò dạo mát nhìn vào sân cỏ r ô i chợt la to: "Thi! xem kia trong sân chơi có nhiều oanh vũ ghê ho đang bày những trò chơi có vẻ vui lắm". Nghe Thuyên nói, chi Thu Hà quay lại nhìn, chi cười hỏi. Thi có vui không? Thuyên cướp lời Thi nó nói: "Vui lắm chi a!" Anh D trở lại với một anh đoàn trưởng khác. Anh giới thiệu với đoàn sinh: "Đây là anh Lam Liên đoàn trưởng gia đình ở vùng này. Bây giờ anh Lam sẽ hướng dẫn các em vào sinh hoạt chung với những oanh vũ gia đình khác. Chiều nay chúng ta sẽ gặp lại nhau, còn các em thiếu nữ theo chi V, các em thiếu n i ê n theo anh... Thôi chiều gặp lại nhé..."

Anh D chi V cùng các anh chị thiếu niên đã di khuất, để lại đám oanh vũ láo nháo trước sân. Anh Lam đến với bọn Thi và nói: "Các em theo anh vào sân sinh hoạt với oanh vũ trong kia nhé." Mất anh D và chi V, bây giờ được anh Lam hướng dẫn nên cả bọn oanh vũ rủ nhau riu riu đi theo anh Lam.

Bước vào sân cô nhi viện nhìn chung quanh. Đây là một khoảng đất khá rộng lớn, cây c ô i xum xuê có tầng long che mát. Cảnh vật thật thiên nhiên trông rất hợp mắt. Nơi sân chơi có những hàng trầu bà leo quanh tường. Những đóa hoa hướng dương sắc vàng rực rỡ d a ng nghiêng mình về mặt trời tìm ánh nắng chói chan đó. Bên cạnh những chậu cúc vàng, trắng đua nhau xòe nở. Những cánh hồng nhung đỏ thắm đang ngĩa mặt nhìn trời như khoe vẻ đẹp

kiêu sa ngà ngọc của mình trên nền trời có non xanh nước. Vài chú bướm, chú ong nhón-
nhờ bay lượn qua lại với đôi cánh đủ màu. Đặc biệt nhất là hồ nước trong veo có vài
dóa sen trắng, hồng dong dula qua lại theo làn gió, thoảng ra một mùi hương kỳ diệu. Ôi!
tuyệt mỹ làm sao. Tiễn vào bên trong nữa có hàng cây vú sữa dạng oản trái, hàng mận
hồng đào, dây hoa, và cây chùm ruột oản cảnh nhuộm trái vàng ôi khiến cho người đứng
trông phải thêm thương.

Giữa bầu trời trong xanh, rất thơ mộng, không khí tươi mát cùng trăm hoa đua nở. Cảnh
vật chung quanh thật hữu tình như để níu kéo quyến rũ người đến... quên về.

Đang lo ra mãi mê ngắm cảnh vật, bỗng ba tiếng còi thổi tập hợp các oanh vũ trong sân
dừng chỗi lại. Chúng nhìn bọn Thi bằng đôi mắt ngây thơ tròn xoe trên trời. Anh Lam
nhìn chỉ đoàn trưởng và nói: "Đây là các em oanh vũ gia đình OG vừa mới đến, chị hướng
dẫn cho các em vào sinh hoạt với." Nói xong anh Lam trở lại văn phòng ban tổ chức. Chị
nhìn bọn Thi rồi hỏi: "Các em cả thầy, được bao nhiêu?" Đại diện oanh vũ Thi đáp: "Đã
khoảng hai mươi oanh vũ cả nam và nữ." Chị nhìn bọn Thi nói tiếp: "Thế à! chị tên Ánh
Mai, đang hướng dẫn các em chơi trò "tìm vật", các em vào đây chơi chung cho vui.

Sau khi chị Ánh Mai giải về trò chơi, oanh vũ nào cũng thích thú. Chị nói, thời bây giờ
các em chia ra làm hai đội. Phân nửa thì bị bịt mắt số còn lại đi giấu đồ, sau khi giấu
xong các em mở khăn ra cho các bạn mình đi tìm. Đội nào tìm được vật gì thì giữ vậ t
ấy để làm kỷ niệm buổi sinh hoạt chung của chúng ta hôm nay.

Trò chơi được kéo dài hơn hai tiếng đồng hồ thì chấm dứt, đội thi tìm được quả bóng đủ
màu, chiếc khăn quàng xanh dương, hộp bút chì, những con búp bê nhỏ nhỏ... v.v...

Trò chơi được ngưng sau ba tiếng còi thổi tập hợp của anh Lam. Bây giờ trong sân đã
đầy nghẹt những đoàn sinh. Tất cả đều tập trung thành một vòng tròn to lớn. Anh Lam
chị Mỹ Liên đứng chính giữa. Anh nói: "Chúng tôi đại diện cho tất cả các em cô nhi ở
đây xin chân thành cảm ơn sự góp mặt của các anh chị huynh trưởng cùng các em đoàn
sinh của mọi gia đình Phật tử các quận. Các anh chị không quản ngại đường xa xa xôi
hướng dẫn các em đến nơi miền quê heo lánh này để dự lễ hầu giúp vui cho các em c ô
nhi ở đây. Chúng tôi xin thay mặt cho toàn thể ban tổ chức gửi đến các anh chị liên
đoàn trưởng, thanh thiếu niên cùng các em oanh vũ một lời chào mừng nồng nhiệt." Anh
Lam vừa dứt lời thì một tràng pháo tay dòn dã được nổi lên. Tiếp lời anh Lam, chị Mỹ
Liên nói: "Thưa các anh, chị và các bạn cùng các em oanh vũ thân mến! Sau khi ăn c ó m
chiều, khoảng 7 giờ tối nay, chương trình được mở đầu là "hội đèn". Tiếp đến nhạc khúc
rước đèn của các em trong sân, sau đó chúng ta chơi lửa trại. Các đoàn ngồi chung lại
sinh hoạt với nhau, ăn bánh trung thu uống nước trà. Phần cuối cùng là màn văn nghệ tự
do, xong chia thành từng đôi các em thanh thiếu nữ, các oanh vũ ngồi lại với nhau kết
bạn... hay kể chuyện vui. Chương trình được chấm dứt lúc 12 giờ và giải tán đi ngủ.
Mong các anh chị nhớ cho. Chúng tôi xin thành thật cảm ơn.

Cơm chiều xong, lật bật đã gần 7 giờ. Ánh hồng của buổi hoàng hôn tàn dần nhường l a i
cho đêm tối. Những ánh đèn nê ông quanh sân được bật lên làm sáng cả vùng sinh hoạt.
Bây giờ trăng đã lên tròn trĩnh với ánh sáng vàng êm dịu chiếu xuống hoà với đèn điện
làm sáng cả sân chơi. Mặt nguyệt tròn vĩnh. Nhìn trăng, Thi trầm nghĩ; thời phải rồi hôm
nay là rằm tháng tám, Tết Nhi - Đông mà!

Ánh trăng chiếu soi vắng vác, nhìn lên trăng, Thi thấy có những vết chấm đen rõ rệt làm
Thi nhớ lại ngày xưa khi còn bé ở quê ngoại. A! đúng rồi hồi còn nhỏ cũng vào dịp trung
thu này, ngoại cấm cụ làm cho Thi chiếc đèn đồng tiền đỏ, để Thi đi dự hội "trăng rằm"
trong làng của thiếu nhi. Tối về, bên hàng đầu Thi ngồi trong lòng ngoại v o i n g h e
chuyện đời xưa. Vừa nhai trầu bóm bém, ngoại đưa tay hướng về mặt trăng chỉ những đám
đen và hỏi: "Bà đó Thi, tại sao trên mặt mặt trăng có những vết đen ấy? Sau một hồi suy
nghĩ, Thi không tài nào giải đáp được đành chịu thua Bà. Ngoại nói tiếp: "Bây giờ bà kể
cho cháu nghe chuyện "Chú cuội cây đa" cháu nhé. Thi tiếp lời ngoại: "Bà kể cho cháu
nghe đi". Bà nhìn Thi cười thông thả vào chuyện...

Thuở xưa, có một anh nông dân cần cù nhưng rất hiếu thảo với cha mẹ. Khi cha anh q u a
đời để lại cho mẹ con anh một thửa ruộng. Từ lúc còn sanh tiền ông thường dạy anh phải

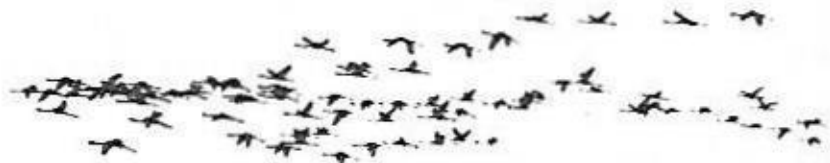
siêng năng làm việc, chớ tiện của không tự nhiên mà có được, mình phải tự lập bằng mồ hôi nước mắt của chính mình, không nên ỷ lại vào bà con dòng họ...

Cha anh qua đời, nhờ lời cha dạy anh làm việc rất siêng, chăm lo mùa màng. Kết quả năm ấy anh thu gặt thật nhiều lúa. Mẹ anh đã già yếu, ý bà muốn cho anh thành gia thất. Bà hỏi một cô gái ở xóm trên tánh tình hiền hậu cho anh lập gia đình. Anh vâng lời mẹ dạy. Vợ anh là một cô gái có sắc, tánh tình đoan trang, nét na thùy mi. Cô chỉ kém một điều là hơi lơ đãng công việc nhà. Dù vậy, anh chàng rất cứng chịu vợ, hai người chung sống với nhau thật hạnh phúc. Ít lâu mẹ anh cũng khuất bóng, bà để lại gia tài nhỏ mọn cho vợ chồng anh.

Một buổi sáng nọ, anh ra đồng làm việc như thường lệ. Trưa đến anh vào chiếc lều nhỏ nghỉ ăn cơm trưa. Anh rất đỗi ngạc nhiên, khi vừa bước vào trông thấy có một cây con cành lá xanh tươi tốt nằm cạnh chiếc chõng tre. Anh nhìn cây thầm nghĩ: ta mang cây này về trồng ở phía sau nhà chơi cho vui. Chiều lại trên đường về nhà, anh mang theo một cây nhỏ mà anh đã bứng ban trưa. Về đến nhà anh tưới tưới cười nhìn vợ và nói: "Anh có bứng được cây này trong lều mình đây. Tôi định đem nó trồng phía sau nhà để chơi cho vui mình nhé". Cô vợ gặt đầu chịu ý chồng. Thế rồi vợ chồng anh nông dân lui cui đào đất trồng cây xuống. Ngày ngày sau khi ở ruộng về anh chăm lo vun phân tưới nước, lòng mong cây chóng lớn. Vì được chăm nom kỹ lưỡng, ít lâu cây vượt lớn xum xuê cành lá xanh tươi tốt.

Một hôm nọ cô vợ anh chửi cưởi, vì vô ý nên chém nhát búa vào tay mà u tuôn linh láng. Anh hoảng hốt không biết làm sao tìm thấy vì nói anh ở là một vùng quê heo lánh lại xa quận tỉnh. Đang lúc bối rối, anh chợt nhớ đến cây lá sau nhà. Anh bèn chạy một mạch ra sau hái một nắm lá, đã ăn nhuyển đắp lên vết thương cô vợ. La thay! nắm lá kia vừa để lên, làm dịu mát vết thương chị và cầm máu ngay lập tức. Độ hai hôm sau vết thương lành hẳn chỉ để lại một vết sẹo to trên bàn tay chị.

(còn tiếp)



Fortsetzung Seite 34

denkt, eine Lösung findet und sich damit beschäftigt, sind ein besänftigtes Herz und Selbstkontrolle erforderlich, wenn man gute Ergebnisse erzielen möchte. Jeder kann das erkennen. Wenn wir uns nicht unter Kontrolle haben, sondern unsere Ungeduld und unseren Ärger sich einmischen lassen, dann hat unsere Arbeit überhaupt keinen Wert mehr.

Achtsamkeit ist das Wunder, durch das wir uns selbst bemeistern und erneuern. Denke an das Beispiel des Zauberkünstlers, der seinen Körper in viele Teile zerschneidet und jeden Teil in eine andere Richtung verstreut: die Hände nach Süden, die Arme nach Osten, die Beine nach Norden usw. ..., und der dann auf Grund einer geheimnisvollen Kraft einen Schrei ausstößt, wodurch alle Teile seines Körpers wieder zu einem Ganzen zusammengefügt werden. Die Achtsamkeit gleicht dem - sie ist ein Wunder, wodurch augenblicklich unser zerstreuter Geist zurückgerufen und die Ganzheit erneuert wird, so daß wir jede Minute des Lebens leben können.

(Bitte Wenden)

Trang Giáo lý GDPT Bậc Chánh Thiện

B.- BẠC CHANH-THIỆN

- 1/ Sự tích Ngài Ma-Ha Ca-Diếp
- 2/ Sự tích Ngài A-Nan
- 3/ Sự tích Ngài Nguyên-Thiền
- 4/ Sự tích Ngài Liễu-Quán
- 5/ Giới tịnh Huệ
- 6/ Mục ngưu đờ
- 7/ Bốn đố
- 8/ Mười hai Nhơn duyên
- 9/ Tâm Chánh đạo
- 10/ Kinh Mười điều Thiện
- 11/ Thiện ác nghiệp báo
- 12/ Sáu đố
- 13/ Quán tướng và niệm Phật
- 14/ Tâm quan trai
- 15/ Lịch sử đạo Phật Việt-Nam từ đời Trần cho đến cận đại.

● NGÀI MA HA CA DIẾP

I. Ý NGHĨA TÊN NGÀI:

Tiếng Phạn là Ma-Ha Ca-Diếp, hay Ca-Diếp-Ba, dịch là Âm-Quang. Do công đức t h ệ p tượng trong một đời trước, thân Ngài được chói sáng sắc vàng, làm mờ các sắc khác, nên gọi là Âm-Quang. Ngài là vị Tổ đ ầ u tiên được đức Phật truyền y bát, nên truyền giáo pháp, nên cũng gọi Ngài là vị Tổ-sư thứ nhất.

II. THÂN THỂ CỦA NGÀI:

Ngài sanh ở nước Ma-kiệt-Đà, giòng Bà-la Môn, một chủng tộc có quyền thế ở Ấn-độ. Phụ-thân Ngài là Âm-Trạch, mẫu thân là Hưởng-Chí. Ngài rất giàu, nhưng Ngài không tham trước những sự sung sướng về v ậ t chất dục-vọng. Bị ép lập gia đình với một

người đàn bà đẹp ở thành Tỳ-xá-Ly, Ngài rất sung sướng được thấy vợ Ngài cũng đ ồ một niệm ly dục như Ngài, và hai vợ chồng sống với nhau hơn 12 năm, nhưng tâm thần vẫn thanh-tịnh. Sau hai người đều đi tu, và Ngài Ma-ha Ca-Diếp đến thọ giáo l ầ m đệ-tử đức Phật Thích-Ca-Mâu-Ni.

III. CÔNG HẠNH CỦA NGÀI VÀ LÒNG QUY NGUỒN CỦA PHẬT-TỬ :

Ngài tu theo hạnh đầu-đà. Lúc già yếu, Ngài cũng không thối-chuyển, trái lại còn siêng tu bội phần. Đức Phật tán thán khích lệ đệ-tử rằng: "Có hạnh đầu-đà, pháp tam đời trường tồn. (Đầu đà nghĩa là phủ rũ s ự tham trước ba món ăn, mặc, ngủ). Ngài được tôn xưng là đầu đà đệ nhất, thường đứng hầu bên tay trái đức Phật, và tượng trưng hạnh ly dục của đạo Phật.

Sau khi đức Phật nhập Niết-Bàn, Ngài hội họp Tăng chúng, gồm những vị đại đức thông hiểu kinh luật, tại nước Ma-kiệt-Đà, thành Vương-xá, núi Kỳ-xà-Quật để kết tập kinh luật, luận. Hội nghị này là lần kết-t ậ p đầu tiên, sau khi đức Phật nhập diệt. Ngài là vị Tổ-sư thứ nhất được đức Phật truyền y bát, cầm đầu Tăng chúng và truyền bá giáo pháp. Ngài lại tượng trưng hạnh ly dục hoàn toàn của đạo Phật.

Vậy nên hàng Phật-tử chúng ta luôn luôn ghi ân và nhớ ân Ngài, bằng cách đành lễ tán thán Ngài, tu học truyền bá chánh pháp và tập sống theo hạnh ly dục thanh tịnh của Ngài.



NGÀI A NAN ĐÀ

I. Ý NGHĨA TÊN NGÀI:

Tiếng Phạn là A-Nan-Đà dịch là khánh-Hỷ nghĩa là vui mừng vì:

a) Ngài sinh ra gặp Ngày Đức Phật Thích-Ca Mâu-Ni thành đạo, ngày vui mừng nhất của nhân loại.

b) Ngài là con Học-Phan-Vương em vua Tịnh Phạn. Vua Học-Phan rất rộng lượng nên từ nhỏ khi sinh được con trai, cả nước cùng chung vui mừng với nhà vua. Ngài là em họ Đức Phật, được làm thị giả. Trong những thời thuyết pháp, Ngài phần nhiều có dự thỉnh. Khi Đức Phật nhập Niết-Bàn, Ngài cúng hầu hạ một bên.

II. TIỀN THÂN CỦA NGÀI:

Kinh Lăng-Nghiêm chép: ở một kiếp quá khứ đời Đức Phật Không-Vương, Ngài cùng với Đức Phật Thích-Ca Mâu-Ni làm thiện hữu, đồng phát Bồ-đề Tâm, tu các pháp hạnh. Nhưng Ngài quá chuộng đa văn, kỹ chuyên hành đạo, còn Đức Phật Thích-Ca Mâu-Ni thì luôn luôn tinh tấn tu hành; Do nhân duyên kiếp trước, nên đời nay Ngài sinh vào giòng họ Thích, làm anh em thúc bá với Đức Phật. Lúc 25 tuổi, Ngài xuất-gia (25 năm sau khi Đức Phật thành đạo) hầu hạ Đức Phật và thọ trì chánh pháp.

III. CÔNG HẠNH CỦA NGÀI:

1) Vì kiếp trước, Ngài thiên trọng trau dồi trí-huệ, nên đời nay được trí tuệ sáng suốt hiểu nhờ cùng khắp. Ngài được tôn xưng là đa văn đệ-nhất trong đệ-tử Phật.

2) Riêng đối với phụ nữ, Ngài có công rất lớn; nhờ Ngài nài xin, Đức Phật mới cho họ phụ nữ xuất-gia tu đạo. Cho nên trong kinh Niết bàn, Phật dạy đến ngày mồng 8 tháng chạp (ngày sinh nhật của Ngài A-Nan) hàng nữ Phật-tử phải tận tâm cúng dường đảnh lễ Ngài để kỷ-niệm hồng ân ấy.

3) Ngài là vị Tổ thứ hai, tiếp nối đức Ca Diếp; Ngài đứng hầu bên tay phải Đức Phật

4) Sau khi Đức Phật diệt độ, trong thời kỳ kiết tập lần thứ nhất, Ngài vâng lệnh chỉ

Tăng, đọc lại những lời dạy của Đức Phật, Ngài đã được nghe và ghi nhớ. Căn cứ vào những lời đọc lại ấy, chúng tăng chép toàn nguyên-văn và sưu tầm kiết tập thành kinh tạng. Trong các kinh, chúng ta thường thấy câu "Như thị ngã văn" (tôi nghe như vậy) để đầu, là biểu ý tất cả kinh bộ đều do Ngài A-Nan nghe Đức Phật dạy, và chỉ đọc lại mong chánh pháp lưu thông, chứ không phải là những lời ước đoán sai lầm như kinh điển ngoại đạo.

V. LÒNG QUY NGƯỠNG CỦA PHẬT TỬ:

Công ơn đối với hậu thế của Ngài lớn nhất là sự kiết tập kinh tạng; kinh điển được lưu truyền từng nào, Phật-tử lại càng ghi nhớ ân Ngài. Ni chúng và hàng Nữ tại gia luôn luôn tôn thờ, cảm niệm ơn Đức Ngài đã xin với Đức Phật cho phải Nữ lưu xuất-gia. Tượng Ngài đứng bên tay mặt Đức Phật Thích-Ca Mâu-Ni đối với Ngài Ca-Diếp bên phía tay trái Đức Phật. Các Chùa Sư-Nữ thường hay thờ kính tượng Ngài.

LỊCH SỬ NGÀI NGUYỄN THIỀU

I. NGUYỄN QUÁN:

Ngài Nguyễn-Thiều không biết gia thế ra sao, và thân sinh cùng thân mẫu tên gì, chỉ biết Ngài họ Tạ, người Trung-hoa, quê ở Trịnh-Lương, huyện Triều-Châu tỉnh Quảng-ông bấy giờ.

II. SỰ NGHIỆP TU HÀNH:

Ngài xuất-gia năm 19 tuổi, tu ở chùa Bảo-Tự, thọ giới với Ngài Bôn-Khao Khoán Viên Hoà-Thượng bên Tàu. Đến năm Cảnh Trị thứ ba, đời Lê-Huyền-Tôn (năm Ất-Tỵ thứ 17 đời Chúa Nguyễn-Phúc-Tân 1665). Ngài đi theo tàu buôn qua An-Nam (tên cũ của Việt-Nam) ở tại phủ Quy-Ninh (Bình-Định), lập chùa Thập Tháp Di-Đà, mở trường truyền dạy. Sau ra Thừa-Thiên lập chùa Hà-Trung, thuộc huyện Phú-Lộc, rồi lên kinh-đô Huế lập chùa Quốc-An và dựng tháp Phổ-Đông (tháp ấy hiện nay không còn, vì bị quân Tây-sơn phá), ở tại Quốc-An ít lâu, Ngài lại phụng mệnh Đức Anh-Tôn (Nguyễn-phúc-Tang 1667-1691) trở về Trung-Hoa mời các vị cao

Tăng và thỉnh Pháp tượng Pháp khí. Khi về đến Quảng-Đông. Ngài mới được Hòa- Thượng Thạch-Liêm và nhiều vị danh Tăng khác, cùng thỉnh nhiều kinh điển tượng khí đem về nước Việt-Nam. Lúc ấy, Chứa Nguyễn liền sắc mở đàn truyền giới rất long-trọng tại chùa Thiên-Mụ, làng An-ninh bây giờ. Đến năm Bảo-Thế thứ 10, tháng 10 ngày 19, Ngài cho gọi tất cả đồ chúng, dặn dò mọi việc và truyền bài kệ rằng:

"Tịch tịch kính vô ảnh
Minh minh châu bất dụng
Đường đường vật phi vật
Liều liễu không vật không"

Ngài muốn khai thị chúng Tăng biết T h ệ pháp-thân thanh-tĩnh trong sáng như bức gương, tuy hiện-tiền sự vật có sai khác, nhưng đều là một thể pháp-thân biến-hiện thể pháp-thân thường vắng lặng mà không phải là không, tức là lý chơn không diệu-hữu vậy. Sau khi truyền bài kệ, Ngài ngồi yên lặng viên-tịch. Tháp Ngài hiện nay dựng bên một đồi nhỏ thuộc xóm Thuận-Hòa, làng Dương-Xuân-Thượng lấy hiệu là Hóa-Môn. Vua Hiến Tôn được tin Ngài viên-tịch, liền ban thụy hiệu là "Hạnh Đoan Thuyền sư", và có làm bài minh khắc ngoài bia để tán thán đạo đức Ngài.

"Ưu ưu bất nhĩ
Thủy nguyệt ưu du
Trạm tịch cố liễu
Quán thân liễu không
Biển phú tử vân
Chiêm chí nghiêm chí
Đường đường phạm thất
Giới trì chiếu lật
Trác lập khả tắc
Hoảng giáo lợi vật
Phổ chiếu huệ nhật
Thái sơn ngật ngật".

III. ẢNH HƯỞNG ĐẠO ĐỨC:

Ngài là vị tổ truyền phái Lâm-Tế, đầu tiên ở Trung-kỳ, và cũng là người đem đạo Phật đến truyền bá ở Thừa-Thiên trước nhất. Hiện nay ở Thừa-thiên có hai chùa Quốc-An và Hà-Trung, ở Bình-Định có chùa Thập-Tháp là do Ngài khai sáng. Chính tự thân Ngài qua thỉnh bên Trung-Hoa các vị Cao-Tăng như Ngài Thạch-Liêm, Ngài Tử-Dung,

Ngài Tử-Lâm, Ngài Thuyền-Lâm qua lập giới đàn đầu tiên ở Thừa-thiên, sau các Ngài này đều ở lại lập chùa Tử-Đàm, Thuyền-Lâm Tử-Lâm, Khánh-Vân v.v... Nhờ vậy dân chúng được thấm nhuần ảnh-hưởng tốt đẹp của đạo Phật. Hiện nay những ngôi chùa ấy vẫn còn và đều là những ngôi chùa danh tiếng nhất ở Thừa-thiên.

Tiếp theo trang 13

trở lòng nhớ quê hương của anh. Nhưng cõi Diêm Phù (cõi hồng trần) nhỏ hẹp, chốn trần ai liên lụy, nếu anh trở lại ẽ vườn hoa a sân liễu không còn cảnh sắc thuở ngày xưa. Nói rồi Giảng Hương đi thừa lai với Phu nhân. Ngụy phụ nhân bảo:

- Không ngờ Ông còn lòng trần ai r ầ n g buộc mà xoắn xang không yên đến như thế. Nhân đó, Phu nhân ban một chiếc cam vân xa (xe mây gấm) còn Giảng Hương thì trao một bức thư và bảo:
- Ngày sau xem đây chớ quên tình cũ. Nói rồi nâng rẫy nước mắt mà từ biệt.

Trong nháy mắt Tử Thúc đã về đến nhà, thành quách và nhân dân đều khác hẳn xưa. Tử Thúc vừa ngâm ngùi muốn trở lại thì chiếc xe mây đã biến thành chim loan bay đi, xe thơ ra xem thì thấy có câu:

Kết loan lưu' vân trung, tiên duyên d ấ i
đoạn.
Phóng tiên sơn u' hải thượng, hậu hồi v ớ
nhân.

結鸞侶於雲中前緣已斷
訪仙山於海上後會無因

DỊCH NGHĨA

Kết duyên ở trong mây (cõi tiên), t i nh
duyên thuở trước đã dứt.
Tìm núi tiên trên biển, dịp gặp gỡ ngày
sau thì không còn duyên đó.

Xem rồi mới hiểu Giảng Hương đã bằng lòng cho mình ly biệt, rồi ảo, nhẹ nòn gánh, Tử Thúc vào núi Hoàng sơn ở huyện Nông Công.

Về sau không biết cuối cùng như thế nào.

Câu phong dao này than thở cho Tử - Thúc chưa dứt duyên trần.

(Còn tiếp)

trước ngôi cổ miếu, ngoảnh đi ngoảnh lại, con ngựa đã đầu mất. Đang lúc Tử bối rồi, thì chợt thấy ánh trắng chiếu một vệt dài như tấm lụa bạch giữa khoảng bóng cây tối âm u. Và kia, một chiếc Thạch Kiệu hiện ra, dưới cầu, dòng suối bạc reo thành thót. Tử tần ngẩn đứng đây, đi theo vệt trắng sáng vào sâu trong núi, cho đến lúc trời ửng sáng, con sáo mai lông lạnh mọc ở phương Đông.

Rồi nâng lên chiếu rõ cảnh lâm tuyền. Mà la kia, ở đây không phải là mùa hạ như ở chốn đế kinh. Thông xanh mơn mớn, trúc óng muốt, đào tươi thắm, liễu dương tha thướt. Trong bóng râm tiếng chim vàng anh véo von. Trên đồng lúa mạ rờn xanh, bầy sơn ca hót riu rít. Tử men theo ngọn Tiêu Khê trong vắt đi vào một cảnh trí rúc rỏ có lâu đài, đình tạ. Ở đây, cảnh trí cực kỳ tú lệ hiện ra. Thành quách xây bằng đá lông lân ngũ sắc. Lâu đài xây bằng đá men bích lục như đá thạch anh, kèo cột bằng đá trắng như sữa đặc chạm trổ long, lân, qui, phụng. Một đình đồng to đặt trước lâu đài, khói thơm tuôn ra ngào ngạt rồi kết thành những đóa tường vân ngũ sắc lơ lửng trên không trung. Một đàn thiếu nữ đang chơi đánh cầu ở trước lâu đài, vừa thấy Tử liền mừng rỡ kêu lên:

- Chú rể họ Tử đã đến kia. Phu nhân chúng tôi và Giáng Hương đang chờ chàng đó. Họ đưa chàng vào ngôi bảo điện có rèm châu, màn ngọc. Một vị phu nhân đứng tuổi, dung nhan kiều mi ngôi trên phương ý, mặc áo hồng cầm sa đỏ chói thêu kim tuyến rúc rỏ. Giáng Hương mặc áo màu hoàng yến đang cầm phất trần màu đỏ đứng bên. Tử vừa thoát thấy phu nhân liền sụp lạy, Phu nhân bảo:

- Tôi là thứ phi của Đức Nam Nhạc Đại Đế. Phu quân tôi là chúa tể các sơn thần, thổ địa địa tiên ở các dãy núi phương nam đất Trung Nguyên, tức là các núi nước Đại Lý và nước An Nam đây. Hiện nay phu quân tôi đi châu Đức Ngọc Đế. Tôi có nghe con em Giáng Hương báo túc hạ cộ công cứu nó khỏi mắc vòng lao lý vì tội làm rụng bông mẫu đơn trong tiết Nguyên Tiêu ở Đế Đô Thăng Long. Nó có duyên nợ với túc hạ. Nếu người không chê nó là thứ có nội hoa hèn, tôi xin xe duyên nó cho người. Tử mừng rỡ, nhưng lại nói:

- Lệnh muội là bậc thiên tiên, kẻ phàm nhân thô lậu này đâu dám cầu cao mà mơ chuyện giai ngẫu. Phu nhân cười bảo:

- Điều đó, xin người chớ lo. Đây là duyên kỳ ngộ thì chuyện kẻ tục người tiên đâu có sá kể gì. Lập tức phu nhân truyền thi nữ dọn dạ yến, trang hoàng phòng hoa chúc và cộ làm lễ hợp cẩn ngay trong đêm đó.

Tử được sánh duyên với Giáng Hương chỉ mất nguyên trong ba năm đầu. Mỗi khi cùng vợ ngao du trên đỉnh núi, chàng vén rèm sương nhìn về Đế Đô Thăng Long, lòng vương mắc tình hoài hương chan chứa. Một hôm, chàng bảo vợ:

- Xin hiến thể tâu lai phu nhân cho phép tôi về quê thăm viếng mộ phần song thân. Giáng Hương sa nước mắt, nhưng cũng chịu chông tâu tự sự với phu nhân. Phu nhân ngâm bảo:

- Nếu Tử lang quyết lòng thì muội muội hãy sắm sửa hành trang đưa chàng về. Phu nhân tặng Tử một xâu chuỗi hạt châu. Giáng Hương dựa chông ra khỏi núi, và trước khi chia tay nâng đưa cho chông một cái túi gấm. Vừa ra khỏi núi, Tử thấy chiếc Thạch Kiệu đã mất, tấm đá dựng chắn ngang, lớn vón mây mù, sương đặc. Tử mở túi gấm thì thấy hai đĩnh bạc, một đĩnh vàng và bức thư chỉ để:

Trên mây kết ban loan hoàng, đã hết duyên giai ngẫu. Trong núi tìm người tiên tử, đâu còn đâu dạo nguyên.

Tử trở về Đế Đô, gặp cảnh lạ người lạ. Tìm đến cố hương, gặp một vị bồ lão, chàng hỏi thăm ngôi nhà tử dưỡng của dòng họ Tử. Vị bồ lão, mắt nhắm chiếu, mơ màng bảo:

- Tôi có nghe thân sinh tôi bảo cách đây chín mươi năm, quan Đông Tri họ Tử, nhân Tết Đoan Ngọ vào chơi núi Yên Tử, không thấy trở về, chỉ có con ngựa men theo lối cũ về đến nơi đây. Họ hàng nhà ông lấy ngày ông ra đi làm ngày cúng giỗ.

Tử trở lại núi thì vách đá sừng sững còn kia. Néo vào cảnh giới tiên đã khép kín. Chàng bán đi xâu chuỗi hạt châu, và cộ vào hai đĩnh bạc, một đĩnh vàng cất ngôi am vân ở đó tu hành.

Người Đông Phương vùng Đông Nam Á của chúng ta đã nắm vững tư ngàn xưa sự dị biệt giữa thời gian của cảnh giới này với thời gian của cảnh giới nọ. Nhưng ban ơi, người Tây phương phải đợi ông Einstein chủ trương thuyết thời gian tương đối ra đời, mới sáng tác những truyền kỳ lý thú về thuyết này.

Tôi còn nhớ vào thuở đôi mươi, tôi đã đọc một truyện ngắn của nhà văn lừng danh Anh Cát Lợi tên là Rudyard Kipling. Tôi quên hẳn tựa của cuốn truyện rồi; và cốt truyện thì tôi chỉ nhớ bằng những nét đại cương, khái quát. Truyện kể một chàng mục tử vào tuổi thanh xuân lặn thụt lạc dần cứu trên cánh đồng rộng, giữa trời đêm bao la. Chàng đi tìm d à n củi, bỗng gặp những người uống rượu bên dòng rạch. Họ mời chàng uống rượu cho tới say ngủ thiếp đi. Khi chàng tỉnh dậy, tìm trở về làng xưa, thì ở đó đã trải qua một thế kỷ rồi.

Đại khái câu chuyện là vậy, nhưng thuở đó, khi đọc xong, tôi không khỏi bàng hoàng. Thấy ra người Tây phương và Đông phương vẫn có một điểm chung về vấn đề thời gian trong c ả m hững sáng tác. Tôi cũng đã rón rợn khi nghĩ rằng chung quanh chúng ta có rất nhiều cảnh giới mà vì nghiệp thức chiêu cảm nặng nên chúng ta không thấy được mà thôi.

Khi còn ở Việt Nam, vào mùa xuân năm 1956, tôi có xem một cuốn phim ca nhạc Mỹ tên là "Brigadoon" do Vincente Minelli đạo diễn và do Gene Kelly cùng Cyd Charisse và Van - Johnson diễn xuất. Đây là cuốn phim phóng tác theo vở ca kịch cùng một tên "Brigadoon", do Alan Jay Lerner soạn lời cùng dung truyện và do Frederick Loewe giữ phần soạn nhạc. Cốt truyện "Brigadoon" vẫn là cốt truyện thơ mộng đã được nghệ thuật ca vũ của cặp : Kelly, Charisse tô điểm thêm càng gây thêm biết bao mộng ước cho lứa tuổi choai choai, nhất là lúc họ tỏ tình yêu bên sườn đồi trông toàn hóa thạch thảo, dưới nắng xuân óng ả như tơ vàng.

Brigadoon là một ngôi làng nhỏ của xứ Tô Cách Lan đã mất tích trong hư vô vào thời đại xa xưa, chỉ hiện ra một lần trong một thế kỷ. Và cũng vào ngày hiếm có đó, hai chàng thợ săn Hoa Kỳ Tommy Albright (Gene Kelley) và Jeff Douglas (Van Johnson) vào buổi sớm m a i sương mù đen đò, theo một vết nắng trải dài vào được ngôi làng "ma" kia. Hai chàng n h ậ n thấy cách sống nơi đây vẫn là nếp sống cổ kính, kéo lùi hàng thế kỷ về trước. Chàng Tommy lém lỉnh, diễn trai bông si tình cô nàng thôn nữ kiêu diễm Fiona Campell (Cyd Charisse) Nàng thợ mộng thật đấy, nhưng hơi cộc về lạnh lùng và tâm hồn nàng thanh thoát quá, trong trắng như một hòn ngọc không tỳ vết. Nhưng trước tâm lòng yêu đương cuồng nhiệt c ù a Tommy, lòng nàng cũng bùng lên ngọn lửa yêu đương màu nhiệm.

Làng tổ chức lễ hội. Jean Campell, chị của Fiona được phép kết hôn với chàng thôn dân Charlie Chrisholm Dalrymple. Nhưng, chàng Archie Beaton, người thâm yêu prôm nhớ cô Jean-Campell, dọa rằng sẽ bỏ đi khỏi làng, nếu đám cưới cứ hành. Ông hương trưởng (Barry Jones) của làng cho hai chàng thợ săn biết rằng nếu một người nào trong làng bỏ đi thì làng này vĩnh viễn không còn tồn tại nữa. Thế là vào giữa đêm, hai chàng thợ săn cùng d ẫ n làng đột được đi kiểm anh chàng thất vọng vì tình Archie Beaton, và họ đã gặp Archie từ từ bằng cách gieo mình lên sườn đá. Đám cưới tuy được tổ chức long trọng cho cặp thôn dân Jean và Charlie; nhưng cũng trong đám cưới đó chàng thợ săn Tommy hiểu rằng tình giữa nàng Fiona và chàng tuy nặng, nhưng chàng không thể đem nàng về Hoa Kỳ được, vì nếu Fiona bỏ đi thì làng Brigadoon sẽ mất đi vĩnh viễn.

Trong đầu đêm, Tommy từ biệt Fiona rồi cùng bạn mình là Jeff trở về Hoa Kỳ. Tommy t u y được tái ngộ với vị hôn thê mình là Jane Ashton (Alaine Stewart) nhưng không thể quên được hình ảnh trinh khiết và dịu dàng của thôn nữ Fiona Campell. Năm sau chàng trở qua Tô Cách Lan cùng với Jeff, bạn thân của chàng. Rừng núi đã vào đêm, chiếc thạch kiều dựa vào Brigadoon vẫn còn kia dưới ánh trăng tái nhợt. Một tiếng tù trong khe núi bồng vang lên:

- Hãy qua cầu để vào Brigadoon. Trong một khắc sau, vĩnh viễn chiếc cầu không còn n ấ a Brigadoon sẽ chìm vào bóng tối kéo dài hàng thế kỷ sau.

Tommy vì thương nhớ Fiona bước qua cầu, còn Jeff ở lại. Chiếc cầu biến mất. Đường về trần gian đã xóa nhòa. Tommy vào làng tìm Fiona. Từ lúc chàng trở về Hoa Kỳ thì nàng bắt đầu vào giường ngủ. Năm sau, chàng trở lại thì nàng chỉ mới ngủ tới cuối đêm mà thôi. Trong một thế kỷ, làng Brigadoon chỉ hiện một lần. Một năm ở Hoa Kỳ chỉ bằng khoảng t ừ đầu đêm tới cuối đêm ở Brigadoon. Ngày mai, khởi từ bình minh, Brigadoon sẽ chìm trong hư vô hàng một thế kỷ mới hiện trở lại. Nhưng Tommy sẽ mãi mãi ở đó, bên cạnh tình nương

xem tiếp trang 58

ÔNG THÂN và ÔNG SỬ

(tiếp theo)

Trong khi đội điều tra đã được trả tự do, người ta đưa anh về trại tam trú An Dũng. Ở đây anh được đối xử tử tế: ăn uống đủ, chỗ nằm ngồi sạch sẽ, thông dong đi lại trong trại.

Một hôm người ta dẫn nhập trại một nhà sư và để ở cùng chỗ với gia đình anh. Nhà sư mặc đồ nâu sòng đã bạc màu, nhiều chỗ vá vữa, chân mang dép Con Hồ đã gân tàn tạ. Người đi ở trên dưới lục tuần nhưng trông thực quốc thước, mạnh dạn. Da sạm nắng gió nhưng cặp mắt sáng long lanh, nụ cười thực an nhiên, tiếng nói hiền từ ấm áp. Toàn thân lộ một vẻ tiên phong đạo cốt, rất khả kính. Mỗi tối nhà sư đã chấp tay niệm Phật và chúc lành gia đình Trần sinh. Mọi người đều cung kính đáp lễ. Anh, mỗi nhà sư ngồi, vào một chỗ sạch sẽ nhất múc nước trà tươi đựng trong một cái thùng ở ngoài ngưỡng của mỗi người giải khát. Câu chuyện bắt đầu. Trần sinh hỏi:

- Sư phụ từ đâu đến?
- Bản tăng trốn từ vùng Việt Cộng, được lực lượng quốc gia đón về đây.
- Sư phụ tu hành ở đâu?
- Bản tăng trụ trì tại một cảnh chùa nhỏ miền duyên hải tỉnh Thái Bình. Cách đây hơn một năm chùa bị chiếm đoạt dùng làm trụ sở hợp tác xã, tuồng Phật bị đập phá, những đồ phụng thờ bị chúng mang đi. Chính bản tăng cũng bị chúng giam giữ mấy tháng. Chúng không khép được bản tăng vào tội gì vì được toàn thể dân chúng bênh vực, nên chúng phải thả ra. Bản tăng lặn lội hàng tháng trời mới tới vùng quốc gia rồi được dân về trại này.
- Rồi đây sư phụ sẽ về đâu tu hành.
- Bản tăng chưa có chủ định những của Phật rộng lớn, bất cứ đâu có kinh kệ hưởng khổi là nơi có ánh sáng của đấng Từ bi, là nhà của bản tăng.

Từ ngày ấy nhà sư và Trần sinh trở thành khăng khít như đôi bạn, một tăng một tục. Nhà sư thực là nhu hoà lại có một học vấn uyên bác, chẳng có vấn đề nào mà người không thông hiểu, đàm đạo rất mạch lạc, uân xức và quyến rũ. Trần sinh phục lắm. Nhà sư lại đem những cao diệu của Phật pháp giảng cho anh nghe. Cho hay, lời, tuyên truyền của Việt Cộng, càng mạnh càng chối tai, lợi nói pháp càng êm dịu càng thâm thía. Dần dần Trần sinh hiểu vài phần Phật pháp. Anh cảm thấy lòng anh hết giao động y như mặt nước sau khi bị trận động trở lại yên lặng. Một niềm tin mới bùng lên trong người anh. Thì ra Phật pháp mới lần đời để anh bám vữa. Trước kia anh đã vô tình tiếp nhận một lưỡi dao nhọn. Nó đã của vào tâm hồn anh đến chảy máu. Toa thuốc tử bi do nhà sư kê đã làm cho vết thương lành lại. Nay anh mới thực thấy con đường sáng, con đường đưa đến yên vui.

Nhà sư lúc nào cũng phảng phất vẻ an lạc, trầm tĩnh mà đại hùng lực, sáng, sớm đọc kinh, đêm khuya tọa thiền. Tuy không có bản thờ, không có khói hương, nhà sư chỉ tìm một g ô c yên tĩnh trong gian nhà, để làm công việc thường xuyên ấy. Suốt ngày nhà sư rất hoạt động an ủi người này, giúp đỡ người kia, hòa giải mỗi khi xảy ra sự xích mích giữa đám quân chúng ở hợp. Tư cách và phong thái ấy làm cho Trần sinh càng cảm mến và lôi kéo anh theo, quân quyết không mấy khi rời. Có thể nói là một sư phụ và một đệ tử.

Một đêm trăng tỏ, hai người ngồi trên phiến đá ngoài sân trò chuyện. Trần sinh kể thực cho nhà sư nghe đời của anh. Anh thuật lại chuyện ông thân cho anh thiên thủ hưởng anh

vào con đường, bắt chĩnh. Nhà sư trầm ngâm rồi hỏi:

- Thân đã giảng nghĩa ba chữ vô cho anh nghe, vậy anh thấy thế nào. Anh đã làm chút tích, cô quyền uy, nổi danh một thời, Thân nói đúng đây chứ! Anh đã thỏa mãn chưa?

- Nếu đã thỏa mãn thì đầu có bỏ tròn và gặp sư phụ ở đây.

- Vậy còn cô gì thấc, mất.

- Xin sư phụ cho hiểu rõ nghĩa ba chữ vô.

- A di đà Phật! Đây là cô duyên của anh. Lắng tai nghe ta nói. Anh có thấy cái gì thường còn không?

- Xin sư phụ khai ngộ cho.

- Trong vạn pháp không gì còn mãi. Còn một thời gian rồi mất, sinh ra rồi diệt. Bất cứ ở con sâu, con bọ, con người hay cây cỏ, núi sông, tinh tú trên trời đều không tránh khỏi bốn giai đoạn sinh, trụ, hoại không. Con sâu, con bọ sống được vài ngày hay vài tuần, con người có thể sống bảy tám chục hay một trăm tuổi, may ra thời hôn chút ít, một cây cỏ thụ sống năm bảy trăm hay một nghìn năm, một trái núi một vùng bề có thể tồn tại nhiều triệu năm, tinh tú trên trời có thể tồn tại nhiều tỷ năm nhưng có nghĩa lý gì đối với thời gian vô thủy vô chung. Vậy vạn vật đều vô thường lại theo lý luân hồi chết đi sống lại, thay đổi luôn luôn nếu không thoát ra khỏi vòng sinh tử. Bản thân ta đây cũng thay đổi từng phút từng giây. Khoa học ngày nay cho biết trong khoảnh khắc, trong thân thể con người có hàng triệu tế bào chết đi và hàng triệu tế bào sinh ra để thay thế. Vậy thân chúng ta phút sau đã khác phút trước rồi. Chúng ta không phải có một thân mà vô số luồng thân làm nhân quả cho nhau qua đồng thời gian miên trường. Sự biến đổi như vậy gọi là vô thường, anh hiểu không?

- Dạ, hiểu.

- Đức Phật không vẽ vời ra cái ấy. Vô thường chỉ là một sự thật Người đã khám phá ra và đem dạy chúng ta. Đó là chữ vô thứ nhất. Chữ vô thứ hai là vô ngã.

Vạn vật không có một tư thể chắc thật riêng biệt. Xét trong người chúng ta, có cái gì để phân biệt ta với người? Xác, thân ta, gồm bốn thứ là chất cứng như thịt xương, chất lỏng như máu, chất nóng như hơi ấm và chất hơi như hơi thở. Bốn chất ấy hợp với nhau, thì là ta. Nếu chúng tan rã thì ta đâu? Lại nói đến phần tâm linh thì nó gồm có tính cảm, lý trí những khả năng như tư tưởng, trí nhớ, hiểu biết v.v... Những thứ ấy thay đổi luôn luôn, nay thế này, mai thế khác, buồn, vui, hôn, giận, quên, nhớ không nhất định. Vậy thì nào là đích thực của ta? Đức Phật dạy, rằng chúng ta không có chất gì riêng biệt của ta. Nó chỉ là những hợp tướng tạm thời của nhiều thứ duyên lại với nhau. Lúc nào duyên hết thì hợp tướng tan ra. Hiểu như vậy thì chúng ta không vì những cái giá và tạm thời mà luyến tiếc say mê để gây nên tội ác.

Trần sinh ngắt:

- Thưa sư phụ, hai chữ vô mà sư phụ vừa thuyết minh thực là mâu nhiệm, làm cho tôi tính còn mê, khác hẳn hai chữ vô của ác thân kia.

- A di đà Phật! Cô duyên... cô duyên!

Ta nói đến chữ vô thứ ba. Những cảnh vật và hiện tượng nói trên mà phạm phu chúng ta nhận thấy đều là tạm thời, giả dối. Vậy cái gì là thực? Cái thực, đứng và vĩnh viễn từ vô thủy đến vô chung, đức Phật gọi là Chân không, hay Thật không. Chân không vắng mà Diệu Hữu. Không chẳng phải là không có gì, mà là tuyệt đối, có một không hai, chẳng dùng văn từ hay lời nói mà luận bàn được. Chân không vừa rộng lớn vô biên vừa lâu bền vô cùng. Chúng ta không thể so sánh Chân không với cái gì được. Tất cả mọi cảnh vật, hiện tượng trên thế gian chỉ là sự hiển hiện của Chân không, ấy. Đó là cái ta thực, cái thực, tướng của muôn vật. Phạm phu chúng ta, quên cái thực tướng ấy nên phải đau khổ trong cảnh luân hồi, mắc mếu trong vòng nhân quả. Đức Bản sư chúng ta đã tu tập nhiều kiếp, đã giác ngộ nên đã thế nhập vào cái thực tướng ấy nên đã được an vui từ tận trong cảnh Niết bàn. Nay Người chỉ đường cho chúng ta đi tới Niết bàn để cũng được an vui như Người. Vậy anh có muốn được an vui như Phật không?

Trần sinh đứng bật lên như cái máy, chấp tay, đánh lễ.

- Xin sư phụ nhận con làm đệ tử, chỉ cho con đường tu tập.

- A di đà Phật! Cô duyên... cô duyên! Ta sẽ chịu ý con.

- Con phải làm gì trước?

- Bước đầu tiên trong việc tu tập là phải quy y Tam Bảo và giữ giới.
Muốn quy y Tam bảo, đúng nghĩa là quay về nương tựa vào ba ngôi Phật, Pháp, Tăng, ta phải tới chùa xin các vị đại đức làm lễ truyền giới cho.

- Sư phụ truyền giới cho con có được không?

- Được, nhưng đây không phải là cảnh chùa, không uy nghiêm thanh tịnh. Nay mai ra khỏi trại này, ta sẽ tìm một cảnh chùa để truyền giới cho con.

- Nay mai biết đến bao giờ. Con không muốn đợi. Và chẳng ra khỏi trại này, trời cao đất rộng, sư phụ thì học nội mây ngàn con biết tìm đâu. Bao giờ chỉ nguyện của con mới thành tựu. Sư phụ truyền giới cho con tại đây có được không?

Nhà sư trầm ngâm một lúc rồi nói:

- Thôi được, Phật pháp có nhiều phương tiện. Mai ta truyền giới cho con.

Hôm sau, một trọng lễ được tổ chức ngay trong căn nhà của Trần sinh. Anh đã lau rửa một thùng ết xăng phế thải kê ở giữa nhà. Nhờ liền, lạc được với bên ngoài nên cũng mua được hương và bông trái, đèn cây. Nhà sư làm lễ trước bàn Phật rồi quay ra pháp thí cho Trần sinh. Người giảng giải những điều thực cảm động gây lòng thành kính cho một số trẻ và viên tu tập chung quanh.

Sau này, năm giáp ngọ, trước ngày đất nước bị chia đôi, người ta không biết nhà sư và Trần sinh đi đâu.

(tiếp theo trang 55)

nhu mì, xinh đẹp Fiona.

Bạn thân quý, qua những câu chuyện truyền kỳ đưa vào văn chương, bạn đã được một phần nào ý niệm về thời gian như huyền rồi. Nếu bạn bao thời gian là huyền hoàn toàn cũng không đúng. Vì sao? Vì chính bạn và tôi đây còn bị thời gian trên quả địa cầu này ràng buộc. Chúng ta vẫn phải sáng sớm lo chuẩn bị đi làm việc ở hàng xưởng, chiều tối về là lo cơm nước, sửa soạn đi ngủ để chuẩn bị công việc cho ngày hôm sau. Với chúng ta, thời gian vẫn có thật. Thế nhưng, so với thời gian ở mọi cảnh giới khác thì thời gian ở quả địa cầu dường như không thật, trái hẳn thời gian ở những nơi đó. Thời gian không phải chậm, mà cũng không phải huyền; nó chỉ như huyền mà thôi, và tùy nghiệp thức chiêu cảm của chúng sinh mà hiện hữu. Nếu một số chúng sinh đồng một nghiệp thức chiêu cảm sẽ sống cùng một cảnh giới, đồng chấp nhận một thời gian như nhau. Thời gian này sẽ trôi nhanh nếu nghiệp thức chiêu cảm của chúng sinh ấy nhẹ. Thời gian này sẽ trôi chậm nếu nghiệp thức chiêu cảm nặng.

Bạn ơi, bạn hãy tự tâm di, loại bỏ bớt phiền não, trong tâm thức di. Bạn sẽ thấy nghiệp thức chiêu cảm của bạn càng lúc càng nhẹ, và đâu còn bị cộng nghiệp ràng buộc bạn ở trên quả đất này, bạn sẽ thấy thời gian trôi qua nhanh hơn thời gian đối với người xung quanh. Đối với các thiên sứ có mức độ tu Thiên khá cao thì còn tam muội (nhập định) của các ngài có thể kéo dài hàng trăm năm. Đối với chúng ta thì vẫn là hàng trăm năm, nhưng đối với các ngài dường như trong thoáng chốc, bạn ạ.

Và bạn nên hiểu rằng, không cần lột ra khỏi quả địa cầu, mà ngay ở cõi trần gian này, vẫn có những chúng sinh giống hệt như nhân loại nhưng có nghiệp thức chiêu cảm nhẹ hơn, nên được sống ở một cảnh giới riêng biệt, có thời gian trôi nhanh hơn thời gian ở cảnh giới trần gian của chúng ta. Cảnh giới đó thỉnh thoảng bày hiện cho những người trần gian nào có cùng nghiệp thức chiêu cảm với chúng sinh ở trong đó. Thế thì trường hợp của Vũ Lăng, của Lưu Nguyễn, của Tử Thức, và của Tommy Albright không hẳn là một truyền thuyết hoàn toàn hoang đường đâu, phải không bạn?.

GIA CHÁNH CHAY

MINH LOAN phụ trách

☐ Chả miếng

A. VẬT LIỆU: 2 miếng tàu hũ tươi
1 lá tàu hũ ky
20 g. bún tàu
6 muỗng canh dầu ăn
1 cây boi rô
1 muỗng canh bột khoai tây
(Kartoffelmehl)
3 muỗng canh nước
1 chút màu gạch tôm
Ít tai nấm mèo

Gia vị : Đường, muối, bột ngọt, tiêu.

B. CÁCH LÀM: Bật một, nổi nước sôi cho tàu hũ vào luộc, xong vớt ra vắt ráo. Tàu hũ ky luộc sơ cho mềm và xắt nhuyễn. Nấm mèo xắt nhuyễn từng sợi, bún tàu ngâm sơ, chần khức Boi rô khử vàng với dầu để riêng.

Tàu hũ sau khi vắt ráo nhồi thật mịn, k ẽ đến tàu hũ ky, nấm mèo, bún tàu. Gia vị cho vừa ăn, để boi rô khử với dầu ban nãy vào nhồi chung với tàu hũ cho thật đều. Xong ém chà vào khuôn bõ lên hấp độ 20-30 phút (hoặc trong tủ cũng được, nhớ thoa dầu trước cho khỏi dính).

Bột quậy tan trong nước, cho chút màu gạch tôm vào cho đẹp. Chả hấp độ 20 phút đổ ra để phân bột màu lên trên cho đều. Xong đây nắp hấp lại 5 phút cho phân bột trên mặt chín. Khi bột chín nó sẽ trong những s ố i nấm mèo ăn trong chả nổi gân đen dưới lớp bột màu gạch tôm rất đẹp. Chả chín, để nguội trút ra đĩa, xắt từng miếng xéo. Salat, rau sống, dưa leo, cà rốt, chua, tiã hoa bày chung quanh đĩa, để lên mỗi miếng dưa leo tiã hoa một miếng chả và ít cọng ngò.

☐ Mì xào sốt

A. VẬT LIỆU: 1 miếng tàu hũ tươi
10 tai nấm đông cô
100 g. đậu Hoà Lan
1 củ cà rốt, 100 g. bông cải xanh
1 trái ớt tây (Grünpaprika)
100 g. bông cải trắng
2 trái cà chua
1 cây boi rô, 2 gói mì ăn liền
200 g. chả lụa chay
1 muỗng canh cà chai
1.1/2 muỗng cà phê bột năng
1 muỗng cà phê dấm
5 muỗng canh dầu ăn

Gia vị : Đường, muối, ngò, bột ngọt, tiêu.

B. CÁCH LÀM: Tàu hũ chiên vàng xắt mỏng, nấm ngâm mềm, các thứ rau cải tiã rãng của. Cho nấm vào xào với boi rô xắt nhuyễn cho thơm, kế đến các thứ rau cải và tàu hũ chiên

Gia vị cho vừa ăn, dấm, bột năng và một ít nước quậy đều. Khi các thứ rau cải vừa chín tới đổ bột vào trộn chung lại gia vị thêm cho ngon.

Bật nước sôi, thả mì vào trụng chín vớt ra liền trộn với dầu khử boi rô xong bày ra đĩa.

Múc đồ sốt xào ban nãy để lên mì, xắt 4 - 5 miếng chả lụa mỏng, trên mặt chả để ít cọng ngò, tiêu và vài khoanh ớt sừng trâu xắt mỏng.

Kỳ tới "Mì Cẩn rôti nước cam vàng"

Tin tức

- Trong thời gian từ 24/2/83 đến ngày 4/4/83 Đại Đức Chi Bộ Trưởng CBPG Việt Nam tại Đức đã đến thăm viếng, chủ lễ, hướng dẫn và giảng dạy Quý Vị lãnh đạo tinh thần và đồng bào Phật Tử tại Niệm Phật Đường Quan Âm (Montreal, Canada) chùa Liên Hoa ("); chùa Tam Bảo ("); chùa Từ Ân (Ottawa); Chùa Việt Nam tại Vancouver (Canada) chùa Pháp Bảo (Sydney - Úc) chùa Đại Bi Quan Âm (Melbourne); chùa Pháp Hoa (Adelaide); Niệm Phật Đường tại Queensland (Brisbane) và chùa Phước Huệ tại Sydney (Úc). Suốt trong 6 tuần lễ viếng thăm Phật sự tại 2 Quốc Độ trên, Đại Đức đã trình bày, thuyết giảng về giáo lý và những sinh hoạt của đồng bào Phật Tử Âu Châu đến những nơi trên.
- Ngày 16 tháng 4 năm 1983 vừa qua Ban Liên Lạc Phật Giáo Hamburg đã tổ chức kỷ lễ cầu an, cầu siêu cho đồng bào như những lần trước tại chùa Phật Giáo Đức; những đặc biệt lần này có khá đông đồng bào mời tham dự. Trong buổi lễ Phật và nghe giáo lý kỷ vừa qua có gần 100 Phật Tử tham dự.
- Để an ủi và giúp đỡ về vấn đề tinh thần cho đồng bào Phật Tử Việt Nam tại Nord-deich, theo lời đề nghị của ông Giám Đốc Trung Tâm tự nạn Romann; nên Đại Đức Thích Như Điền đã đến đây thăm viếng và chủ lễ cúng như thuyết pháp cho đồng bào vào ngày 18 tháng 3 năm 1983. Và trong tương lai cứ 3 tháng một lần sẽ có một buổi lễ Phật và thuyết pháp cho đồng bào. Buổi lễ Phật sắp đến nhằm vào ngày 9 & 10 tháng 7 năm 1983.
- Đại lễ Phật Đản năm nay được tổ chức khắp Âu Châu và chương trình được dự định như sau:
Thứ sáu, thứ bảy, chủ nhật (6.7.88/5/83) tại Hannover (Tây Đức)
Thứ bảy 14/5/83 tại Aarhus Đan Mạch.
Thứ bảy và chủ nhật (21+22/5/83) tại Na Uy.
Chủ nhật 29/5/83 Lễ Phật Đản tại Paris - (Théâtre des Champs Elysées)
Chủ Nhật 4/6/1983 tại Lyon
Chủ Nhật 11/6/1983 lễ Phật Đản tại Bordeaux.
Trong tất cả những Đại Lễ Phật Đản tại các Quốc Gia trên chủ Đại Đức Tăng Ni Việt Nam tại Đức đều có tham gia và đặc biệt trong kỳ Phật Đản 29/5/1983 tại Paris do chùa Khánh Ảnh tổ chức sẽ có một phái đoàn

Phật Tử Việt Nam tại Tây Đức, khoảng 50 người về tham dự trong chuyến hành hương thăm các chùa tại Pháp.

- Ngày 30 tháng 4 năm nay, tại chùa Viên Giác Hannover có tổ chức buổi lễ cầu an và cầu siêu cho những người hy sinh và chiến đấu cho Tự Do - người còn được an lạc; kẻ thác đức siêu thăng - cầu nguyện cho thế giới được thanh bình, nhân sinh an lạc.
- Hòa Thượng Thích Tâm Châu - Thượng Thủ Giáo Hội Tăng Già trên Quốc Tế vừa rồi có ra một Thông Bạch kêu gọi tất cả các tổ chức các Hội Đoàn Tôn Giáo, Văn Hóa về vấn đề "Bảo trì và tiếp nối dòng sinh mệnh lịch sử dân tộc và nhận loại là nhiệm vụ trọng đại của con người" nên Hòa Thượng đã đề nghị những tổ chức tham gia vào việc bảo tồn và phát triển một cơ cấu văn hóa mang danh hiệu là TĂNG VĂN VIÊN và mọi đóng góp ý kiến xây dựng cho vấn đề trên xin liên lạc về địa chỉ:
TĂNG VĂN VIÊN 5401, 16th Street, Washington-DC 20011. USA.
- Vì vấn đề phát triển Phật sự tại Tây Đức nên trong tương lai gần, Chi Bộ Phật Giáo Việt Nam tại Tây Đức dự định sẽ thành lập một Niệm Phật Đường tại miền Trung Nam nước Đức để cho Quý vị Phật Tử nơi vùng này tiện việc lễ bái nguyện cầu. Một buổi lễ an vị Phật, cho ngôi Niệm Phật Đường này dự định tổ chức vào ngày lễ vía Đức Quán Thế Âm Bồ Tát sắp đến (13 tháng 6 âm lịch) mọi chi tiết về buổi lễ trên sẽ có thông báo đến quý vị Phật Tử sau.
- Tại Áo - Hội Phật Giáo Áo có đề nghị, với Chi Bộ Phật Giáo Việt Nam tại Tây Đức là cử trong 3 hay 4 tháng Chi Bộ cử người Đại Diện qua để chủ lễ và thuyết pháp cho đồng bào Phật Tử Việt Nam tại vùng Wien và Salzburg. Vì tại Áo chưa có một vị lãnh đạo tinh thần người Việt Nam nào cả, mặc dầu tại Áo Phật Giáo đã được công nhận là một Tôn Giáo chính thức của dân tộc cho những người địa phương và những người Phật Tử; và trong tương lai gần Chi Bộ Phật Giáo Việt Nam tại Đức sẽ nghiên cứu kỹ về đề nghị này.

Tin Xã hội của Hội Phật tử Tây Đức

VỀ VIỆC QUẢN BÌNH THUẾ LƯƠNG VÀ KHAI THUẾ LỢI TỨC

Đính chánh

Trong Viên Giác số 13 vừa qua chúng tôi có trình bày đại cương về việc quản bình thuế lương cũng như việc khai thuế lợi tức. Nhưng trong điểm 5 cần đính chánh lại như sau:

- Làm đơn quản bình thuế lương khi một người độc thân hay có gia đình có lợi tức trọn năm, số tiền này sau khi trừ đi những khoảng tiền xin lại thuế được, hay những Freibeträge và Pauschalen không quá 24.000 Đức Mã.

- Làm đơn khai thuế lợi tức, khi lợi tức trọn năm của đôi vợ chồng sau khi trừ những khoảng tiền xin lại thuế được hay những Freibeträge và Pauschalen quá 48.000 Đức Mã.

zu versteuernde Einkommen = tiền lương Brutto của trọn năm (Jahreseinkommen) hay tiền lương hoặc lợi tức bị đánh thuế, chưa trừ những khoảng tiền thuế hoặc những khoảng tiền khác như bảo hiểm sức khỏe, hưu trí, bảo hiểm xã hội v.v...

VỀ QUYỀN SÁCH HUỒNG DẪN VIỆC QUẢN BÌNH THUẾ LƯƠNG

Sau khi báo Viên Giác số 13 đến tay độc giả thân hữu, Ban Xã Hội đã nhận được rất nhiều thư của bà con gửi về xin. Chúng tôi cũng nhận được nhiều ý kiến xây dựng bổ ích cho việc Phật sự và xã hội của quý Phật tử và Đạo hữu. Chúng tôi chân thành cảm tạ và xin được tỏ bày cùng độc giả những ý kiến xây dựng sau:

Việc phát hành quyền huồng dẫn việc làm quản bình thuế lương hàng năm thật tốn kém cho chùa cũng như ban xã hội, nên có quý vị đề nghị bán quyền sách này với giá tương trưng là 5 Đức Mã. Số tiền nói trên dùng để mua giấy mực cho việc quay sách, vì quyền sách này dày hơn 150 trang (không tính công biên dịch). Nếu có dư sẽ bỏ vào quỹ của Hội Phật tử, cho những Phật sự chung.

Vậy những thư xin sách gửi, trước báo Viên Giác số 14 chúng tôi đã nhận được, Ban Xã Hội sẽ gửi tặng. Quý vị nào muốn tham cứu sách trên để có thể tự làm đơn quản bình thuế lương hàng năm kể sau khi phát hành Viên Giác số 14 xin vui lòng gửi 5 Đức Mã và 0 trường mục của Hội Phật tử:

Postscheckkonto Nr. 25480 - 301

Postscheckamt

3000 Hannover

Ban Xã Hội kính mong quý vị thông cảm cho việc phát hành chậm trễ quyền sách trên, vì hiện nay việc chùa và Phật sự quá đa đoan nên sẽ phát hành trong một thời gian gần đây.

Ban Xã Hội - Hội Phật Tử Tây Đức

**BÀI GIẢI ĐÔI CÂU ĐỐI TƯỢNG HÌNH TRONG CUỘC
THI VUI MÙA XUÂN CÓ THƯỜNG DO NHÀ XUẤT
BẢN QUÊ HƯỜNG ĐỀ XƯƠNG VÀ ĐƯỢC TỎA B Á O
BAO TRỞ.**

Nguyên văn: BUỒN CẢNH LY HƯỜNG, CHỖ NGHE
PHÁO TẾT QUAY ĐẦU CHẠY,
NHỎ NGÀY BIỆT QUỐC, HEO THẤY ĐÀN XUÂN VÀC
BỤNG VỀ...

Giải thích:

- BUỒN: Hình chú bé ngồi chống tay lên má có
vết BUỒN,
 - CẢNH: Chữ C đứng cạnh tám ANH(hình) thành
ra CẢNH
 - Ly : Hình một ly nước tức là LY
 - HƯỜNG: Bông Hoa HƯỜNG xóa bỏ dấu huyền
thành ra HƯỜNG
 - CHỖ : Hình vẽ con CHỖ
 - NGHE: Hình con NGHE(trâu con)xóa dấu sắc
thành ra NGHE
 - PHÁO: Hình cái PHÁO thêm dấu sắc thì thành
ra PHÁO
 - TẾT : Hình TÊ GIÁC đặt cạnh chữ T lại thêm
dấu sắc thì thành TẾT
 - QUAY: Hình vẽ con QUAY(cùng gọi là VU)
 - ĐẦU : Hình vẽ người bị ĐAU lại thêm dấu
(ở huyền)thành ĐẦU
 - CHẠY: Hình người đang CHẠY
 - NHỎ : Chùm NHO có dấu ở sắc thì thành ra
NHỎ
 - NGÀY: Hình đĩa cầu đang xoay, mặt sáng tức
là NGÀY
 - BIỆT: Hình một nữ sinh giở tay lên tức là
BIỆT, xóa dấu sắc, thêm dấu nặng ở dưới
thì thành ra BIỆT.
 - QUỐC: Hình cái cuốc để cuốc đất, đồng âm
với QUỐC
 - HEO : Hình con lợn(hay con HEO)ở đây là
HEO mới không thất, luật
 - THẤY: Hình cụ Lý nhìn tức là đã THẤY
 - ĐÀN : Hình vẽ cây đàn hay cây ĐÀN
 - XUÂN: Hình đồng XU ở bên cạnh vần AN thành
ra tiếng XUÂN
 - VÁC : Hình em bé ngồi VÁ cạnh chữ C thành
ra VÁC
 - BỤNG: Hình BỤNG bị
 - VỀ : Hình con VE, trên có dấu (dấu mũ) và
dấu huyền thành VỀ.
- Cuộc chú: Đọc xong lời giải thích này chắc
nhiều độc giả sẽ nói: "ô đề quá!" nhưng
cũng có người lại cho là hiểm hóc, k h ó

quá! còn họa sĩ BẢO THẠCH thì cứ nhất định
rằng có KHỔ MỐI THÍCH THỬ, vậy không biết
là ai phải, ai trái bây giờ????? xin đón đọc
danh sách những người trúng thưởng dưới
đây và cảm ơn tất cả các bạn dự thi.

Nhà xuất bản QUÊ HƯỜNG 15 Rochdale Ave .
TORONTO, CANADA, MGE 1W9.

Kết quả cuộc thi đố vui mùa xuân của nhà
xuất bản QUÊ HƯỜNG đã được sự bảo trợ của
các báo ĐẤT MỎI(Hoa Kỳ), VIÊN GIÁC(Tây Đức)
VÀN TIỀN(Bỉ Quốc) và NUỐC(Úc Đại Lợi).

Nhà Xuất Bản Quê Hương đã nhận được tổng
cộng 446 thư dự thi của các độc giả khắp
nơi, hoặc các tòa báo gửi đến hoặc có nhiều
thủ gửi đến trực tiếp nhà xuất bản và sau
đây là danh sách của MƯỜI bạn đã giải đáp
đúng hoàn toàn và gửi về sớm nhất(cần cử
vào con dấu bưu điện in ở ngoài bao thư).

- 1.- Nguyễn Long, Am Eschengraben 20, D-7910
Neu Ulm Tây Đức.
- 2.- Lâm Nguyễn Trà My, 3000 S.E Royal Hills
Renton, Wa 98055, USA
- 3.- Minh Cường, 2935 Magliocco, San-Jose CA
95128 USA
- 4.- Huỳnh Minh Kỳ, 3000 S.E. Royal Hills Wa
98055, USA
- 5.- Nguyễn Xuân Hoa, 63 Abbots ford Road ,
Waipawa, Tân Tây Lan
- 6.- Sơn Vũ, 66 Abbots ford Road, Waipawa ,
Tân Tây Lan
- 7.- Nguyễn Văn Việt, 3320 Kentucky Ave.
Kenner La. 70062 USA
- 8.- Đan Trần, 7345 Thibault, Brossard, P.Q .
J4W 2P2 Gia Nã Đại
- 9.- Đinh Thị Vĩnh, Rugdeveien 28/B 5030 ,
Landas, Na Uy
- 10.- Nguyễn Xuân Hường, 40 third Ave. Will -
ongby. NSW 2063 Úc Đại Lợi.

Còn một số ít bạn khác tuy đáp đúng song
gửi về quá trễ nên chúng tôi sẽ gửi tặng
các bạn 6 mẫu THIẾP XUÂN QUÊ HƯỜNG của
Họa sỹ Bảo Thạch để làm duyên văn nghệ .
Còn các bạn đáp sai 1 hoặc 2 tiếng, chúng
tôi cũng sẽ gửi tặng mỗi bạn 1 mẫu THIẾP
XUÂN QUÊ HƯỜNG làm giải thưởng khuyến khích
và hy vọng rằng các bạn sẽ may mắn hơn ở
các cuộc thi vui sau này. Xin cảm ơn tất cả
quý vị.

Nhà xuất bản QUÊ HƯỜNG

Thông cáo

về giải thưởng nghệ thuật "Dr. Hermann - Schmitt-Vockenhausen Stiftung"

Cuộc thi nghệ thuật do Hiệp Hội "Dr. Hermann Schmitt-Vockenhausen-Stiftung" đề xướng, sẽ tổ chức lần đầu tiên vào năm 1983, nhằm mục đích khuyến khích các họa sĩ Ty nạn Đông Dương trong việc sáng tác nghệ thuật. Tài khoản dành cho các giải thưởng được ấn định là 5.000,— Đức Mã mỗi năm (giải nhất 3.000,—; giải nhì 1.500,—; giải ba 500,—)

1. Đề tài và thành phần tham dự:

Đề tài cuộc dự thi nghệ thuật năm 1983 là "Đời sống ty nạn trên quê hương mới". Cuộc thi năm nay được dành cho hội họa: Sơn dầu và Sơn Nước, được sáng tác theo truyền thống Đông Dương hoặc truyền thống Tây phương. Tất cả những người Ty Nạn Đông Dương sống tại Cộng Hòa Liên Bang Đức từ năm 1975 đều có quyền ghi tên tham dự.

2. Tác phẩm:

Mỗi họa sĩ có quyền nộp 2 tác phẩm dự thi khuôn khổ mỗi bức tranh không nhỏ hơn mẫu giấy DIN A4 (21cm x 30cm). Mỗi tác phẩm phải ghi kèm những chi tiết sau đây:

A. Đề Mục; B. Bộ Môn (Sơn dầu hay Sơn Nước); C. Sáng tác năm nào; D. Trị giá theo hãng bảo hiểm ấn định (và giá bán); E. Tóm tắt lý lịch Tác giả; F. Tên và địa chỉ.

Tất cả các tác phẩm dự thi đều phải gắn sẵn đồ phụ tùng để có thể treo lên tường một cách dễ dàng.

3. Kỳ hạn và các thể lệ linh tinh khác:

Ai muốn dự thi phải gửi thư ghi tên đến địa chỉ sau đây trước ngày 30.07.1983. Các tác phẩm dự thi phải được gửi tới hoặc mang đến trong khoảng thời gian từ 15.09.1983 đến 24.09.1983.

Frau Ruth Schmitt-Vockenhausen, Oranienstr 20, 6232 Bad Soden.

Các tác phẩm dự thi sẽ được hoàn lại trong ngày 17.10.1983 từ 9 giờ đến 18 giờ cùng địa chỉ trên.

Những tác phẩm không được các tác giả đến nhận trong ngày giờ đã ấn định sẽ được hoàn trả lại tác giả qua bưu điện.

4. Chuyên chở và bảo hiểm:

Phí tôn chuyên chở khứ hồi và bảo hiểm cho các tác phẩm dự thi đều do các tác giả đảm nhận.

Trong thời gian các tác phẩm được lưu giữ và trưng bày tại phòng triển lãm thi Ban Tổ Chức sẽ chịu trách nhiệm về các tác phẩm ấy.

5. Hội Đồng Giám Khảo:

Một Hội Đồng Giám Khảo vô tư gồm 4 chuyên viên và 3 đại diện của Hiệp Hội sẽ quyết định về các tác phẩm được chọn để trưng bày tại phòng triển lãm và các tác phẩm được trúng giải.

Mọi hình thức kiện tụng hoặc viện dẫn điều lệ thi đua của các đoàn thể nghề nghiệp để khiếu nại đều không được chấp nhận.

Hội Đồng Giám Khảo qui định các thể lệ chấm thi.

Khi một hội viên của Hội Đồng Giám Khảo bị ngăn trở thì Hội Đồng Giám Khảo sẽ đề cử một hội viên thay thế.

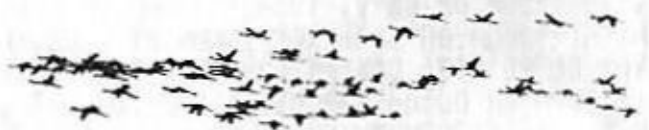
6. Triển lãm:

Hội Đồng Giám Khảo sẽ chọn lọc một số tác phẩm để trưng bày tại phòng triển lãm trong thời gian từ 07.10.1983 đến 16.10.1983 tại Kurhaus thành phố Bad Soden.

7. Các họa sĩ ghi tên và gửi tác phẩm đến tham dự cuộc thi về nghệ thuật do "Dr. Hermann-Schmitt-Vockenhausen Stiftung" đề xướng cho năm 1983, đương nhiên thừa nhận các điều kiện ghi trên.

Bad Soden, ngày 15.03.1983

Hội Trưởng-"Dr. Hermann-Schmitt-Vockenhausen Stiftung".



Phương danh quý Đạo Hữu Phật Tử ủng hộ

Bất thường

(Tính đến ngày 15 tháng 4 năm 83)

ĐH Tăng Bích Phân(Lingen/Ems)50DM.PT Trần Văn Quang(Barntrup)20DM.PT Vương Thủy Lệ(Köln)10DM.PT Nguyễn Hải Hoàng(Bad Bentheim)40DM.ĐH Lâm Hồng Nguyên(Aachen)50DM.ĐH Tô Tú Trân(Tastrup-Đan Mạch)100DM.ĐH Trùng Văn Lạc(Seevetal)20DM.PT Huỳnh Thị Mỹ(Trappenkamp)20DM.ĐH Minh Long+ĐH Diệu An(Counbevoie-Pháp)20OFF.ĐH Diệp Thị Lạc(Laufen)50DM.ĐH Nguyễn Thị Giang(Laufen)50DM.ĐH Nguyễn Trung Nghệ(Mountain View-USA)15US.PT Hồ Thị Kiều(Kiel)hồi hưởng hưởng linh thân mẫu Lê Thị Bông 100DM.ĐH Thái Gia Tuấn(Frankfurt)50DM.ĐH Tô Tú Ái(Tastrup-Đan Mạch)200Krone.ĐH Huỳnh Thị Thủy Lan(Hamburg)20DM.PT Nguyễn Văn Quan(Hanau)50DM.ĐH Trần(Viersen)30DM.Đạo Hữu Trường Văn Nghi(Münster)100DM.ĐH Hồ Ngọc Tuấn(Montréal-Canada)50US.ĐH Đoàn Thị Thanh Tú(Paris)10OFF.ĐH Nguyễn Thành Long(G'marienhütte)20DM.ĐH Diệu Niên(Hannover)200DM.ĐH Giác Huệ(Paris)50DM.ĐH ấn danh 50DM.PT Trần Nguyễn Anh(Bomlitz)50M.PT Cao Toàn Phô(Oldenburg)20DM.PT Trần Ngọc Sơn(Aachen)20DM.ĐH Lưu Nguyệt + ĐH Huỳnh Mạch(Oslo-Na Uy)100DM.ĐH Huỳnh y n h Thoại Đuồng(Bremen)50DM.ĐH Ông Thanh - (Wiesbaden)50DM.ĐH Hứa Xa(Wittmund)50DM.ĐH Linh Thị San(Liège-Bỉ)30OFF.ĐH Diệu Thuật(CA-USA)20US.ĐH Huỳnh Thị Tâm(Visé-Bỉ)20OFF.ĐH Lâm Văn Hoàng(Ronnenberg)hồi hưởng hưởng, linh thân mẫu Trần Thị Phụng 100DM.PT Hứa Tri(Hamburg)50DM.ĐH Nguyễn Lữu(Paris)10OFF.ĐH Trần Chí Lý(Emmendingen)20DM.ĐH ấn danh(Münster)100DM.PT Phạm Thị Anh Hoa(Lahr)20DM.ĐH Nguyễn Văn Lý(Tennenbronn)20DM.ĐH Trần Đức Phát(G'marienhütte)40DM.ĐH Phạm Tùng(Braunschweig)10DM.GĐĐH Lý Trường(")20DM.GĐĐH Lý Khái An (")20DM.ĐH Huỳnh Tú Dung(Heimstedt)50DM.ĐH Lê Vi Tửông(")10DM.ĐH Liêu Mạnh(")30DM.ĐH Trần Xô(")50DM.PT Huỳnh Thị Bé PD Diệu Lộc(")20DM.ĐH Quách Tuấn(")10DM.ĐH Dương Cẩm Mậu(")10DM.ĐH Đặng Hoàn Hào(")20DM.ĐH Huỳnh Sở Khanh(")20DM

ĐH Huỳnh Thiết Huệ(")20DM.ĐH Kỳ Kính C h i (")20DM.ĐH Lâm Cẩm(")10DM.ĐH Nguyễn Văn Nam (")20DM.ĐH Nguyễn Thị Nhi(")20DM.ĐH Trần Duyệt Như 20DM.ĐH Trần Thành 10DM.ĐH Trần Trinh 10DM.ĐH Trần Hoa Lệ 20DM.ĐH Nguyễn Thị Tử(Sindelfingen)20DM.ĐH Dương Kim(")20DM.ĐH Trần Phúc Hiến(")20DM.PT Đoàn Thành Hưởng(Troissingen)40DM.ĐH Viên Kim Huy(Sindelfingen)50DM.ĐH Nguyễn Văn Lượng(Düsseldorf)20DM.ĐH Nguyễn Thị Lan(Essen Steeler)20DM.ĐH Nguyễn Thị Trường(Düsseldorf)20DM.ĐH Nguyễn Văn Kiên(Garath)30DM.ĐH Đỗ Văn Lợi(Düsseldorf)50DM.ĐH Lai+ĐH Đỗ Thị Hiếu(Düsseldorf)40DM.PT Lê Chang(Düsseldorf)40DM.ĐH La Thiên Hữu(Zeiering)20DM.ĐH Nguyễn Thị Giang(Laufen)40DM.ĐH Lý Vĩnh Cường 50DM.ĐH Lý Trường(Rotenburg)50DM.ĐH Tạ Tông Khanh(Rotenburg)20DM.ĐH Phạm Văn Dũng 50DM.ĐH Tăng Lân(Lục Xâm Báo)10DM.PT Nguyễn Trung Trục(Hannover)50DM.ĐH Lê Tân Lộc(Haseninne)20DM.GĐĐH Lương Nai và La Weet Meng 10DM.ĐH Trường Nam Hoa(Aachen)40DM.ĐH Tử Thu Muối(Stadthagen)20DM.ĐH Liêu Thị Thê(Braunschweig)100DM.ĐH Phùng Quang Vinh(Hamburg)50M.PT Huỳnh Thị Cẩm Hiến(Fallingbostal)30DM.ĐH Nguyễn Hoàng Liệt(Hamburg)50DM.PT Dương Văn Hào+Nguyễn Thị Ngọc Dung 10DM.GĐĐH Trần Thanh Cường 50DM.PT Nguyễn Hữu Thiện(Braunschweig)20DM.ĐH La Phát Quang(Birgit Srowe)10DM.ĐH Châu Ngọc Lan(Braunschweig)20DM.ĐH Trần Duyệt Sanh-Chí Hải 30DM.ĐH Vi Sung Hiến(Braunschweig)20DM.ĐH Dư Anh Kiệt(Buchholz)30DM.ĐH La Cửu(Brügggen)50DM.ĐH Tăng Quốc Lượng(Hannover)20DM.ĐH Gerhard Zahmel(Häuslingen)20DM.ĐH Tăng Tân(Achim)20DM.ĐH Tăng Quốc Cở 20DM.ĐH Ngô Thị Lệ 40DM.ĐH Đào Văn Chung(Walsrode)50DM.ĐH Lạc C h â u Hùng(Achim)20DM.ĐH Bình Việt Vũ 20DM.ĐH Nguyễn Văn Nửa(Clausthal-Zelle)20DM.ĐH Văn Minh(Braunschweig)10DM.ĐH Nguyễn Hữu Tiếp(Minden)10DM.ĐH Đỗ Tấn Phát(Uelzen)10DM.PT Đỗ Văn Chang(")20DM.PT Đỗ Thị Nguyệt(")20M.GĐĐH Hà Lâm Kim Liên, Hà Ngọc Hoa, Lê Văn Hồng(M'gladbach)70DM.ĐH Lý Muối(Buchholz)20DM.ĐH Đặng Quốc(M'gladbach)20DM.ĐH Dương Thị Bé Tú(Neustadt)6DM.PT Võ Đức Tuấn 10DM

ĐH Lâm Vĩnh Phước(Braunschweig)20DM. ĐH Nguyễn Hữu Hạnh(Uelzen)20DM.ĐH Tạ Thị Ngọc Hoa(Nienburg)20DM.ĐH Nguyễn Thành Đê(Stad. thagen)50DM.ĐH Trần Đình Khải(Göttingen) 50DM.ĐH Phan Công Đê+ĐH Trần Thị Hiền (Clausthal-Zelle)20DM.Cu Đổng Cửu(Barn - trup)50DM.ĐH Nguyễn Văn Phong(Hildesheim) 30DM.GĐĐH Trần Đức Quang(Fallingbostel)50 ĐH Lý Tam(Hildesheim)40DM. ĐH Tưởng Phong Nguyễn Văn Linh(Seelze)20DM.ĐH Nguyễn Thị Đệp(Neumünster)50DM.PT Văn Công Trâm+ PT Văn Công Tuấn(Kiel)100DM.PT Tôn Nữ Thị Xuyên hội hưởng hưởng linh thân phụ Tôn Thất Dữ(Hannover)50DM.ĐH Phất(Walsrode)30 ĐH Khamphion RattanaVong(Kiel)150DM. ĐH Sally T Manbevers(Eckarthausen)50DM. ĐH Giang Huỳnh Hưởng(Lichtenstein)20DM. ĐH Woong Siu Khâm(Moers)50DM.ĐH Nguyễn Văn Lợi(Pforzheim)100DM.ĐH Nguyễn Đức Khang (Seevetal)20DM.ĐH Nguyễn Phước Huy(Frankfurt)10DM.ĐH Lưu Văn Thanh(Scheidegg)40DM ĐHHuỳnh Ngọc Hưởng(Bremervörde)10DM.ĐàoH. Nguyễn Thị Long(Rheine)20DM.ĐH Thẩm Xây-Và(Bochum)40DM.ĐH Đê Thị Ngọc(Hameln)30DM. ĐH Vũ Truyền Thịnh(Blexen-Nordenham)30DM ĐH Diệu Minh(Gießen)50DM.ĐH Nguyễn Khắc Căn(München)100DM.ĐH Trần Văn Long(Basel) 59,05DM.PT ăn danh(Marseille-Pháp)100FF . ĐH Nguyễn Thanh Tuy(Recklinghausen)20DM . ĐH Nguyễn Thị Hạnh(Braunschweig)hội hưởng hưởng linh thân phụ 200DM.PT Võ Thị Hoàng Mai(Hamburg)30DM.PT Tăng Kiên Võ+Võ Thị Lan Hưởng(Oslo-Na Uy)100DM.ĐH Ngọc D u n g (Tích Lan)20US.ĐH Nguyễn Trung Nghệ(CA - USA)10US.ĐH Lê Sanh 30DM.ĐH Phan Thị Lan (Weil am Rhein)50DM.ĐH Đinh Văn G i a n g (Mannheim)20DM.ĐH Lâm Việt Liên(Harings - liet Holland)25DM.ĐH Lưu Kim Cúc(Hỏa Lan) 25DM.PT và chùa Tử An(Ottawa-Canada)150đô la.Niên Phật Đổng Quan Âm(Montréal-Canada)650đô la.ĐH Diệu Bửu(Longeuil)20 đô la ĐH Vũong Gia Căn(Montréal)20 đô.ĐH Diệu Thiên,Diệu Mãn(")40 đô.ĐH Nguyễn B i n h Tuyên(")30 đô.ĐH Trần Thị Hiệp(")20 đô.ĐH Huỳnh Thị Tâm(")20 đô.GĐ ĐH Lê Huy Phúc - (Brisbane-Úc)30 đô.PT Lê Thị Hà(")20 đô . PT Lê Đức Phụng(")30 đô.PT Bùi Trọng Lượng và Gia Đình(")30 đô)ĐH Nguyễn Phú H ử u (")10 đô.Ban Trị Sự Hội Phật Giáo Quees - land-Úc)200 đô.PT Lý Diệu Ảnh(Vechta)20DM ĐH Trần Quang Trung(Oberhausen)10DM.ĐHùng Han Khi(Berlin)70DM.PT Trinh Yến Tâm(Vec.) 50DM.ĐH Nguyễn Ich Hiều(Oberhausen)50DM . ĐH Trương Phước Hảo(Vechta)20DM.ĐH Phạm Xuân Cảnh(Oberhausen)10DM.GĐĐH Tăng B ả o (Berlin)50DM.GĐĐH Cam+Ngô 50DM.ĐH TrầnNhư

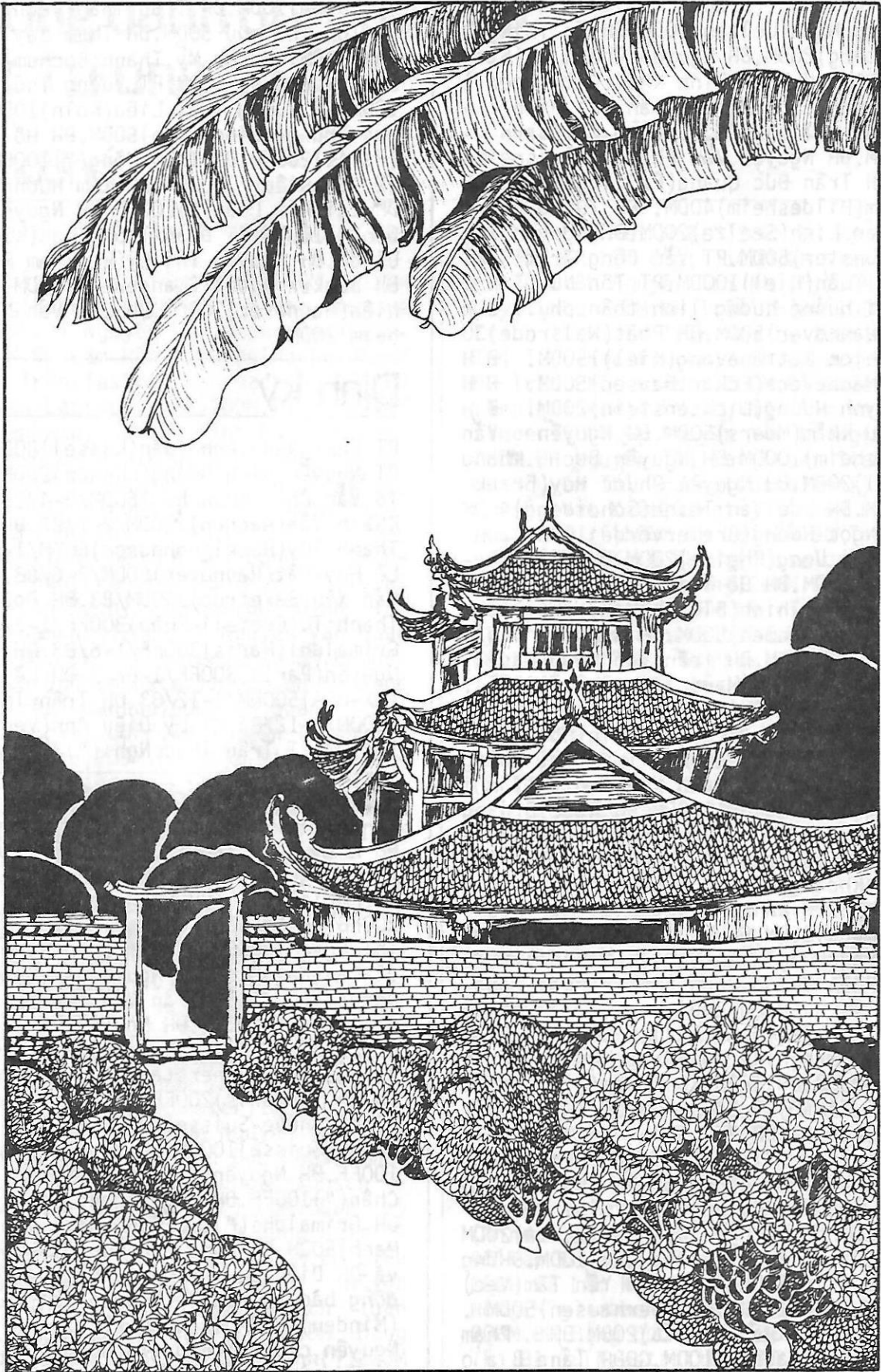
Kỳ(Lünen)10DM.ĐH Trần Thập(Vechta) 20DM. ĐH Tôn Thất Dữ 50DM.ĐH Thâm Say Và(Bochum)100DM.ĐH Chu Mỹ Thanh(Bochum)40DM. ĐH Sáng(Würzburg)35DM.PT Vũong Thủy Lê(Köln 10DM.PT Vũong Thủy Liễu(Köln)10DM.PT Lê Đức Trung(Weingarten)50DM.ĐH Hồ Ngọc Hoa (Paris)200FF.ĐH Thúy Hồng(")100FF.Bà ĐH Lê Văn Hiệp(")100FF.ĐH Tâm Hưởng(")50FF. ĐH Lai Kim Loan(")100FF.ĐH Nguyễn Danh Đàn(")100FF.PT Đoàn Tường Lan(KS-USA)10- US đê.ĐH Nguyễn Thị Lý(Weil am Rhein)20M ĐH Becker Rudolf(Langewehe)20DM.ĐH Diệu Niên(Hannover)100DM.ĐH Lâm Văn Nam(Mannheim)20DM.

Dịnh kỳ

PT Phạm Đăng Anh Tuấn(Kassel)80DM/1-4/83 PT Nguyễn Bình Dũng(Lünen)20DM/2/83.ĐH Tô Văn Phước(München)60DM/2-4/83.PT Laj Khánh Vân(Aachen)120DM/2-7/83.ĐH Nguyễn Thanh Tuy(Recklinghausen)60DM/1-6/83. ĐH Lê Huy Cát(Hannover)80DM/3-6/83.ĐH Nguyễn Văn Xứ(Barntrup)300DM/83.ĐH Đoàn Thị Thanh Tú(Crêteil-Pháp)300FF/1-6/83.ĐàoH. Grimaldhi(Paris)300FF/1-6/83.ĐH Hồ Văn Nguyễn(Paris)300FF/1-6/83.ĐH Lê Văn Hiệp (TX-USA)500DM/1-12/83.ĐH Trần Thị Lang " 120DM/1-12/83.PT Lý Diệu Anh(Vechta)50DM 3&4/83.PT Trần Thực Nghi(")30DM/3&4/83 .

Báo Viên Giác

ĐH Phạm Hồng Tân(Stuttgart)50DM.PT Nguyễn Đăng Tín(Bonn)20DM.ĐH Minh Long+ĐH Diệu-An(Paris)100FF.ĐH Linh Thị San(Liège-Bỉ) 200FB.ĐH Nguyễn Lưu(Paris)100FF.ĐH Huỳnh Thị Ngà(")200FF.ĐH Lâm Chân Hùng(Montréal-Canada)40 đô.ĐH Nguyễn An Bảo/Diệu - Nhòn(")50 đô.ĐH Trần Văn Thanh(")20đô.ĐH Tâm Giảng(")30đô.ĐH Nguyễn Văn Tươi(SA - Úc)20 đô.ĐH Bùi T.N.Bình(SA-Úc)10đô . ĐH Võ Hữu Trí(Münnerstadt)50DM.ĐH Đoàn Thị Thanh Tú(Paris)200FF.PT Nguyễn Thị Phước Liên(Genève-Suisse)100FF.ĐH Đoàn Thị Thuận(Suisse)100FF.ĐH Võ Văn Sum(Paris) 100FF.ĐH Nguyễn Sách(")200FF.ĐH Thái Văn Chân(")100FF.ĐH Thân Trọng Lạc(")100FF . ĐH Grimaldhi(")100FF.PT Thái Văn Anh(Đan Mạch)50DM.PT Hùng Giu Cung(VA-USA)30US . và ĐH Diệu Bửu(Longeuil-Canada)20đô giúp đồng bào ty nạn.PT Nguyễn Thị ThanhHương (Minden)100DM in kinh sách. Nguyễn cầu Tam Bào gia hộ cho tất cả Quý vị ĐH và Quý PT phúc trí nhĩ nghiêm ,Bồ Đê quả man.



Bản họa của Họa Sĩ Nguyễn Thị Hợp

Moderato.

ĐOẠN 3 : ĐI XUẤT GIA

Nửa đêm chốn cung yên tĩnh NGÀI vượt thành ra có Xa-nặc theo. Tám tháng
hai dấn thân cát bụi tuyết sơn tu hành với nhiều đạo tiên. Quyết tu
Sáu năm trường chiếc thân hao mòn. Pháp tánh chưa thấu nơi thâm
(Lý Kia)
huyền, biết xưa thật đã đi sai đường, dưới cây Bồ-đề nguyện thành công.

Moderato.

ĐOẠN 4 : THANH ĐẠO QUẢ

Qua bao đêm chí tâm tham-thiền, Trí thanh tịnh dứt vòng ma
chướng, thế gian nghiệp lửa thoát mê lầm. Từ Bi Trí Huệ mau viên
thành. Ngày mừng tám cuối năm lúc sao MAI-LỘ, Chúng
ngay pháp chân bình đẳng huyền vi kính cao. Cảm thương
đòi chúng sanh luân hồi, bốn chín năm pháp luân xây vàn, (bốn chín
năm pháp luân xây vàn) khắp nơi đều thấm ơn PHẬT ĐÀ.

Moderato.

ĐOẠN 5 : NHẬP NIẾT BẢN

Trăng ánh trắng êm đêm, với hương trầm dịu theo gió đưa, nhằm
lúc nửa đêm ngày rằm tháng hai, đúng năm tám mươi THỊ HIỆN (vừa độ) đau
gia, rừng Sa la, Đức NHƯ LAI an vui lâm Niết Bản, chúng tăng khắp nơi dựng
Tháp Tử Ân nhớ ghi, trải bao đời pháp âm chơn truyền, đức sáng
soi thế gian Ta Bà. Tứ sanh được nhóm tâm BỒ ĐỀ.
(đức sáng soi thế gian Ta bà, Tứ sanh được nhóm tâm Bồ Đề)

LỊCH SỬ PHẬT TỔ THÍCH CA MÂU NI

Moderato. ĐOẠN 1 : PHẬT ĐẢN SANH

Lời và điệu : Thích Huyền-Tôn
Ký âm : Phật-tử Nguyên-Thông.

Dương ánh dương tung bùng, sắp đón chào một vị Phúc-tinh, Mừng
tám tháng tư ngày PHẬT-ĐẢN-SINH, Tiếng vui lóan đưa Ca-tỳ-la
thành, Truyền tin tha thuế muôn dân, ban ơn cho kẻ nghèo, chúng
dân khắp nơi bày yến tiệc vui mùa ca . Cứ như lời Đức A - tư -
dã. Thái-tử sau đứng trang anh tài, với dung mạo tốt xinh tuyệt
vời (Thái-tử sau đứng trang anh tài, với dung mạo tốt xinh tuyệt vời.

Moderato. ĐOẠN 2 : TRONG CUNG VUI

Vui sống trong lâu đài, với cung đàn và bao tiếng ca, Hoàng-tử xét
xem cuộc đời chẳng công, sắc danh đấu tranh cấp bậc muôn phần trần
ai gây khổ cho nhau, tham, sân, si góc lằm . Ái ân cuốn lồi vào
chốn trầm luân tử sanh. Nghi thôi càng xót thương cho đời, quyết chí
đem Tám thân tu hành, kím ra ĐẠO giải nguy muôn loài. (quyết chí
đem tám thân tu hành, kím ra đạo giải nguy muôn loài).